Richard Bode

FIRST YOU HAVE TO ROW A LITTLE BOAT

BIỂN CẢ & GIÁ TRỊ CUỘC SỐNG

Những bài học từ biển sẽ giúp ích cho cuộc sống của bạn

First News

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

hạt giống tâm hồn

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

LỜI GIỚI THIỆU

"Cuộc sống con người luôn chật chội, nhiều khó khăn thử thách và nhiều đổi thay. Biển cả rộng lớn và bí ẩn luôn cho ta những bài học vô giá và không bao giờ cũ."

- Khuyết danh

Hành trình của chúng ta trong cuộc sống có rất nhiều điểm giống như việc chèo lái, định hướng một con thuyền trên biển cả sóng gió. Trong cuộc hành trình đó, mỗi người chúng ta đều được quyền phán đoán và có những lựa chọn khác nhau, hoặc an phận, đi theo con đường dễ dàng, hoặc dũng cảm, dấn thân đi qua vùng bão tố. Điều đó cũng có nghĩa là mỗi người đều có thể lựa chọn cuộc sống cho chính mình mà không phải phụ thuộc vào bất cứ ai, vào bất cứ điều gì và hoàn cảnh nào. Điều quan trọng nhất mà chúng ta cần có là đưa ra những quyết định đúng đắn, sáng suốt để có thể thành công trên con đường của chính mình, hướng tới những ý nghĩa và giá trị đích thực của cuộc sống.

Richard Bode, tác giả cuốn sách *Biển cả và những giá trị cuộc sống*, đã gắn tình yêu của mình vào biển cả từ khi còn là một cậu bé. Ước mơ trở thành một thủy thủ đích thực đã không ngừng thôi thúc ông học hỏi và khám phá những bí ẩn lớn lao từ người thầy bao dung nhưng cũng vô cùng khắc nghiệt: Đại dương. Bằng trái tim rộng mở, sự quan sát tinh tế và nguồn cảm hứng vô tận từ đại dương bao la, với những trải nghiệm sâu sắc của một thời tuổi trẻ lênh đênh trên sóng nước cùng sự am hiểu, nhạy bén trong cảm

nhận những quy luật của tự nhiên, tác giả Richard Bode đã chuyển tải đến độc giả khắp thế giới những khát khao về một thế giới tự do bất tận giữa thiên nhiên, những ước mơ, hy vọng, những đam mê, hoài bão và những bài học cuộc sống qua cuốn sách *Biển cả và những giá trị cuộc sống*.

Với cậu bé nhân vật chính trong tác phẩm này, biển cả chính là cuộc sống của cậu - một cuộc sống với sóng gió, thủy triều, những đàn chim hải âu, những đợt sóng không ngừng, và trên hết là những suy tư, khát khao được thử thách, khám phá... Ước mơ trở thành thủy thủ đã từng đặt cậu trước sự lựa chọn mang tính quyết định: sẽ đứng yên trên bờ biển, sống với những nỗi sợ hãi và tiếc nuối, hay là dám căng buồm đón gió, mạo hiểm ra khơi để thỏa mãn khát vọng và tiếp nhận những bài học vô giá từ trải nghiệm của chính mình? Cậu đã quyết định dấn thân để hiểu được rằng những cơn bão tố, những đợt sóng thần, những tảng băng trôi... đều vô cùng lớn lao so với sự nhỏ bé, yếu ớt của con người, nhưng con người đều có thể vượt qua tất cả những sức mạnh đó bằng trí thông minh và lòng dũng cảm. Giữa đại dương, con người gần như đặt số mệnh của mình vào biển cả. Họ có thể bị đói khát, bị mất phương hướng, tuyệt vọng hoặc bị dìm xuống đại dương... Nhưng qua sự tôi luyện đầy gian nan, thử thách đó, con người đã mạnh mẽ, trưởng thành và khám phá ra được nhiều điều vô giá cho cuộc sống của mình.

Qua từng trang sách *Biển cả và những giá trị cuộc sống*, chúng ta sẽ tìm thấy những bài học bổ ích về cuộc sống, về cách nuôi dưỡng ước mơ cũng như lựa chọn hướng đi trong cuộc đời. Mỗi chúng ta tuy có một mục tiêu sống khác nhau, dù nhỏ bé hay vĩ đại, dù bình thường hay cao cả, nhưng đều phải nỗ lực không ngừng vì nó. Và quan trọng hơn, chúng ta hiểu rằng cuộc sống là một hành trình không có điểm dừng chân cuối cùng, làm cách nào để có thể hướng đến đích quan trọng hơn là khi nào về đích, cảm nhận và sống với những hạnh phúc trong đời quan trọng hơn là tham vọng chiếm hữu những tài sản to lớn.

Có những bài học thật bình dị nhưng sau này chúng ta mới thấy rằng nó thật có ích và ý nghĩa. Biển cả và những giá trị cuộc sống sẽ truyền cho chúng ta những bài học cuộc sống và hướng chúng ta tiếp cận với các quy luật tự nhiên cũng như của đời sống con người, giúp chúng ta cảm nhận cuộc sống một cách tinh tế, sâu lắng. Cuốn sách này sẽ là nguồn cảm hứng tinh thần giúp chúng ta vượt qua thử thách để thực hiện được ước mơ của mình.

- First News

1
BÀI CA NGƯỜI THỦY THỦ

"Hãy nuôi dưỡng ước mơ và khát vọng sống, như bình minh rực sáng trên biển rộng bao la."

- Khuyết danh

Khi còn trẻ, tôi đã từng lập một lời tuyên thệ, rằng sẽ dạy các con mình học cách đi biển. Nhưng lời hứa ấy mãi mãi đã không thể được thực hiện.

Những lo toan thường nhật của cuộc sống: công việc, địa vị, tiền bạc, sức khỏe... đã không cho phép tôi truyền lại những trải nghiệm cả đời mình cho các con. Tôi đã không chỉ dẫn cho chúng đầy đủ những điều hay lẽ phải. Cũng không truyền lại được những kinh nghiệm mà mình đã trải qua thời trai trẻ.

Tôi đã cố gắng để tha thứ cho mình, nhưng hình như điều đó là quá sức. Dù tôi có tự bào chữa thế nào đi nữa, thì vẫn phải đối mặt với một sự thật đầy xót xa: Tôi đã không dạy các con mình học cách đi biển.

Tận trong tâm khảm, từ những giấc mơ, tôi thấy mình đã thực hiện lời hứa với bản thân: đưa các con, từng đứa, từng đứa một ra khơi trên chiếc thuyền một buồm ọp ẹp mà tôi đã bán không lâu

sau khi lũ trẻ ra đời. Tôi dạy chúng làm thế nào để giong thuyền qua lạch nước mặn và thẳng hướng theo ngọn hải đăng khi đi ngang qua vịnh. Tôi dạy chúng cách hướng mũi hay đuôi thuyền xuôi theo hướng gió. Tôi dạy chúng căng buồm, hạ buồm, cách ném mỏ neo qua khoang thuyền, cách dừng thuyền để bỏ neo khi biển động... Qua giấc mơ, tuy tôi biết mình không thực sự dạy các con đi biển, nhưng chí ít tôi cũng đã dạy chúng cách sống hoàn toàn không dựa vào những giáo điều. Tôi muốn chúng hiểu rằng: cách lèo lái đưa thuyền thoát khỏi những khu vực nguy hiểm cũng tương tự như cách ta đương đầu với những thử thách trong cuộc sống.

Lúc còn trẻ, tôi chỉ đơn thuần học cách để lái thuyền chứ chưa thực sự nhận ra những kinh nghiệm mà mình học được từ cuộc sống lênh đênh nơi biển cả lại quý giá và hữu ích về sau đến vậy.

Khi thấy gió đổi chiều, tôi chỉ việc điều khiển bánh lái chỉnh hướng thuyền, thả neo... - đơn giản là làm những việc phải làm - chứ không hề nghĩ sâu xa rằng: đó là một bài học khác của cuộc đời.

Tôi đã nhận thấy mối quan hệ giữa bản thân mình và các yếu tố tự nhiên là không kiểm soát được. Gió có thể thổi đến từ bốn phương. Gió có thể thét gào, lặng đi và cũng có thể ngừng thổi bất cứ lúc nào. Tôi không được chọn gió bởi nó thuộc về thế lực tự nhiên. Nhưng tôi buộc phải lái thuyền theo gió. Và có đôi khi gió bỗng ngừng thổi, tôi đành phải chờ đợi với sự kiên nhẫn của Job(*) nếu muốn di chuyển đến nơi mình cần.

(*)Trong Kinh thánh, Job là người phải kiên nhẫn chịu đựng trong mọi hoàn cảnh.

Tôi cho rằng loài người khá ngạo nghễ khi nghĩ rằng mình thống trị được cả thế giới. Họ tin rằng thế giới thuộc về loài người, rằng họ có thể kiểm soát được nó. Nhưng người thủy thủ lại khác, họ cho đó chẳng qua là một ảo tưởng. Người thủy thủ luôn ở bên cạnh bánh lái, quan sát và chờ đợi. Anh ta hiểu mình không phải là chúa tể của tất cả, thậm chí chẳng hơn được loài cá trong đại dương mênh mông hay loài chim trên bầu trời bao la. Nhưng anh ta biết cách ứng phó khi gió đổi chiều hoặc khi thủy triều rút... Anh ta có quyền thay đổi lịch trình, kéo buồm theo hướng gió, và dong buồm ra khơi.

Cuồng phong, bão tố, sóng thần, băng trôi... tất cả đều cho thấy sự nhỏ bé và yếu ớt của con người trước các thế lực tự nhiên. Giữa đại

dương, con người không thể tự định đoạt số mệnh của mình. Họ có thể bị quật ngã, bị bỏ đói, bị cô lập và thậm chí đối diện với tử thần. Đôi khi họ được nâng bổng lên bởi một bàn tay vô hình nào đó nhưng rồi lại có thể bị nó nhấn chìm bất cứ lúc nào.

Tôi lần lượt mất cả cha lẫn mẹ khi còn là một cậu thiếu niên khờ khạo. Điều đó quả thực vượt quá sức tưởng tượng của một đứa trẻ, nhưng cũng chính cơn nguy biến định mệnh ấy đã hướng cuộc đời tôi rẽ sang bước ngoặt khác. Tuy tôi không thể làm chủ nó cũng như lấy lại những gì mà nó đã cướp đi, nhưng tôi sẽ cố lèo lái nó cho đến khi tìm được một nơi nào đó để dừng chân.

Tất cả những bất hạnh đó đã xảy ra với tôi nửa thế kỷ trước, và tôi vẫn đủ sức để tiếp tục tồn tại. Qua nhiều năm, tôi nhận ra rằng, mặc dù nỗi đau thương ấy dường như là quá sức chịu đựng với nhiều người, nhưng cuộc sống thường nhật không phải toàn khó khăn, trắc trở. Ngày nối tiếp ngày trôi qua, cuộc sống cũng giống như một cơn gió luôn biến đổi không ngừng. Gió không ngớt đổi chiều, theo hướng Bắc-Đông Bắc, rồi Đông Bắc, rồi lại Bắc. Cũng như tâm trạng chúng ta luôn thay đổi, buồn, vui, giận dữ thất thường. Như người thủy thủ điều khiển thuyền theo hướng gió, chúng ta cũng vậy, phải luôn làm chủ cảm xúc của mình.

Trong những giấc mơ, tôi thấy mình cùng các con đi biển và chia sẻ với chúng những suy nghĩ này. Nhưng thật sự chẳng có chuyến đi biển nào cả. Và vì thế, chẳng có cơ hội nào để tôi truyền cho chúng những kiến thức về nghề đi biển. Ở cương vị một người cha, tôi đã nghiệm ra rằng thật khó để có thể truyền lại cho con những bài học kinh nghiệm của mình về cuộc sống. Đồng thời, tôi cũng hiểu một cách muộn màng rằng, các con tôi sinh ra là để học những bài học kinh nghiệm từ chính bản thân chúng chứ không phải từ cha mẹ. Và dù tôi có nỗ lực đến đâu để hoàn thành ước muốn của mình thì cũng chẳng đem lại kết quả gì.

Sự thật là, dù nội tâm có day dứt hay nuối tiếc thế nào đi nữa, tôi cũng sẽ không thể suốt đời cứ kết tội bản thân về những việc mình đã làm hoặc không làm. Vấn đề là ở chỗ: tuổi trẻ của tôi, tôi học đi biển, còn các con tôi thì không. Tôi không biết tại sao điều đó lại xảy ra và cũng chẳng thể hiểu tại sao có những sinh viên cắm cúi vào thư viện trường trong khi một số khác lại chọn phòng thể dục. Điều đó dấy lên trong tôi một suy nghĩ: Phải chăng có những đích đến vẫy gọi chúng ta từ một nơi bí ẩn nào đó trong chính mỗi người và bản năng chúng ta phải trực tiếp lắng nghe tiếng gọi ấy?

Những dòng chảy êm ả của cuộc sống đã đưa tôi ra biển trên một chiếc thuyền buồm khi tôi còn là một cậu bé. Đó là hành trình tôi chọn cho mình, và nó đã tạo nên những khác biệt trong cuộc sống của tôi.

Các con tôi giờ đã trưởng thành và bận rộn hơn với cuộc sống, với vinh quang và những nỗ lực có ý nghĩa đặc biệt với chúng. Còn tôi thì ôm mãi trong lòng câu chuyện chưa kể, mà cũng chẳng có ai để kể. Vì thế, những gì tôi viết ra đây như một cách để chuộc lỗi cho những việc mà tôi đã bỏ quên trong quá khứ. Tôi giống như một người thủy thủ xa xưa, cố níu lấy những người xung quanh hay bất chợt đi ngang, chỉ để kể cho họ nghe bài ca của mình.

2
BÀI HỌC ĐẦU TIÊN

Lần đầu tiên, niềm khao khát được lái một con thuyền nảy sinh trong suy nghĩ của tôi năm mười hai tuổi. Tôi đứng trên bờ và mải miết dán mắt vào những chiếc thuyền hết tròng trành rồi lại đứng yên trong làn gió nhẹ. Tôi bắt đầu hình dung về việc lái thuyền, trông nó đơn giản hơn nhiều so với việc một cầu thủ bóng chày đánh quả home- run(*) hay đánh một quả bóng quá cỡ qua khung kim loại. Khi điều khiển thuyền, tôi chỉ việc giương buồm, làm cho buồm no gió, và thế là mặc sức vùng vẫy thỏa thích như chú chim non lần đầu tiên được bay nhảy trong bầu trời xanh bao la.

(*) Cú đánh cho phép người chơi chạy quanh ghi điểm mà không dừng lại.

Nhưng người đầu tiên dẫn dắt tôi hòa nhập vào thế giới đại dương lại không nghĩ vậy. Tên ông là Harrison Watts. Thoạt đầu, những hiểu biết của tôi về ông chỉ dừng lại ở cái tên của ông. Ông là một thuyền trưởng huyền thoại, người đã bứt lên, vượt xa những chiếc thuyền đua và thuyền chạy trên băng khi vịnh Đại Nam cùng toàn bộ vùng đất liền từ Trường Đảo đến Hỏa Đảo bị đóng băng vào mỗi mùa đông. Nếu có dịp đến đây, bạn hãy dừng chân ở cuối đại lộ Đại Dương trong thị trấn cổ xưa của Vịnh Biển, bạn sẽ thấy ngay ngôi nhà khung gỗ của thuyền trưởng sừng sững ở đó -

phía Bắc vịnh, xoay lưng lại với khúc sông nước mặn nhộn nhịp. Bạn có thể tìm thấy chiếc Nimrod, chiếc thuyền đã gắn bó với ông trong cả Thế chiến thứ hai và nhiều năm về sau, đang lắc lư trong gió. Ông nối gót những thế hệ đi trước đến vùng biển viễn đông này an cư lạc nghiệp và cũng tiếp bước theo họ mắc căn bệnh thấp khớp.

Tôi thường nhìn thuyền trưởng ở một khoảng cách khá xa, vì ông đậu neo chiếc Nimrod tại dải nước hẹp từ xưởng đóng tàu, nơi tôi hay đến chơi những khi rảnh rỗi. Ông chừng bảy mươi tuổi, có dáng dấp bệ vệ, gương mặt đôn hậu ẩn sau chiếc mũ lưỡi trai bằng vải dù trắng có vành dài. Mặc dù khá lớn tuổi nhưng ông vẫn giữ được sự linh hoạt, nhanh nhẹn, quyết đoán của một vị chỉ huy từng trải, gan dạ. Vào những chiều hè, ông hầu như luôn có mặt tại khoang lái của chiếc Nimrod, trở về từ vịnh với khoang thuyền ăm ắp cá, đi vào lạch và kéo theo một chiếc xuồng mũi cong ở phía sau. Tôi chắc rằng ông cũng nhìn thấy tôi, bởi tôi luôn ngồi bên bờ vịnh để có thể học được cách ông cho thuyền cập bến như thế nào.

Một cách tự nhiên, ông trở thành người thầy dạy tôi bài học vỡ lòng về tàu thuyền. Đó là vào một ngày cuối tháng sáu, khi kỳ nghỉ hè thú vị vừa chớm bắt đầu. Sáng hôm ấy, tôi đạp xe đi vòng quanh xưởng tàu và phát hiện ra chiếc Nimrod lừng lẫy một thời đang phơi mình trên cạn, còn thuyền trưởng thì đang hì hục dưới lòng thuyền, đập đập, gõ gõ vào bụng nó. Tôi mon men tiến lại gần nơi ông làm việc với bộ dạng rụt rè, phần vì đối với tôi, ông vẫn còn là một bí ẩn, phần vì sợ ông đột nhiên biến thành một thủy thần có thể cắt đầu tôi bất cứ lúc nào. Tôi yên lặng ngồi trên một khối gỗ lớn cạnh thuyền ông với đôi mắt không ngừng cảnh giác. Bỗng chốc nỗi sợ hãi trong tôi chợt tan biến khi ông quay sang trò chuyện với tôi. Tôi nhận ra nỗi sợ của mình thật vô lý. Thì ra, ông cũng là một người bình thường như bao người khác và đứa trẻ con trong tôi bắt đầu cảm thấy thinh thích khi tiếp xúc với ông.

“Này, anh bạn nhỏ của ta”, ông nói cứ như thể chúng tôi đã là một đôi bạn tri kỷ, “sao cậu ra đây sớm thế?”.

“Con đang tìm một con thuyền”, tôi ngoan ngoãn trả lời. Tuy điều đó không được thành thật lắm, nhưng cũng không hẳn là một lời bịa đặt.

“Loại thuyền nào?”

“Thuyền buồm ạ.”

“Thế cậu có thể lái thuyền được không?”

Tôi cảm thấy sợ phải trả lời câu hỏi này, bởi vấn đề khó khăn nhất trong cuộc sống là phải thừa nhận sự ngu dốt của bản thân trước người khác trong khi đang cố gắng tìm mọi cách gây ấn tượng. Tôi có tài bốc phét với lũ bạn về việc mình có thể làm gì và sẽ đi những đâu nếu được sở hữu một chiếc thuyền của riêng mình. Và lũ bạn ngờ nghệch của tôi không mảy may nghi ngờ. Ở tuổi mười hai, thật khó có thể cưỡng lại được sự tán dương, khen ngợi từ bạn bè cùng trang lứa. Nhưng với thuyền trưởng thì lại là chuyện khác. Một chuyên gia lão luyện như ông sẽ không mấy khó khăn để phát hiện ra rằng tôi đang khoác lác. Thậm chí, ông còn có thể nhìn thấu được tâm can tôi khi tôi chưa mở miệng nữa là đằng khác.

“Dạ không, con không thể”, tôi đáp.

“Thế cậu đã bao giờ đi trên một chiếc thuyền buồm chưa?”

“Dạ... Không hẳn là thế ạ”. Tự dưng, tôi lại cảm thấy lúng túng trước câu trả lời không mấy tự tin của mình.

“Cậu chưa bao giờ đi thuyền, cũng như chưa từng đi trên một chiếc thuyền buồm nào cả. Vậy mà cậu lại muốn có một chiếc thuyền. Cậu có nghĩ rằng điều đó là quá xa vời?”

“Ồ, con nghĩ rằng mình có thể tự xoay xở được.”

Ông lăn ra ngoài từ phía dưới chiếc Nimrod và đứng thẳng dậy. Tôi hồi hộp chờ đợi khoảnh khắc tuyệt vời sẽ xảy đến khi ông hô biến và lập tức chiếc thuyền một buồm sẽ hiện ra để cả hai có thể ra khơi. Nhưng thật thất vọng bởi chẳng có bài học nào về lái thuyền cả. Thay vào đó, ông chậm rãi bước về phía buồng lái lôi ra đôi mái chèo, sau đó đi thẳng đến chỗ chiếc xuồng mũi cong mà ông đã buộc vào bến tàu. Ông đưa mái chèo cho tôi. “Lên xuồng nào!”, ông nói gần như ra lệnh, “Bây giờ, việc đầu tiên cậu cần làm là học chèo thuyền nhỏ trước đã!”.

Tôi ném nhanh cái liếc mắt về phía chiếc xuồng bé tí với vẻ mặt không hài lòng chút nào. Thân hình ngắn ngủn của nó cứ dập dềnh trên sóng như một cái nút bần càng làm tôi thấy khó chịu. Một sự sỉ nhục quá thể đối với một đứa bé mười hai tuổi đầy tự trọng như tôi. Tôi khát khao được sở hữu chiếc thuyền một buồm, nếu không thì thuyền đáy bằng nhỏ, hay chí ít cũng là một chiếc thuyền thoi có bốn đến sáu mái chèo. Tôi muốn được giương buồm trên vịnh, xuyên qua đại dương, thám hiểm thế giới, oai

phong như một thủy thủ thực thụ. Vậy mà...

Tuy nghĩ vậy nhưng rồi tôi cũng bước lên xuồng, bắt đầu điều khiển nó theo bản năng một cách khó nhọc. Quả thật không dễ để thuần hóa "con quái vật hai càng đáng ghét" này, nó cứ tròng trành liên tục như thể muốn ném tôi xuống biển vậy. Trong khi tôi đang khổ sở đánh vật với chiếc xuồng thì thuyền trưởng vẫn bình chân như vại. Tôi đoán rằng ông ta đang ngầm đánh giá xem khả năng giải quyết tình huống của tôi đến đâu.

Sau ba ngày liên tục luyện tập, cuối cùng thì tôi cũng đã có thể tự mình chèo xuồng, thậm chí còn khá thuần thục trong những pha luồn lách khi gặp phải những chiếc thuyền lớn. Thuyền trưởng thỉnh thoảng mới xuất hiện ở cầu tàu, ông vẫy tôi lại và chỉ dẫn thêm một vài điều. Nhưng phần lớn thời gian, ông đứng trầm ngâm ở đó quan sát cách tôi khua mái chèo. Tôi không biết liệu ông có hài lòng với sự tiến bộ của tôi hay không. Hy vọng tôi sẽ không làm ông thất vọng. Về phần mình, tôi thực sự cảm thấy tự hào về bản thân, bởi tôi nhận thấy mình có khá nhiều kinh nghiệm và đủ nhanh nhạy để phán đoán tình huống cũng như có thể làm chủ được hoàn cảnh một cách tốt nhất.

Ngày qua ngày, dưới sự quan sát thầm lặng của thuyền trưởng, tôi đã rèn được một số kỹ năng như cách đoán biết vùng nước xoáy, tháo nước khi thuyền gặp sự cố hay cách đẩy mái chèo sao cho ít tốn sức nhất mà vẫn hiệu quả... Nói chung là những điều cơ bản mà một thủy thủ cần phải biết. Đầu tiên, tôi học cách khóa hai mái chèo vào nhau, sau đó học cách cho thuyền tiến lên phía trước với những tốc độ khác nhau bằng cách thay đổi nhịp chèo. Quan trọng hơn là cách nhìn của tôi về đại dương, về nghề đi biển cũng từng bước thay đổi, thâm trầm hơn, sâu sắc hơn. Tôi nhận ra rằng một khi ta lênh đênh trên mặt biển, tứ bề chỉ có nước và nước, thì bản năng sống của ta sẽ được bộc lộ một cách mãnh liệt nhất.

Chúng ta là những sinh vật sống trên cạn, thế nên chúng ta dễ dàng thích ứng với các nguyên tắc trên mặt đất. Đầu tiên, chúng ta học lái xe ba bánh, rồi xe đạp hai bánh, và cuối cùng, khi đến tuổi, chúng ta có thể sở hữu một chiếc ô tô. Nhưng dù là phương tiện nào thì tất cả đều có chung một điểm: di chuyển bằng bánh trên bề mặt rắn chắc như bê tông hay mặt đường rải nhựa. Nếu xe muốn rẽ trái thì bánh sẽ quay sang trái và ngược lại. Ngay từ thuở nhỏ, quy luật sử dụng các phương tiện này đã ăn sâu vào ý thức mỗi chúng ta và cũng bắt đầu từ đó, chúng ta gần như luôn có xu hướng áp dụng quy luật này vào bất cứ việc gì.

Nhưng chiếc xuồng mà tôi chèo ngày ấy không có bánh và cũng chẳng thể di chuyển trên bề mặt cứng. Đáy nó khá bằng phẳng để có thể lướt êm trên mặt biển mềm mại, và cách nó di chuyển cũng trái ngược hẳn với xe máy hay ô tô... Thật thú vị làm sao khi bạn khám phá ra rằng, nếu gạt mái chèo trái về sau thì xuồng sẽ rẽ sang phải, và ngược lại, gạt mái chèo phải về sau thì xuồng lại rẽ trái. Còn nếu gạt một mái chèo về sau và đẩy mái chèo còn lại về phía trước, lập tức xuồng sẽ quay vòng tròn. Tất cả những nguyên lý chuyển động ấy hoàn toàn tương phản với những gì tôi từng biết. Đôi khi cũng cần phải sử dụng cả trí tuệ lẫn sức lực mới có thể điều khiển được một chiếc xuồng.

Trong cuộc sống thường ngày, sẽ có những lúc chúng ta từ đất liền ra biển hay ngược lại, nhưng có lẽ chỉ dừng lại ở những chuyến nghỉ mát, du ngoạn, không như các thủy thủ ngày này qua ngày khác lênh đênh trên biển cả. Theo thời gian, cuộc sống của chúng ta sẽ có những biến chuyển tích cực hơn cả về điều kiện sống lẫn sự nghiệp. Khi đó, mỗi chúng ta sẽ phải tự thay đổi mình để có thể thích nghi với môi trường mới vì mỗi môi trường, mỗi hoàn cảnh đều có quy luật riêng và những đòi hỏi, yêu cầu riêng. Đôi khi, sự thay đổi ấy diễn ra quá nhanh khiến chúng ta mất phương hướng. Ở công sở, chúng ta áp đặt, chuyên quyền với đồng nghiệp của mình, về nhà lại trút hết những bực dọc lên đầu con cái. Bản thân chúng ta thay đổi nhanh đến nỗi chính chúng ta cũng không biết mình là ai... Chúng ta không thực sự cảm nhận được sự thay đổi trong mỗi hoàn cảnh vì chúng ta đã không dành thời gian để nhận ra vai trò của mình.

Chỉ một số ít người là có thể nhận ra được điều đó, họ học từ cách sống tự tin của loài vịt trời - một loài không bao giờ nhầm lẫn giữa hai môi trường sống: mặt nước và bầu trời. Khi đắm mình trong làn nước mát, nó tận hưởng cuộc sống bằng cách xếp gọn cánh và thu gọn cổ, thong thả dang đôi chân phủ màng và khỏa nước, vục mỏ xuống nước tìm thức ăn. Còn khi bay trên không, nó xếp chân lại, vươn dài cổ, dang rộng cánh, vỗ mạnh và nhẹ nhàng lướt đi.

Tôi ngồi giữa xuồng, dõi mắt tìm đích đến của mình. Nhưng đích đến của tôi là đâu, tôi chưa thể nhìn thấy. Tôi luôn tự hỏi, mình đã bắt đầu từ đâu, rằng sự am hiểu của tôi đã giúp được gì cho bản thân trong cuộc sống lẫn công việc. Mọi thứ không phải lúc nào cũng dễ dàng nhìn thấy như những vầng sáng lóng lánh phản chiếu bởi ánh mặt trời có thể thấy ngay trên mặt biển trước mặt. Có những điều chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng và chỉ khi nhắm mắt lại, chúng ta mới có thể nhìn thấy. Khao khát được chạm đích, cậu nhóc ngồi trên thuyền làtôi bắt đầu tựđịnh hướng cuộc

đời mình bằng những cảm nhận sâu xa từnội tâm. Tôi nghĩ về cuộc hành trình đi đến khát vọng của mình...

Và như thế, một lúc nào đó, tôi và chiếc xuồng sẽ không thể tách rời nhau, như cung thủ gắn bó với cây cung hay họa sĩ không thể rời giá vẽ. Những gì tôi rút ra được ở đây là chúng ta phải làm chủ chính mình, đồng thời phải luôn sẵn sàng trong tư thế chinh phục những thử thách. Lý do vì sao các bậc cha mẹ thường đưa con cái đến tham dự các giải đấu dành cho nhi đồng, là vì qua đó họ muốn con mình nhận thấy sức mạnh của tinh thần làm việc tập thể cũng như hiệu quả của sự canh tranh công bằng. Họ muốn đứa trẻ nhận thức được những ảnh hưởng từ đồng đội trong thể thao cũng như từ những người xung quanh trong cuộc sống. Thực tế, chúng ta đấu tranh không phải để chống lại người khác mà là chính bản thân mình. Và những thành tích mà bạn đạt được luôn là điểm ngắm để những người xung quanh học hỏi và phấn đấu vượt qua. Hãy dạy con bạn cách luôn đứng vững trước những khó khăn của cuộc sống. Hãy đưa chúng ra biển trên một con thuyền nhỏ để chúng thấy việc điều khiển thuyền là khó đến nhường nào.

3

GIÓ SẼ NÂNG ƯỚC MƠ TUỔI THƠ

Tôi đã chú ý đến chiếc thuyền một buồm màu xanh đó trước khi có nó trong tay. Vì thời gian này đang còn trong giai đoạn nghỉ hè nên tôi thường ra bờ vịnh hóng gió. Như thường lệ, một hôm, tôi rảo bước đến đây và phát hiện sự xuất hiện đột ngột của con thuyền. Chiếc thuyền với cánh trắng phập phồng, duyên dáng hệt một nàng thiên nga đang lướt theo làn gió trong lạch nước mặn. Trên boong, người lái tàu đang kéo bánh lái về phía ngược với cột buồm, trong tích tắc, nó đã giong thẳng ra vịnh rồi mất hút theo làn gió nhẹ. Con thuyền dần khuất xa tầm mắt, vừa đủ để gây ấn tượng trong tôi. "Nàng thiên nga duyên dáng" với toàn thân bằng gỗ, sàn lên nước bóng loáng lấp lánh trong ánh mặt trời sớm mai, càng khiến niềm khát khao trong tôi dâng lên cháy bỏng.

Tôi muốn có chiếc thuyền màu xanh này vô cùng, nhưng lại không biết làm cách nào để có nó. Sở hữu nó ư? Một ước mơ quá sức tưởng tượng, và tôi biết mình chỉ có thể sở hữu nó trong tâm tưởng mà thôi, như cái cách chàng trai yêu đơn phương một cô gái. Ngày ấy, tôi chưa đủ lớn để có thể hiểu rằng mọi ước mơ nếu được nuôi dưỡng sẽ lớn lên dần theo thời gian. Trong cuộc sống, chúng ta vẫn thường đấu tranh để giành lấy cái gì đó về mình nhưng không phải đơn thuần chỉ là sự chiếm hữu mà còn do lòng

đam mê, sức hút mạnh mẽ từ hai phía. Cũng như tôi và chiếc thuyền vậy, cả hai hấp dẫn lẫn nhau. Và một khi sự say mê ấy đủ mãnh liệt thì không gì có thể chia lìa được chúng tôi.

Những ngày tiếp sau đó, chiếc thuyền một buồm màu xanh ấy nghiễm nhiên trở thành một chuẩn mực tao nhã để tôi đem ra so sánh với những chiếc thuyền khác. Thật thất vọng bởi chẳng có chiếc nào giống nó cả. Tôi đi lang thang khắp xưởng tàu, hết nhìn ngắm những chiếc thuyền lại quay sang quan sát những chủ tàu, và lúc này trong đầu tôi bỗng nảy ra một trò chơi tưởng tượng, rằng một vị thần sẽ hiện ra và nói với tôi: "Hãy chọn lấy một chiếc thuyền vừa ý trong số tất cả những chiếc mà ngươi đã từng gặp, ta sẽ biến nó thành của ngươi". Không một chút do dự, tôi sẽ chọn ngay chiếc thuyền buồm màu xanh ấy, chiếc thuyền đã phiêu bạt khắp nơi trong gió bể suốt bao năm qua như một chàng lãng tử kiên cường.

Tất nhiên, tôi cũng biết rằng, đó chẳng qua chỉ là sự mơ mộng hão huyền, cái mà trong xã hội thực tế, người ta hay cười nhạo: "Đừng có ngồi đó mà mơ mộng! Hãy tìm một cái gì đó thiết thực hơn để làm đi". Tôi đã từng thầm thía nỗi buồn đó khi bị người lớn quở trách, cho rằng chiếc thuyền một buồm màu xanh của tôi chỉ là giấc mơ hoang đường. Tôi cũng đã nghe mỏi cả tai những khuyến cáo từ thầy cô, người thân trong gia đình và thậm chí là từ cha mẹ của chúng bạn. Tất cả họ dường như ai cũng muốn kiểm soát cái thế giới riêng tư của lũ con nít chúng tôi.

Ngay cả bây giờ cũng vậy, những lời khuyên như thế đối với các con của tôi cũng thật vô ích. Bởi mơ ước trẻ thơ bao giờ cũng là cội nguồn của những thành công trong tương lai. Longfellow đã đúng khi cho rằng: "Ước mơ của một cậu nhỏ chính là ước mơ của gió, chỉ có suy nghĩ của người trưởng thành mới là thực sự chín chắn". Để dập tắt những ước mơ đang tràn ngập trong tâm trí một đứa trẻ không phải là chuyện đơn giản. Tốt nhất nên nuôi dưỡng hơn là tìm mọi cách giết chết nó. Ở một chừng mực nào đó, ước mơ sẽ cho đứa trẻ biết mình là ai, cần có điều gì và thậm chí có thể soi đường cho đứa trẻ trên những bước chập chững đầu tiên.

Chúng ta thường không quan tâm đến những ảo vọng quá xa vời, vì cho rằng chúng hoàn toàn vô nghĩa. Nhưng thực chất chúng lại là hệ quả của những mong ước rất nhỏ bé, gần gũi luôn hiện diện trong mỗi người. Chúng ta nên tận dụng để biến chúng thành sức mạnh tiềm ẩn, từ đó phấn đấu vươn lên trong cuộc sống. Vì lẽ đó, chiếc thuyền một buồm vẫn luôn là nàng thiên nga duyên dáng trong tôi và là động lực để tôi luôn cố gắng.

Bây giờ, tôi đã hiểu sự lựa chọn của mình là như thế nào. Tôi luôn cố gắng tự kiềm chế bản thân thôi không mơ mộng nữa, và thậm chí còn có thể tự tay giết chết ước vọng của mình. Hoặc nếu không, tôi sẽ chôn vùi hình ảnh của nó vĩnh viễn trong tâm khảm, và không chút mảy may xúc động những khi thoáng nghĩ về nó. Tôi đã rất quyết tâm khi nghĩ như thế, nhưng cuối cùng, chính tôi lại gián tiếp vực ước mơ của mình sống dậy mà không hề biết. Ngày ngày, tôi vẫn đều đặn đến xưởng tàu và tiếp tục làm bạn với thuyền trưởng, người đã mở ra cho tôi những kiến thức vỡ lòng về nghề đi biển. Và trong tôi giờ đây vẫn không nguôi chờ đợi, chờ đợi cái ngày được trải nghiệm những thử thách mới nơi vịnh Đại Nam - một thiên đường lý tưởng cho nghề đi biển.

Có bao giờ bạn được người khác nhìn với ánh mắt đầy ngưỡng mộ khi làm bạn với những người nổi tiếng chưa? Cảm giác đó hẳn sẽ rất thú vị. Tôi có một cậu bạn học sống gần biển, khi tôi bảo với nó rằng thuyền trưởng Harrison Watts là "người bạn đặc biệt của tớ" thì ngay lập tức, tôi trở nên nổi tiếng trong mắt nó. Và nó vô cùng hãnh diện khi được mời tôi ra khơi trên chiếc thuyền của anh trai nó. Nói là thuyền cho oai chứ thật ra đó chỉ là một chiếc xuồng có buồm, nhỉnh hơn xuồng của thuyền trưởng một chút, có một cột buồm đơn, và lúc nào cũng lắc lư trên mặt nước, ngay cả những khi gió nhẹ. Nhưng tôi không lấy đó làm khó chịu.

Chúng tôi thay phiên nhau điều khiển thuyền. Và thỉnh thoảng thuyền lại đổi hướng, phần lớn đều do sơ suất. Một cách gián tiếp, càng ngày tôi càng tiến gần hơn đến giấc mơ của mình, nhưng tôi không nhận ra điều đó. Tôi chỉ biết một điều rằng, hiện tại tôi đã thực sự thoát ra khỏi không gian nhỏ bé của con lạch, mặc sức vẫy vùng nơi vịnh biển bao la, nhịp nhàng sóng vỗ. Tôi đã học được cách vận dụng sức gió vào việc căng buồm thay vì khỏa mái chèo như trước đây. Từ đó, tôi bắt đầu nghĩ đến việc mình nên có một chiếc thuyền và không nhất thiết phải là chiếc thuyền một buồm màu xanh ấy. Tôi quyết định thổ lộ ước mơ của mình cùng dì dượng (tôi đang sống cùng họ) chỉ với mong muốn có người chia sẻ, lắng nghe chứ tôi không hề nghĩ rằng họ sẽ cho mình một khoản tiền lớn như thế. Và thậm chí, dì dượng có thể gạt phăng ước mơ của tôi đi vì cho rằng đó chỉ là những ý thích nhất thời của trẻ con, rồi sẽ nhanh chóng lụi tàn theo thời gian.

Nhưng tôi đã sai, bởi người lớn luôn có những hành động hoàn toàn ngược lại với những suy nghĩ của con trẻ. Dì dượng không cho tôi tiền, nhưng bù lại, họ cho tôi cơ hội tiếp xúc với chú Ed Doubrava - người đã xây ngôi nhà mới cho họ và cũng là người sở hữu một chiếc thuyền có động cơ. Tôi không biết những người

khác thì sao, chứ với tôi, tôi chẳng bao giờ thấy chán khi nhìn chú làm việc. Đáp lại sự lao động cần mẫn của chú, khung gỗ của ngôi nhà dần dần hiện lên, từng phòng từng phòng một, dường như đẹp hơn cả trong bản thiết kế. Trái ngược với những công trình mà chú tạo ra, vóc dáng chú gầy guộc với khuôn mặt rám nắng và mớ tóc mỏng màu xám nom đến tội nghiệp. Mặc dù bị một tật nhỏ ở chân, di chứng của một căn bệnh lúc chú còn nhỏ (điều này dượng cho tôi biết), nhưng chú vẫn giữ được sự linh hoạt trong việc di chuyển.

Lúc nhỏ, chú Ed Doubrava mắc phải chứng bại liệt nửa người, và cánh tay là phần bị ảnh hưởng nhiều nhất. Nhưng nhờ chăm chỉ lao động nên nó vẫn phát triển bình thường với những cơ bắp nở nang. Ấn tượng đầu tiên khi tôi gặp chú chính là cánh tay, nó ngắn ngủn trông mới dị dạng làm sao! Nhưng qua một thời gian tiếp xúc với chú thì điều đó không còn là mối quan tâm của tôi nữa. Trong lúc làm việc, chú hay trò chuyện với tôi, thỉnh thoảng lại nhờ tôi giúp việc này việc khác. Thoạt đầu, tôi chỉ giúp chú làm những việc lặt vặt, dần dà, chú dạy tôi những việc khó hơn như cách đóng ván gỗ ngoài giàn khung và lợp mái nhà. Vào những lúc có thể, tôi luôn tranh thủ cơ hội để kể cho chúnghe về ước mơ của mình. Chú lắng nghe một cách chăm chú, nhưng rồi chỉ gật gù ra vẻ hiểu ý, ngoài ra chẳng bình luận gì thêm. Nhưng tôi cũng không lấy thế làm buồn. Khi ngôi nhà đã hoàn tất, chú vẫn cho tôi theo chú như một cậu nhóc học việc trong mùa hè, sửa sang lại những ngôi nhà quay mặt ra biển bị gió làm tốc mái.

Như một thông lệ, cứ bảy giờ mỗi sáng, chúng tôi lại rời Vịnh Biển và thẳng hướng ra vịnh. Do phải di chuyển thường xuyên như vậy để sửa nhà nên chú Ed biết khá rõ các eo biển và nắm được lịch trình lên xuống của thủy triều, thậm chí chú còn thông thuộc cả những con đường tắt xuyên qua bãi cát ngầm và đầm lầy nước nông. Chú đã truyền lại cho tôi những kinh nghiệm quý báu đó. Ngoài ra, tôi còn học được ở chú cách xem màu sắc mặt nước, khi nào thì đủ an toàn để lướt chậm qua bãi cát cửa sông và khi nào thì cần phải đi đường vòng một cách khôn ngoan.

Tôi và chú Ed đã trải qua một tuần sống trên thuyền ở đảo Cây Sồi khi chúng tôi đến dựng lại ngôi nhà bên bờ biển bị gió lốc quật ngã. Một ngày nọ, sau khi làm việc xong, chú đến bên đám sậy cao cạnh nhà và lôi ra một con tàu nhỏ cũ kỹ. Con tàu này vốn loang lổ những mảng bong tróc và sét gỉ này đã được chủ nó - một người bạn của chú Ed - sửa chữa tạm thành chiếc thuyền buồm trước khi tặng nó cho chú. Khi tôi còn đang trố mắt lên nhìn với một vẻ kinh ngạc thì chú vỗ vỗ vào mạn thuyền và cười nói với tôi rằng từ

nay, nó thuộc về tôi.

Chiếc thuyền nhìn sơ qua trông có vẻ ổn với một cột buồm và sào căng buồm, duy chỉ có một thiếu sót, đó là không có vải buồm. Tôi nói điều đó với dì tôi - một thợ may giỏi, và dì đã nhiệt tình giúp tôi bằng cách dùng một cặp drap trải giường nối lại với nhau. Tuy nó không được bền chắc như vải bông Ai Cập, loại vải may buồm được ưa chuộng thời đó, nhưng trông nó cũng khá phù hợp với chiếc thuyền của tôi. Một cảm giác sung sướng bất chợt dâng lên trong lòng khi giờ đây, tôi đã phần nào chạm đến ước mơ - tôi đã có một chiếc thuyền buồm của riêng mình, và tôi gọi nó bằng một cái tên đầy ngẫu hứng: Chiến Hạm Đỏ.

Lần đầu tiên ra khơi trên chiếc thuyền mới, chú Ed và tôi căng buồm đi vòng quanh đảo Cây Sồi, một hải trình mà có lẽ suốt đời tôi không thể quên. Chúng tôi lướt qua mặt nước chỉ cao khoảng 1,5 mét so với đầm lầy phía dưới và có thể lắng nghe được cả cơn gió mặn đang rì rào trong đám sậy. Tại bờ Bắc của hòn đảo, chú Ed chỉ cho tôi thấy một đôi chim gầy guộc lưng đen, có đuôi trắng xòe ra đang lượn hình vòng cung. “Đó là loài chim có cái tên rất lạ: “Scissor-bills”, chú bảo. “Chú đã thấy nó ở đây từ khi còn nhỏ, và chú cho là nó đã ở đây cả triệu năm rồi không chừng.”

Sau ngày hôm đó, tôi đã có thể tự đi thuyền một mình. Khi mùa hè tới, chúng tôi đi từ cảng này sang cảng khác dọc theo Hỏa Đảo trên chiếc thuyền có gắn động cơ của chú Ed, tất nhiên kéo theo cả chiếc Chiến Hạm Đỏ phía sau. Tôi thường bước lên boong tàu, đi về phía đuôi tàu ngắm nhìn chiếc thuyền buồm của mình đang hăm hở rẽ sóng, nối đuôi theo chiếc thuyền gắn động cơ của chú Ed. Nhưng khi mùa hè trôi qua, tôi nhận thấy mình cần phải có một cái gì đó vĩ đại hơn chiếc Chiến Hạm Đỏ, và khi ấy, dượng đã hoàn toàn bị thuyết phục rằng sẽ không có gì đáng ngại khi đổ vốn “đầu tư” cho tôi.

Mùa xuân năm sau, chú Ed tìm thấy một chiếc thuyền buồm tại xưởng đóng tàu ở vịnh Bellport, thuộc phía Đông bờ biển Trường Đảo. Nó dài gần 7 mét, với một tấm ván có thể bật lên bật xuống ngay trên sống thuyền và một bộ buồm tốt. Với cái giá tương đối hợp lý là 350 đô la, không chút do dự, dượng tôi ký ngay cho tôi một tấm séc, và ngay khi thời tiết trở nên ấm áp hơn, tôi lập tức dong buồm đưa thuyền về nhà.

Con thuyền bị rạn nứt, có đáy tròn nên đã làm hao phí một lượng nhiên liệu đáng kể. Vì thế, nó không thể lướt đi nhẹ nhàng như một chú hải cẩu mà đằm mình như một con hà mã. Nó không có

mỏ neo đẹp, thậm chí không thể cho tôi những chuyến ra khơi suôn sẻ, nhưng dù gì nó cũng là của tôi, và tôi đã gắn bó với nó suốt hai năm liền nên chẳng có lý do gì để tôi ghét bỏ nó. Tôi đã quen với những "căn bệnh" của nó cũng như học cách sống chung với nó.

Trong suốt thời gian đó, tôi đã nhiều lần nhìn thấy chiếc thuyền một buồm màu xanh mờ mờ nơi đường chân trời ở Hỏa Đảo, lướt qua bờ biển phía Nam khi hoàng hôn dần buông xuống. Nó vẫn bí ẩn như ngày nào, như nỗi ám ảnh trong những giấc mơ của tôi. Và vào cuối mùa hè năm đó, tôi lại bất ngờ được sở hữu một chiếc thuyền buồm khác, khi đọc được mẩu quảng cáo trên tờ Lính Gác Vịnh Biển:

"Có bán chiếc thuyền một buồm Timber Point dài 8 mét với boong màu sáng và thân màu xanh, hai bộ buồm lớn. Giá 1.250 đô la. Không mặc cả".

Tôi đưa cho dượng xem mẩu quảng cáo, (chỉ đơn giản là đưa cho dượng một thông tin, chứ chẳng dám nuôi hy vọng gì). Và tôi còn nhớ dượng đã ngồi đó, nhìn chằm chằm vào mẩu tin ngắn ngủn ấy lâu đến mức nào, cuối cùng, dượng quay sang hỏi tôi: "Thế con nghĩ chúng ta có thể bán được chiếc thuyền hiện tại với giá bao nhiêu?".

"Có thể là 500 đô la", tôi trả lời. "Và con có 150 đô la tiền tiết kiệm được khi làm với chú Ed".

"Hay đấy", dượng nói. "Sao chúng ta không đến xưởng tàu và xem chiếc Timber Point ấy trông như thế nào nhỉ?"

Chúng tôi đứng bên nhau hồi lâu, ngắm nghía thân tàu màu xanh đang phơi mình trên lối đi của xưởng. Mặc dù ở trên cạn nhưng trông nó vẫn oai phong như khi ở dưới nước. Đáy tàu màu đồng đỏ để lộ ra sống thuyền cứng cáp. Tuy chỉ mới thấy lần đầu nhưng trong tôi đã dậy lên một tình cảm thân thuộc; từ nay, nó sẽ là "Nữ hoàng" của tôi.

Ngẫm lại mọi việc, từ người bạn học và chiếc thuyền buồm của anh trai cậu ấy đến chú Ed và chiếc Chiến Hạm Đỏ của bạn chú ấy..., và cả việc nhờ dì tôi may giúp cái buồm hay đưa cho dượng đọc mẩu quảng cáo, tôi nhận thấy tất cả giống như có một sự sắp đặt khá là lô-gic. Nhưng điều tôi muốn đề cập đến ở đây là ý nghĩa của những việc này. Giờ thì tôi đã có thể hiểu rằng, nếu chúng ta có một ước mơ mãnh liệt, cố gắng theo đuổi và nuôi dưỡng nó lớn

lên từng ngày thì nó sẽ không bao giờ lụi tắt. Theo thời gian, giấc mơ của chúng ta sẽ lớn dần lên, điều khiển những hành động tuổi trẻ của ta, làm thay đổi cuộc đời ta.

Tôi thận trọng neo chiếc "Nữ hoàng" trong một con kênh dài, hai bên bờ được bao bằng những kè đá lớn. Sẽ không thành thực chút nào nếu tôi nói rằng tôi không tự hào khi được sở hữu con thuyền ấy. Quả thực tôi vô cùng hãnh diện khi thấy những người đi xe máy ngang qua giảm tốc độ chỉ để ngắm nghía con thuyền của tôi, đặc biệt là những lúc tôi có mặt trên thuyền, căng buồm và chuẩn bị ra khơi. Nhưng sẽ không đáng cho một giấc mơ đầy khát vọng như thế nếu con thuyền chỉ đơn thuần được xem như một vật trang trí chỉ để ngắm nhìn cho vui mắt.

Chiếc thuyền này đáng giá hơn nhiều. Bởi bản thân nó là sự am tường về thế giới đại dương: gió, nước, thủy triều, những chú nhạn biển hay những cơn sóng mặn mòi. Nó là sự hòa hợp, là hiện thân của sóng gió, bão bùng, của cả những gì êm dịu, hứng khởi giữa chốn trời nước đầy khám phá nhưng cũng lắm thử thách. Con thuyền không đơn giản chỉ là phương tiện, cũng không phải là một vật vô tri vô giác, càng không phải là vật thay thế, mà nó mang trong mình giá trị đích thực, là bản chất của cuộc sống - một cuộc sống tôi hằng khao khát. Cuộc sống ấy nảy nở trong tôi từng giờ, từng ngày, thậm chí cả từng phút, từng giây, và mỗi lúc một lớn dần lên. Nó không thể chết nếu như tôi vẫn đang tồn tại, đó là một sự thực hiển nhiên.

Tôi nhận thấy rằng khi chúng ta giết chết ước mơ của bản thân thì cũng đồng nghĩa với việc chúng ta đang tự hủy hoại mình, mặc dù máu vẫn lưu thông trong huyết quản. Thường ngày, chúng ta có thể chứng kiến những cái chết như thế ở khắp mọi nơi: trong trung tâm thương mại, các cửa hàng thời trang hạ giá, giữa những đám đông ồn ào trong ngày Giáng sinh. Chúng ta thấy rõ những con người đang nhốn nháo, mua mua bán bán kia, hối hả ném tiền vào việc mua sắm như thể chính điều đó rồi sẽ làm dịu đi những nỗi đau mà họ đang gánh chịu, thậm chí cả những nỗi đau mà chính họ cũng không nhận ra.

Tôi biết một cặp vợ chồng có thói quen đi mua sắm với mong muốn trút được những muộn phiền đang trĩu nặng trong lòng. Bất cứ khi nào gặp phải những áp lực vượt quá sức chịu đựng, họ liền đi mua sắm. Điều đó cũng có tác dụng, nhưng chỉ được trong chốc lát, rồi sau đó, mọi việc lại đâu vào đấy và họ chẳng thể hiểu lý do tại sao. Nhưng tôi thì biết. Đó là bởi họ xem việc mua sắm đồ đạc như một cách để trốn chạy thực tế trước mắt, chứ không hề

nghĩ rằng chúng hoàn toàn không thể biến những gì họ đang thực sự khao khát thành hiện thực. Xét về một phương diện nào đó, nó cũng là cuộc sống, nhưng là một cuộc sống trống rỗng và vô vị.

Và những người hay khoe khoang - những người luôn tìm cách thao túng tiền bạc và thị trường để tích lũy thêm của cải, tiến thêm một bậc trên nấc thang giàu có - họ được những gì? Chúng ta thường nhìn họ với vẻ ngưỡng mộ khi thấy họ kiên trì theo đuổi mục tiêu của bản thân. Cũng không ít lần chúng ta thầm khâm phục họ, có lúc lại ghen tỵ với họ, vì họ sở hữu sự nhạy bén, táo bạo - những điều mà chúng ta không có.

Nhưng thực tế lại chẳng có gì là hoàn hảo cả. Vì những thứ họ mải mê theo đuổi ấy chẳng bao giờ là đủ, và họ sẽ chẳng bao giờ ngừng việc tìm kiếm, cho đến lúc thảng thốt nhận ra: mọi thứ mà họ nghĩ là đã thuộc về mình trong phút chốc bỗng trôi tuột qua kẽ tay như những hạt cát. Nhưng với một cậu nhỏ - là tôi ngày ấy - chiếc thuyền một buồm màu xanh chính là vật sở hữu đáng giá nhất. Cuối cùng thì tôi cũng có được chiếc thuyền đó. Tôi thích thú khám phá nó và khi không còn cần đến nó nữa, tôi sẽ cho đi một cách rất vui vẻ và tự nguyện.

4

HÃY LẮNG NGHE, GIÓ SẼ CHỈ HƯỚNG CHO BẠN

Vào cái ngày mà tôi chạy thử chiếc "Nữ hoàng" lần đầu tiên, gió nổi lên từ phía Tây Nam với vận tốc 10 hải lý và có lúc vượt trên 15 hải lý. Tôi đổi đường chạy ra khỏi con kênh, cái vịnh mênh mang sủi bọt với những cơn sóng bạc đầu từ đất liền ngang qua bờ biển cách đó khoảng 13 km. Thông thường, một chiếc thuyền buồm không đi thẳng theo hướng gió mà chỉ tạo thành một góc nhọn so với hướng gió, tầm khoảng 45°. Nhưng tôi lại muốn cắt góc càng gần càng tốt, vì tôi muốn đi thẳng hướng Nam về phía bãi cá, nơi tôi biết mình có thể thấy chiếc Nimrod ở đó.

Xa xa phía chân trời, tầm mắt của tôi đã nhanh chóng phóng đến tháp nước ở Saltaire. Nó là cái đích mà tôi cần nhắm đến, là kim chỉ nam trong chuyến hải trình của tôi. Tôi phát hiện ra rằng nếu mình cứ thẳng hướng đến đó và vẫn giữ nguyên hướng đi mà không cần để ý đến tác động của sóng biển hay gió, thì tôi phải lái chiếc thuyền buồm chính xác theo một góc thích hợp để đạt hiệu quả cao nhất. Điều này cũng giống như khi ta mất cân bằng trong cuộc sống. Thay vì quan tâm đến môi trường trực tiếp tác động ở xung quanh, chúng ta lại cứ bám víu vào những điều không thực tế với hy vọng rằng nó sẽ là chiếc phao cứu hộ giúp mình khỏi chết chìm.

Tôi đứng sau bánh lái, ngược phía cánh buồm, đối trọng với sức gió. Mỗi lần con thuyền nghiêng về phía có hướng gió, thì cánh buồm như thể chạm hẳn vào mặt nước và tay lái thì tuột khỏi tầm tay tôi. Khi con thuyền tự định lại hướng, tôi mau mắn chụp lấy tay lái bằng tất cả sức mạnh của mình, và lại để mất lái khi chiếc thuyền nghiêng đi lần nữa. Tôi giong thuyền đi theo con đường ngang qua vịnh, chuệnh choạng hệt người say. Tôi thật sự lo âu mỗi khi di chuyển sang phía mạn khuất gió, e rằng sự mất cân đối về trọng lượng hai bên mạn thuyền sẽ khiến con thuyền bị lật úp.

Khi đã rời đất liền chừng 8km, tôi thấy chiếc Nimrod đậu neo ở dải nước nông với một boong tàu đầy ắp cá. Và thuyền trưởng đang vẫy vẫy tôi với vẻ mặt cáu kỉnh. Tôi đoán rằng thủy triều có thể sẽ dâng đủ cao để tôi vượt qua bãi cát cửa sông mà không bị mắc cạn. Tôi cho thuyền chạy sau đuôi chiếc Nimrod rồi thẳng hướng tiến theo chiều gió, giữ khoảng cách 3 mét giữa hai thân thuyền. Có vẻ đó là một khoảng cách vừa đủ an toàn, và có thể nói là quá thừa nếu như tôi đang điều khiển chiếc Chiến Hạm Đỏ hay chiếc thuyền có đáy tròn ngày trước. Nói tóm lại, những con thuyền mà tôi từng sở hữu trước đây chẳng khác gì chiếc nút bần dập dềnh trên nước so với "Nữ hoàng" hiện tại của tôi.

Chiếc "Nữ hoàng" có sống thuyền bằng chì, nặng khoảng 5 tạ, do đó, tạo cho thuyền một sức đẩy tốt, một nguyên lý khá cơ bản trong cuộc sống mà tôi cần phải học. Chiếc thuyền vẫn băng băng rẽ sóng và mạnh mẽ tiến về phía trước, dù cho tôi có cố gắng bẻ ngược bánh lái. Tôi tìm mọi cách xoay hướng thuyền, nhưng lóng ngóng thế nào tôi lại đẩy nhầm hướng tay lái. Mũi thuyền sắc nhọn của "Nữ hoàng" lập tức đâm sầm vào mép chiếc Nimrod, làm một khúc gỗ nặng chòi ra khỏi ván. Thuyền trưởng hét to, nhưng tôi hiểu rằng ông bực mình vì những kỹ năng non nớt của tôi hơn là vì thân thuyền bị hư hỏng.

Không nói không rằng, ông chui vào trong khoang chiếc Nimrod, lôi ra một cái cưa cầm tay và bước lên sàn thuyền của tôi. Khi vào đến buồng lái, ngay lập tức ông cưa cái cần lái dài 2 mét của tôi ra làm đôi một cách dễ dàng, mà không cần hỏi ý kiến chủ nhân.

"Quá dài", ông nói như giải thích, rồi ông nhúng tay vào làn nước đục, nói thêm: "Những khi gió nhẹ như thế này, cậu hãy ngồi vào mạn phía bên này của thuyền".

Ông chỉ vào mạn khuất gió của buồng lái, cái chỗ mà tôi sợ chết khiếp, và bảo tôi thả neo. Ông ngồi trên sàn thuyền với cái cần lái cụt vác trên vai phải. Ông không ghì chặt cần lái như tôi, mà cầm

nó một cách hờ hững bằng ngón cái và ngón trỏ, như thể ông đang lắng nghe âm thanh rì rào của sóng vang lên từ tay lái kẹp giữa các ngón tay ông. Lúc này, trông ông hệt như một nhạc sĩ đang chơi một nhạc cụ được hòa âm đúng điệu.

"Cậu cần phải cưỡi lên cơn gió", ông nói với tôi. "Khi cậu lái thuyền, lúc nào cậu cũng phải làm chủ cơn gió."

Ông bảo tôi rằng, bằng cách ngồi bên mạn khuất gió của con thuyền, ngay dưới buồm chính, thay vì trên sàn phía đối diện với nó, tôi có thể nhìn thấy cạnh phía đuôi của chiếc buồm hình tam giác, chiếc buồm nhỏ phía trước cột buồm.

"Lái thuyền theo cái buồm này", ông nói, "xem khi nào cái buồm thẳng lên. Hãy để con thuyền cưỡi gió cho đến khi mép trước của cái buồm gần với đỉnh nhất, sau đó nới lỏng cho đến khi không còn rung nữa. Rồi khi con thuyền lấy được đà, để nó cưỡi gió thêm chút nữa".

Nhiều năm về sau, tôi được tiếp xúc với nhiều thủy thủ am hiểu về nguyên tắc đi biển và họ đã không ngại ngần chỉ bảo thêm cho tôi những kỹ thuật quan trọng khi lái thuyền. Về cơ bản thì họ không thể dong buồm như cái cách mà thuyền trưởng chiếc Nimrod đã dạy tôi, hoặc nếu có thì chỉ là do sự di chuyển của chiếc thuyền nằm ngoài tầm kiểm soát của họ. Nhưng từ cách truyền đạt sống động của thuyền trưởng - "cưỡi cơn gió" - tôi có thể nắm được sự cân bằng tinh tế giữa bản thân, con thuyền và biển cả.

Những cơn gió nhẹ mùa hè đang tung hoành ở vịnh Đại Nam đến từ phía Tây Nam có tính quy luật mỗi ngày. Gió nổi lên vào buổi sáng sớm, qua Đại Tây Dương, tăng tốc trong ngày khi mặt trời lên cao và dịu đi vào buổi tối khi mặt đất hạ nhiệt. Là một thủy thủ mới chập chững vào nghề, tôi tin chắc rằng những cơn gió mùa hè không đổi quy luật và tôi có thể yên tâm khi dong buồm theo nó. Nhưng không, khác với những gì tôi đinh ninh, đó là những cơn gió với hướng và vận tốc luôn luôn thay đổi. Nếu muốn đi biển và trở thành một thủy thủ thực thụ, tôi còn cần phải nghe theo những cảm nhận của các giác quan.

Khi gió thổi mạnh hơn một chút, nó có thể làm đầu kim la bàn dịch chuyển chút ít về phía Tây, hơi khó nhận thấy. Khi gió yếu đi, nó lại làm đầu kim la bàn dịch chuyển một ít về phía Nam. Có thể những thay đổi này qua mắt được tôi nhưng nó không thể qua mắt được con thuyền. Cứ mỗi lần gió đổi hướng, thuyền lại nhổm cao hơn về hướng gió đã đổi, tự nó hoàn toàn có thể tự điều khiển

được, cứ như thể nó biết suy nghĩ vậy.

Ngồi trong khoang lái, tôi không cần phải chỉnh hướng cũng như chú ý đến việc xem con thuyền muốn làm gì. Tôi cầm cần lái hờ hững giữa ngón cái và ngón trỏ, theo cách mà thuyền trưởng đã chỉ. Tôi để con thuyền tự đi, để nó cưỡi lên ngọn gió cho đến khi đỉnh của mũi buồm rung lên nhè nhẹ. Tiếp theo, tôi chỉnh hướng cho nó chệch ra khỏi cơn gió một chút đến khi buồm no gió thêm lần nữa và không còn rung. Sau đó khi cơn gió mạnh hơn, tôi lại cưỡi nó và để sự hưng phấn của con thuyền lan tỏa khắp tâm hồn mình.

Người thủy thủ nào không lắng nghe theo cơn gió thì anh ta sẽ đi trên một hành trình dựa vào những tín hiệu từ đất liền: tháp nước, ngọn hải đăng hay gác chuông nhà thờ... Anh ta cố gắng bám chặt lấy điểm đến ấy như thể một ông vua không chịu rời ngai vàng, hay một kẻ cuồng tín cứ bấu víu vào đức tin, miễn sao có thể giúp họ thoát ra khỏi những dòng chảy hỗn độn đang quay cuồng trong đầu. Anh ta không lái thuyền theo cơn gió mà đi biển theo niềm tin của mình. Anh ta hoàn toàn không biết một điều rằng, chính niềm tin ấy sẽ làm thui chột dần các giác quan của anh ta, cũng như làm mất đi khả năng nhìn, suy nghĩ, cảm nhận, tiên đoán và cách đối phó trước những trở ngại - các kỹ năng mà một thủy thủ thực thụ cần phải có.

Và những thủy thủ như vậy thường không hiểu chút gì về nghề đi biển. Anh ta sử dụng nhiều gió hơn mức cần thiết để đến được nơi mà anh ta muốn, và như thế trên chặng đường đua theo chiều gió, anh ta chắc hẳn là người cuối cùng cán đích. Nhưng không chỉ vậy, với tất cả những người lái thuyền mà tôi biết, anh ta là người có ít niềm vui nhất, bởi anh ta đã đánh mất sự tinh anh của chính bản thân. Cuối cùng, những gì anh ta có thể thu được từ huyến đi chỉ là những quy tắc cứng nhắc mà thôi, và đó thực sự là một thảm kịch.

Sẽ thích hợp hơn, nếu anh ta là một quan tòa, người mà lúc nào cũng quan tâm đến những câu chữ khô khốc trong các điều luật hơn là quan tâm đến các nạn nhân. Hoặc anh ta là một ông chủ, lúc nào cũng tỏ ra ưu ái những mục tiêu lợi nhuận trước mắt hơn là những nỗ lực của công nhân. Những người này là đại diện của sự cứng nhắc tuyệt đối. Họ không chịu thích nghi mà quyết tâm giữ vững những quy luật của mình, những nguyên tắc, những lịch trình... như thể thế giới này là của riêng họ và không gì có thể làm họ thay đổi. Đôi khi chúng ta tự hỏi rằng tại sao họ lại theo đuổi một kết cục không lối thoát một cách bền bỉ như thế, thì câu

trả lời là, hay chí ít cũng một phần nào đó, họ thực sự giống như những thủy thủ chưa từng bao giờ học được cách cưỡi lên cơn gió.

Giờ đây, khi đã bước vào tuổi xế chiều, tôi đã nhận ra một điều: tôi không có đích đến, cũng không có một mục tiêu thực sự theo lẽ thường. Đích đến, điểm mà cả cuộc đời tôi hướng đến, tự nó là một hành trình, không phải là điểm dừng chân cuối cùng. Với tôi, làm thế nào để có thể đến đích quan trọng hơn là khi nào về đích. Mặc dù tôi sẽ cán đích, nhưng tất cả những gì tôi cần phải nhớ lúc này đây, quan trọng hơn bao giờ hết, là phải lắng nghe cơn gió, gió sẽ nói cho tôi biết mình nên làm gì.

5

KHOẢNG CÁCH GIỮA HAI ĐIỂM LÀ MỘT ĐƯỜNG ZÍC-ZẮC

Tôi mời Martha Coogan, cô bé học chung lớp có mái tóc đen thật dễ thương đi thuyền cùng mình. So với tụi con trai trong lớp, tôi không có sức hấp dẫn gì cho lắm, nhưng tôi lại có lợi thế khác. Đó là chiếc thuyền màu xanh thật đẹp, nó làm tôi trở nên nổi bật trong mắt cô nàng.

Đúng vào thời điểm ấy, tôi đang học môn hình học phẳng, và tôi đặc biệt lưu tâm đến tiên đề đầu tiên và quan trọng nhất của Euclid: khoảng cách ngắn nhất giữa hai điểm là một đường thẳng. Và ngay lập tức tôi áp dụng tiên đề đó vào việc chinh phục Martha. Với tôi đây là con đường trực tiếp và ngắn nhất để đi đến trái tim nàng.

Martha nhận lời không một chút do dự. Nhưng tôi đã ngây thơ không nhận ra rằng, cô nàng thích được ngắm biển trong khi thuyền chạy hơn là việc ở cạnh tôi. Martha điệu đàng trong bộ đồ tắm như bị dính cứng ở mũi thuyền, nhưng ngay khi sóng bắn qua khoang thuyền, cô nàng liền rút lui ngay vào trong khoang lái. Nàng chẳng muốn bị ướt chút nào.

Tôi quyết định thẳng hướng đến Saltaire, thả neo con thuyền và

thả bộ dọc bờ biển nơi chúng tôi có thể bơi lội thỏa thích trong những đợt sóng dập dờn. Ngặt nỗi, đích đến của chúng tôi lại thẳng hướng với cơn gió, vì thế tôi phải chạy đường zíc- zắc để có thể đến được nơi đó. Nhưng điều này đã khiến Martha khó chịu, còn hơn cả khi bị những tia nước mặn làm rối mái tóc được nâng niu tỉ mẩn của cô nàng.

"Thuyền của anh không thể chạy nhanh hơn được à?", cô nàng bực dọc hỏi, "Tại sao anh lại cho thuyền chạy lòng vòng mất thời gian như thế? Anh không thấy Saltaire ở đằng kia à?".

Suýt chút nữa thì tôi đã phạm phải một sai lầm tai hại là cố giải thích cho cô nàng hiểu tại sao mình không thể cho thuyền chạy nhanh hơn và phải đổi đường chạy. Trong cuộc đời, cũng có những lúc ta sáng suốt nhận ra rằng, trong một số trường hợp, những lời giải thích sẽ là thừa thãi, chẳng giải quyết được gì. Và đây là một trường hợp như thế. Tôi bực tức ngắt lời cô nàng: "Tôi sẽ phải nói cho cậu cái gì đây hả Martha? Sao cậu không tự đi mà tìm lấy một anh chàng bảnh chọe nào đó có chiếc xuồng máy ấy. Khi ấy cậu tha hồ lượn vòng quanh vịnh theo cách nào tùy thích". Lập tức, tôi quay thuyền trở lại bờ và thả cô nàng xuống đất.

Và bây giờ với tôi, tiên đề của Euclid đã không hoàn toàn đúng. Khoảng cách ngắn nhất giữa hai điểm không phải là một đường thẳng, ít nhất là không phải khi chúng ta đang lái thuyền hay đang tán tỉnh một cô nàng.

Một lần sau đó, tôi thấy Martha Coogan đang đi cùng với một cậu trai khác trên chiếc xuồng nhẹ có gắn một cặp động cơ mạnh phía ngoài lòng thuyền. Nó làm ầm ĩ cả vịnh, cứ như thể đang đi tuần tiễu vậy. Nó lượn quanh tôi vài vòng. Martha thậm chí còn vẫy vẫy tôi với vẻ dương dương tự đắc khi chiếc xuồng đi ngang qua, và sau đó thẳng hướng ra Hỏa Đảo, nơi mà tôi từng nghĩ rằng chúng tôi sẽ cùng nhau bơi trong sóng vỗ. Dù vậy, trong tôi chẳng hề gợn lên chút xíu ghen tị nào.

Nhưng bọn họ lại chẳng để tôi yên! Khi đã đi được chừng nửa đoạn đường, chiếc xuồng máy quay đầu trở lại. Cả hai vượt qua tôi lần nữa, tạo ra lực đẩy ngược chiều gió, trong khi tôi vẫn đang ở hướng chạy cũ với tốc độ khá chậm. Nhưng chẳng mảy may để ý đến bọn họ, tôi biết mình đang đi đâu.

Đuôi của chiếc xuồng máy tạo ra một lằn nước lớn, làm chiếc xuồng nhồi trong sóng với một lực khá mạnh, đủ làm lung lay mấy cái răng trong miệng bọn họ. Nhưng có vẻ như thế cũng

chẳng hề hấn gì, thậm chí càng làm cho hai người khoái chí. Họ ngoảnh lại và ném cho tôi một tràng cười đắc ý, như thể đó là khoảnh khắc thú vị nhất trong cuộc đời họ. Cũng có thể là như thế. Nhưng tôi biết chắc họ sẽ chẳng bao giờ có cơ hội nghe thấy âm điệu của gió trong tiếng gào rú của động cơ xăng trên xuồng máy. Còn tôi thì luôn luôn có thể lắng nghe sự tuyệt diệu ấy những khi vi vu cùng chiếc thuyền buồm của mình.

Tất nhiên, trước sự bỡn cợt quá trớn của họ, tôi cũng cảm thấy bực mình. Nhưng với sự trầm tĩnh của một người lái thuyền buồm, trong cách tôi phản ứng thể hiện sự chịu đựng và hối tiếc nhiều hơn là sự giận dữ vì bị chọc tức. Tôi thật sự tiếc cho những người tự buộc mình vào những nguồn năng lượng nhân tạo và điều khiển chúng một cách không mục đích, rồi lại tự phỉnh phờ rằng mình đang tận hưởng cuộc sống. Và tôi càng tiếc hơn khi xã hội đã tạo điều kiện cho những suy nghĩ sai lầm đó phát triển. Tôi biết trong cuộc sống, có rất nhiều người nhầm lẫn một quá trình với sự hoàn thành một công việc, dường như họ luôn tự tin khi cho rằng mình có thể chiến thắng tất cả nếu như họ làm việc đó đủ nhanh.

“Đi vòng, Peer Gynt, đi đường vòng!”, Boyg - một thế lực siêu nhiên vô hình theo truyền thuyết Na Uy - nói, khi người hùng huyền thoại Peer Gynt trong vở kịch thơ của Henrik Ibsen(*) đang cố gắng quật ngã con quái vật chặn đường anh giữa rừng sâu. Lần đầu tiên tôi nghe những lời nói đó là khi đi xem kịch, tôi cảm nhận chúng âm vang giữa tim mình. Tiếng nói kỳ bí ấy có thể chẳng xuất phát từ đâu cả, mà cũng có thể vang lên từ bất cứ nơi nào. Nhưng tôi hiểu nó muốn diễn đạt điều gì. “Đừng chống lại chúa tể của cơn gió, Peer Gynt, anh sẽ không thể khuất phục được nó đâu. Nhưng cũng đừng rời mắt khỏi đích đến, vì những chuyến du hành trong cuộc sống của anh chính là việc khám phá ra bản thân mình là ai.”

(*) Henrik Ibsen (1828 - 1906): nhà viết kịch nổi tiếng nhất của Na Uy thế kỷ 19.

Nhưng một người tự cao tự đại như Peer Gynt lại quá tự tin về bản thân mình, nên anh ta không hiểu điều này. Anh ta háo thắng tiến lên phía trước, đi lang thang vô định khắp nơi, không để ý gì đến lời khuyên của Boyg. Anh ta không nhận thấy rằng mình đã quá phí phạm cuộc sống cho những chuyến phiêu lưu vô ích, rằng mình đang chạy trốn số phận, lẩn tránh những vấn đề khó khăn trong cuộc sống. Để rồi chỉ khi trở về với gia đình trước lúc qua đời, anh ta mới có thể tìm thấy chính mình.

Đổi đường chạy của thuyền theo đường zic-zắc không có nghĩa là không đến được đích, mà chính là kết quả của việc nhận ra những chướng ngại vật trên đường đi của mình. Đó là khi chúng ta biết rõ nơi nào mình muốn đến và tìm cách di chuyển một cách thận trọng, dũng cảm, hoàn thành từng chặng đường trong cuộc hành trình cho tới khi cán đích.

Môn thể thao được yêu thích nhất trên thế giới là bóng đá có thể minh họa sống động nhất cho thực tế cuộc đời mà chúng ta đang trải nghiệm: Một cầu thủ rất hiếm khi có thể đưa quả bóng thẳng một đường từ chỗ mình có được bóng đến khung thành của đối phương, mặc dù đường ngắn nhất để tiếp cận cầu môn của đối thủ chính là con đường ấy. Người giữ bóng phải đi bằng những đường zíc-zắc, để bảo vệ bóng và vượt qua những cầu thủ của đối phương, rồi cuối cùng mới có cơ hội ghi bàn thắng.

Hơn tất cả, bản chất cuộc sống yêu cầu chúng ta phải làm chủ được sự thật. Tôi không thể nhớ mình muốn trở thành người viết văn tự do từ lúc nào nữa. Nhưng, một cách bản năng, tôi hiểu rằng trở thành nhà văn cũng đồng nghĩa với việc tôi được là chính mình. Cha tôi cũng là một nghệ sĩ tự do, và cái cách ông sáng tạo miệt mài bên giá vẽ đã để lại ấn tượng sâu sắc trong tôi trước khi ông qua đời. Tận trong tiềm thức, tôi cũng muốn giống cha: lao động nghệ thuật và bán đi những sản phẩm trí tuệ của mình, vì tôi hiểu đó chính là thước đo những giá trị lao động chân chính của con người.

Nhưng tôi đã phải trải qua một con đường ngoằn ngoèo trước khi trở thành một nhà văn. Tôi lập gia đình và làm cha khi còn trẻ. Tôi đã thay thế gia đình cũ bằng gia đình mới của mình, trở thành một người cha thay cho người cha đã mất của tôi. Và khi đã có con, tôi phải có trách nhiệm nuôi nấng chúng và vì thế mà tôi tự buộc mình phải có đồng lương ổn định như một công chức. Vì nghề viết văn tự do, cho đến bây giờ vẫn vậy, vẫn là một nghề không ổn định.

Rồi tôi làm báo ở vị trí một biên tập viên tạp chí - một lần "đổi đường chạy" quan trọng bởi nó đã rèn cho tôi những kỹ năng cần thiết để hỗ trợ cho công việc về sau. Sau đó, tôi làm giám đốc của một công ty quan hệ công chúng ở Manhattan, một dấu ấn khá quan trọng trong sự nghiệp, bởi công việc này giúp tôi xây dựng được nhiều mối quan hệ và giúp tôi hiểu rõ hơn về cách thức hoạt động của cái gọi là "thế giới đích thực" (như các đồng nghiệp của tôi thường gọi). Ở đây được một thời gian, tôi lại nghĩ đến việc nên kiếm một tấm bằng ở trường đại học. Lại một chặng đường trọng

yếu khác mở ra - đến khi đó, tôi bắt đầu viết và bán được những tác phẩm của mình.

Những kỹ năng mà tôi thu được khi làm thủy thủ đã giúp tôi rất nhiều, vì chúng cho tôi những cảm nhận tinh tế về những chặng đường mình đã trải qua. Tôi thấy nhiều người quanh mình không có được cảm nhận đó nên có nhiều khả năng phạm phải những sai lầm đáng tiếc. Người nóng nảy thì đổi hướng thuyền quá sớm - trong đầu luôn tồn tại tư tưởng nhảy việc, hấp tấp, hối hả trong việc kết bạn lẫn kết hôn - để rồi phải một mình gánh lấy hậu quả sau mỗi lần đổi hướng. Những người chậm chạp, kém thích nghi thì lại duy trì đường chạy quá lâu, đầu tư quá nhiều thời gian, tài năng và sức lực vào hành trình ngày càng đưa anh ta dạt xa mục tiêu đã định. Nhưng một thủy thủ dày dạn thì lại khác, anh vẫn sẽ trung thành với đường chạy, chừng nào nhận thấy nó vẫn còn thuận lợi, và sau đó, vào lúc thích hợp, anh ta chỉ việc kéo cần lái về phía cánh buồm và khéo léo đổi hướng.

Mỗi lần đổi đường chạy như vậy cần phải có một sự điều chỉnh lớn. Mũi thuyền có thể cắt ngang mặt cơn gió. Cánh buồm đu đưa từ mạn này sang mạn kia. Người lái thuyền và bạn thuyền phải thay phiên nhau cầm lái. Đất liền dần dần hiện ra từ nơi nào đó xa xôi. Và nếu bạn vẫn giữ được con thuyền trong tầm kiểm soát thì nó lại tiếp tục tiến về phía trước mà vẫn thong dong trong nhịp điệu ban đầu.

Rồi chúng ta sẽ đến đích, hay đúng hơn là kết thúc một chặng đường. Bởi thật ra, còn có những đích đến khác đằng sau đó nữa, và người thủy thủ chân chính là người lại tiếp tục rong ruổi trên biển, và biết đổi đường chạy khi cần.

6
THOÁT KHỎI XIỀNG XÍCH

"Tự do là gì? Hãy nói về con thuyền lướt đi nhẹ nhàng trên mặt nước. Chúng ta tự hỏi: Con thuyền dập dềnh trên biển tự do như thế nào? Khi hỏi như vậy, nghĩa là chúng ta muốn biết: Nó theo gió như thế nào? Nó tuân theo hơi thở vĩ đại của bầu trời đang căng đầy trong những cánh buồm ra sao? Ném mình vào đầu sóng ngọn gió, hãy xem con thuyền do dự và phân vân như thế nào, từng thớ gỗ lung lay và cả bộ khung rung lắc ra sao? Ngay cả khi nó đang tung hoành giữa vòng xiềng xích của biển cả? Con thuyền chỉ thực sự tự do khi bạn không điều khiển nó nữa và bạn sẽ nhận ra một lần nữa nó lại trở về vòng cương tỏa của những thế lực mà nó cần tuân theo và không thể khuất phục nổi."

Tôi đã hiểu được ý nghĩa thâm thúy trong từng câu chữ trên của Woodrow Wilson, tổng thống thứ 28 của Hoa Kỳ, trước cả khi tôi đọc được nó trên tờ lịch với những câu danh ngôn đáng nhớ do một cửa hàng phần mềm gửi tặng. Tôi thực sự biết ơn người chủ cửa hàng ấy, vì món quà của ông đã giúp tôi hồi tưởng lại nỗi sợ hãi khủng khiếp mà mình đã trải qua khi lần đầu tiên bị ngọn gió "kìm kẹp". Tôi đã bước xuống con thuyền, giương buồm lên và nhổ neo, hoàn toàn không nghĩ đến những bất trắc có thể xảy ra. Một cách thật tự tin, tôi giong thuyền đi vào vùng nước rộng lớn, nơi những làn gió nhẹ mùa hè mơn man thổi.

Con kênh rộng không tới 45 mét, dài gần 1,6 km và có hình mũi tên thẳng tắp, thỉnh thoảng có những đập chắn nước nhỏ. Vì gió thổi thẳng hướng trên trục Bắc - Nam, nên tôi phải đổi đường chạy hơn một nửa chiều dài của con kênh để có thể giong ra vịnh. Tôi làm tất cả những việc ấy với một sự khéo léo đáng kể. Và sau mỗi lần đổi đường chạy nhằm tránh khỏi sự va chạm vào các đập hay những con tàu đang neo, hoặc một loạt cầu tàu đan xen dày đặt nhô ra ngoài thẳng góc với đất liền, thì khả năng lái thuyền của tôi lại tiến bộ rõ rệt.

Nhưng những cơn gió mạnh ngoài vịnh bỗng trở nên nguy hiểm một khi đã lọt vào bên trong kênh. Chúng ẩn náu sau những ngôi nhà rộng, mang kiến trúc thời Nữ hoàng Victoria (thếkỷ XIX) xếp hàng dài bên bờ biển, thỉnh thoảng quét qua những cổng vòm cửa trước theo những hướng không xác định, và lần khác lại thổi ở cửa sau, khiến người ta không bao giờ đoán trước được. Thế là con kênh trở thành cửa tử với những con sóng thất thường và những rào cản bất di bất dịch. Nó thực sự là một thách thức đối với một thủy thủ lão luyện và là một thảm họa chực chờ đổ ập xuống đầu một kẻ tay mơ trong nghề đi biển như tôi bất cứ lúc nào.

Tôi bắt đầu chạy dọc con kênh theo hình chữ chi và để ý thấy rằng hình như với những con đường ngoằn ngoèo thế này, tôi có thể tiến gần đến vịnh nhanh chóng hơn. Trong đầu tôi bây giờ chỉ tồn tại duy nhất một ý nghĩ rằng tôi cần phải tiến lên hết mức có thể trong mỗi lần đổi đường chạy. Tôi đã không nhận ra rằng trong suốt những ngày đầu, khi tôi và con thuyền bắt đầu hiểu tính nết của nhau, nếu tôi muốn giữ được quyền điều khiển, tôi cần phải để thuyền di chuyển, di chuyển bằng mọi giá, để hướng về phía cơn gió đang đổi chiều. Thực tế là, chạy thuyền từ kênh ra vịnh còn dễ hơn nhiều so với việc đưa thuyền từ vịnh trở về kênh.

Trong cuộc sống, nghề đi biển cũng tương tự như những nghề khác, nếu bạn có được đà để tiến lên thì thật đáng quý. Bởi nó là nguồn lực thứ hai giữ cho chúng ta vững bước thêm một quãng đường nữa, sau khi nguồn lực thứ nhất - nguồn năng lượng của gió - mất đi. Trong thể thao cũng vậy, không phải ngẫu nhiên mà các vận động viên luôn ý thức được rằng: “quan trọng nhất là ở bước lấy đà”. Câu nói hàm ý rằng họ cần phải vượt qua khả năng vốn có của bản thân để có thể giành lấy chiến thắng bằng những nguồn lực được tích lũy từ trước. Và nếu xem xét vấn đề này theo chiều ngược lại thì nó cũng đúng. Theo cái đà vốn có, người thắng cuộc có xu hướng tiếp tục thắng, còn kẻ thua lại tiếp tục bại trận, bởi nguyên lý tự nhiên của quán tính cũng giống như con dao hai mặt. Nó được phát biểu rằng, một cơ thể đang vận động có xu

hướng tiếp tục vận động, còn một cơ thể đang trong trạng thái tĩnh có xu hướng tiếp tục duy trì trạng thái cũ.

Để có thể lướt băng băng trên biển cả, thuyền phải phụ thuộc khá nhiều vào sức gió trong việc làm căng những cánh buồm. Khi chúng ta giong thuyền trên biển, nếu mũi thuyền đủ sức xé toạc cơn gió là nó đã vượt qua nguy hiểm. "Ném mình vào đầu sóng ngọn gió, hãy xem con thuyền do dự và phân vân như thế nào, từng thớ gỗ lung lay và cả bộ khung rung lắc ra sao?". Gió thoát ra khỏi cánh buồm đang cuồn cuộn, làm nó xẹp lại và bay phần phật trên không. Nếu con thuyền có đủ lực, nó sẽ tiếp tục rẽ sóng cho đến khi gió thổi phồng cánh buồm một lần nữa ở mặt buồm bên kia.

Khi thực sự thoát ra khỏi vùng "xiềng xích", hẳn cảm giác vui sướng, hân hoan sẽ ngập tràn trong tâm hồn người thủy thủ, cũng giống như cái cảm giác của người nô lệ khi được giải phóng khỏi những gông cùm. Con thuyền theo sát và cất cánh cùng cơn gió, và người lái thuyền, dường như rất muốn gào to lên, rằng tâm hồn anh ta đang căng tràn niềm hạnh phúc, bởi anh ta biết rằng mình đã giành lại được quyền kiểm soát cuộc sống và số phận của mình. Nhưng nếu anh ta mất động lực, hoặc giả như chúng ta cố gắng xoay chuyển sự việc mà không có sự chuẩn bị từ trước, chúng ta sẽ mất đi những nhân tố cần thiết cho sự sống của mình, ví dụ sự tự do để có thể hành động theo ý muốn. Đó là điều đã xảy ra với tôi khi tôi cho thuyền đi theo hình zíc-zắc về phía vịnh.

Khi cho thuyền đi được nửa đoạn đường ra khỏi kênh, tôi đã mắc phải một sai lầm tai hại. Một cơn gió lách qua hai ngôi nhà và trong giây lát, nó đã đổi chiều 90°. Thay vì thích nghi với điều đó, tôi tiếp tục cắt ngang con nước vẫn một góc như cũ, và nỗ lực tiến lên phía trước càng nhanh càng tốt. Tôi không hề chú ý gì đến những cánh buồm xẹp lép không có gió, làm con thuyền của tôi loạng choạng, mất phương hướng mặc dù tôi đã cố hết sức lái theo chiều gió. Tôi đưa thuyền đến gần bờ vịnh hết mức có thể và sau đó, đẩy cần lái về phía cánh buồm chính, cố gắng để xoay chuyển tình thế và thẳng hướng sang bờ biển đối diện. Nhưng tôi lại thiếu đà để mũi thuyền có thể cắt mặt cơn gió, và lập tức, tôi đã ở "giữa vòng xiềng xích của biển cả".

Gay go rồi! Trong phút chốc, tôi dường như không còn đủ sáng suốt để kiểm soát con thuyền của mình nữa. Tôi không biết nó đang tiến chậm chạp về phía trước, lệch sang bên phải khỏi đường chạy, hay trôi về sau. Tôi có cảm giác là nó đang làm cả ba việc ấy cùng lúc. Tôi kéo cần lái một cách liều lĩnh, nhưng con thuyền

không tuân theo sự điều khiển của bánh lái, đúng theo nguyên tắc một con thuyền không có gió thì không thể kiểm soát được. Con thuyền chịu sự tác động rung lắc của cơn gió. Bị tù túng, nó tung mình vươn ra, đón lấy một chút "mảng" gió ở nơi này, một vài "mảng" gió ở nơi khác, cũng có thể nó đã bỏ lỡ những "mảng" gió nhỏ trong không khí trước khi cả cơn gió có thể cuồn cuộn làm căng buồm, và giúp cho người lái thuyền có thể tiếp tục điều khiển con thuyền.

Tôi hoàn toàn bất lực khi nhìn thấy thân con thuyền màu xanh lộng lẫy của mình đập mạnh vào một cái cọc buộc thuyền và cánh buồm bị mắc vào một nhánh gỗ nằm ngang, khiến cho nó bị đâm thủng một lỗ. Một đám đông những người hiếu kỳ - những người tỏ vẻ ta đây là những thủy thủ dạn dày kinh nghiệm - xúm xít ở cuối đầu cầu gần đó chỉ trỏ và cho tôi mấy lời khuyên.

"Nhả gió ra khỏi cánh buồm hình tam giác!", một người nói.

"Đẩy cần lái theo cách khác đi!", một người khác chỉ dẫn.

"Hạ buồm xuống!", một người nóng tính nào đó gào lên.

Nhưng mặc kệ, tôi trèo ra ngoài mui và dùng cái cột neo thuyền như điểm tựa, chầm chậm bơi thuyền vòng quanh, như thế cánh buồm có thể ăn gió, sau đó chống sào đẩy thuyền ra càng xa càng tốt. Đây thực sự không phải là một buổi diễn tập dễ chịu, nhưng dù gì nó cũng có hiệu quả. Trở lại khoang thuyền, tôi xoay buồm đúng hướng gió và trong khoảnh khắc, con thuyền đã "tuân theo hơi thở vĩ đại của bầu trời", lại một lần nữa gió căng đầy trong cánh buồm. Tôi quay thuyền về phía trước ngang qua con kênh một cách cẩn thận để không bị mất phương hướng, và sau một vài phút, tôi đã có thể ung dung giong thuyền trong cơn gió mạnh đang tràn qua vịnh.

"Mỗi lần đổi đường chạy là một lần thay đổi", thuyền trưởng cảnh báo tôi trong những bài học lái thuyền đầu tiên, như thể ông đoán biết trước rằng một ngày đẹp trời nào đó, tôi sẽ bị rơi vào "vòng xiềng xích". "Mỗi lần cậu đổi chiều", ông nói thêm, "sẽ có những khoảnh khắc thật đáng sợ khi con thuyền đi xuyên qua tâm cơn gió".

Nhưng tôi đã bỏ qua lời cảnh báo của ông, một phần do sự ngốc nghếch của mình, và giờ đây tôi đã thực sự thấm thía điều đó từ một người thầy vĩ đại nhất trong tất cả những người thầy: kinh nghiệm. Để đổi được hướng là một kỹ năng khó khăn nhất, và

chúng ta thường thất bại. Nếu chúng ta cứ cố gắng thử làm theo cách không đúng, chúng ta hoàn toàn có thể trở thành "tù nhân" của cơn gió.

Chỉ có một cách duy nhất để thay đổi, đó là tập hợp lại những động lực trong hành trình mà chúng ta có. Khi còn trẻ, tôi chỉ áp dụng bài học ấy trong việc điều khiển con thuyền, nhưng theo thời gian tôi nhận thấy đó là một chân lý. Bởi nó đúng cho cả cuộc sống thường ngày trên đất liền cũng như cuộc sống lênh đênh nơi biển cả. Thành thực mà nói, tôi chẳng thấy thích thú gì với những lần đổi hướng mà mình đã trải qua. Trong ký ức tôi vẫn còn lưu giữ hai kỷ niệm đáng nhớ. Lúc còn nhỏ, tôi từng rất hối hận khi học ở một trường cao đẳng và sau đó, tôi đã không lấy gì làm thú vị với nghề mà mình đã chọn. Nhưng tôi buộc phải theo con đường ấy để thu lượm những gì cần thiết: nâng cao trình độ và kiếm sống nhờ vào cái nghề đã chọn. Tôi đã kiên trì đi trên con đường ấy cho đến khi có thể hoàn toàn thoát ra khỏi tâm của ngọn gió - khoảnh khắc nguy hiểm nhất trong cuộc đời. Nếu tôi nóng lòng từ bỏ một trong hai con đường ấy, rất có thể tôi đã bị ngã quỵ và ngay lập tức, gió sẽ nổi lên nhấn chìm cuộc đời tôi, và tôi cũng không thể tưởng tượng ra việc nó sẽ cuốn mình đi đến đâu nữa.

Tôi có biết một chàng trai trẻ tài năng, học chuyên ngành âm nhạc ở trường đại học chỉ vì muốn có một tấm bằng về âm nhạc chứ không phải vì anh ta muốn theo đuổi nghề nghiệp ấy. Nhưng anh ta đã có một quyết định thật sáng suốt là không đổi hướng ngay lúc đó. Anh ta cố gắng làm trong hai năm, chơi saxo cho một ban nhạc trên tàu du lịch, tiết kiệm từng đồng trong khi suy xét xem mình thực sự cần gì. Sau đó, anh ta quyết định học luật, và đến khi ấy, anh ta đã kiếm được đủ tiền để theo hết khóa học cho đến khi tốt nghiệp. Mặc dù không phải là một thủy thủ, nhưng ở một khía cạnh nào đó, anh ta cũng đã hiểu rằng, bằng mọi giá, mình cần phải tránh được những cạm bẫy bằng cách cố gắng nương theo chiều gió.

Đối nghịch với chàng trai trẻ ở trên là một chàng trai khác, người luôn tìm cách xoay xở cho cuộc sống của mình. Với hy vọng tìm được một công việc tốt, anh ta đã không ngần ngại nhảy việc. Anh ta biện hộ cho hành động của mình rằng muốn thử xem mình phù hợp với nghề gì, muốn biết chắc về công việc mà mình sẽ gắn bó trong suốt cuộc đời. Tôi hoàn toàn thông cảm với suy nghĩ ấy của anh, nhưng cũng đã hơn một lần, tôi nhắc nhở anh ta rằng cần phải biết nắm chắc cơ hội, đừng vội vàng quyết định một cách chủ quan. Nếu như anh ta không muốn mãi mãi bị "kìm kẹp" bởi những nhu cầu vật chất hằng ngày, bởi thời hạn trả tiền thuê nhà

hoặc chồng hóa đơn cần thanh toán mỗi tháng... thì anh ta cần phải bình tâm xem xét lại cách thức "đổi hướng" không mấy hiệu quả của mình trong suốt thời gian qua.

Trong cuộc sống không có gì hãnh diện hơn là được quyền tự quyết định tương lai của mình. Như thế, chúng ta có thể tự chọn cho mình một hành trình trong cuộc sống, chứ không phải chịu sự áp đặt của một ai. Bởi có thể những thứ người khác coi trọng lại hoàn toàn vô nghĩa với chúng ta. Chúng ta cần đưa ra những quyết định để có thể tự tin đi trên con đường của chính mình, một con đường đúng đắn!

7
BIẾT TÌM CHIỀU GIÓ

Một sớm mai, cùng những làn gió nhẹ, tôi giương buồm và lái thuyền về phía Hỏa Đảo. Mỗi thời khắc qua đi, gió Tây Nam mỗi lúc mỗi mạnh lên. Đến giữa buổi, tôi nhận thấy gió bắt đầu đủ mạnh để có thể tạo nên những ngọn sóng bạc đầu trên vịnh. Với sự am hiểu về những cơn gió đầu tiên thổi vào đất liền từ phía Đại Tây Dương, tôi lướt đi như chú chim nhỏ trên biển trong cái nắng oi ả của ngày hè.

Khi đến bờ biển, tôi thả bộ dọc theo doi cát vươn ra biển. Tôi bơi lội thỏa thích ở đó, nằm phơi nắng và lim dim ngủ trên đỉnh những đụn cát mềm mại. Chiều xuống, hoàng hôn dần buông trên bầu trời phía Tây, tôi quay lại thuyền, kéo buồm lên và thẳng hướng về nhà trong làn gió ham vui đuổi theo sau.

Tôi ngồi vắt vẻo phía trên mạn thuyền có gió, ngắm từng lớp sóng khẽ xô nhau khi chúng cuộn tròn dưới thân thuyền, làm thuyền dập dờn, nhấp nhô như chiếc nôi đưa. Khi cùng con thuyền đạt vận tốc như của cơn gió, tôi như cảm nhận được những ngón tay vô hình của gió đang mơn man trên mặt mình. Phía sau lưng, mặt trời dịu dàng sưởi ấm. Không có gì tuyệt vời hơn, tôi ngồi xuống sàn buồng lái và nhắm mắt lại, tự nhủ rằng đây là lúc để tận hưởng cảm giác nghỉ ngơi đầy sảng khoái trong hành trình dài trở về nhà.

Nhưng cũng nhờ thế mà tôi may mắn thoát khỏi lưỡi hái của tử thần. Chỉ trong tích tắc, một cơn gió bất ngờ nổi lên thổi vào phía sau cánh buồm chính mỏng manh, bốc luôn cái sào căng buồm bằng gỗ nặng lên và ném vật đó qua khoang thuyền với một sức mạnh khủng khiếp. Nó đâm sầm vào dây neo cột buồm bằng thép không gỉ, làm tung cái chốt ra ngoài khoang thuyền và đập vào cột buồm. Nếu khi ấy tôi đứng bên cạnh cái sào căng buồm thì chắc chắn đầu tôi đã nhanh chóng bị phạt lìa khỏi cổ!

Có thể cơn gió đã đổi chiều thật nhẹ, hoặc là cơn sóng đã đưa thuyền đi quá trớn về hướng Đông Bắc. Cũng có thể, vì đã không tập trung chú ý mà tôi đã lái con thuyền ra quá xa cơn gió. Nhưng có nói thế nào đi nữa thì tôi cũng đã phạm phải một sai lầm mà bất cứ thủy thủ nào cũng lo sợ, đó là đổi lái nhầm.

Khi người thủy thủ đổi đường chạy, mũi thuyền cắt ngang cơn gió, đó là khoảnh khắc thật nguy hiểm, dù chỉ trong chốc lát. Anh ta cần có đà để giữcho thân thuyền tiếp tục chuyển động trong khi buồm đói gió. Sau đó, khéo léo chuyển hướng, mũi thuyền lại cắt ngang cơn gió, nhưng không có tử điểm nào cả, cũng không có nguy hiểm gì. Tuy nhiên, chỉ cần sai một ly là đi một dặm, chỉ cần nhầm hướng một chút, và cơn gió tập trung lại trong cánh buồm, đập nó từ bên này sang bên kia khoang thuyền với một sức mạnh khủng khiếp là đủ đưa thuyền vào chỗ chết.

Khi nương theo cơn gió, một người thủy thủ tài năng phải biết chính xác mình nên rẽ thuyền vào lúc nào và làm như thế nào. Đầu tiên anh ta xoay buồm càng đúng hướng gió càng tốt, như thế nó sẽ không lượn vòng quá xa, và sau đó anh ta để dây kéo buồm chính trượt nhanh trên mặt bên kia khi sào căng buồm quét dọc khoang thuyền. Ngay cả như vậy mà vẫn có những khi - nhất là trong gió mạnh - người thủy thủ giàu kinh nghiệm nhất cũng sẽ phải quyết định đi vòng, quay một góc 350º và làm cho mũi thuyền cắt ngang cơn gió hơn là quay 10º và đổi lái nhầm.

Nguy hiểm khi đổi lái nhầm cũng như trong phần lớn mọi việc khác, là kết quả của sự cẩu thả và vô ý. Tôi có nhiều thời gian để suy ngẫm về điều đó khi khoang thuyền của tôi được sửa chữa, cái cột buồm được đóng lại và cái khóa được cài chốt trở lại đúng vị trí. Thuyền trưởng nhìn thấy con thuyền của tôi trong xưởng đóng tàu, ông gọi tôi từ trên mũi chiếc Nimrod vươn qua dải nước hẹp:

“Chuyện gì xảy ra thế?”

“Cháu nhầm lái, cháu không cố ý.”

“À”, ông bảo, “lái thuyền cùng với gió, nghe có vẻ dễ. Cơn gió căng tràn trong cánh buồm và thổi cậu đi thẳng về phía trước. Cậu ngoảnh mặt chỉ một lúc để ngắm lằn nước và thế là cái sào căng buồm bay vèo...”

“Cháu biết”, tôi khẽ đáp, “cháu biết vậy mà.”

Nhưng, sự thực là, tôi đã không biết điều ấy, và trong cuộc sống đã khá nhiều lần tôi nhận ra mình nhầm hướng trước khi tôi hiểu rằng cuốn theo chiều gió là một hành trình đầy nguy hiểm. Như bao người khác, tôi cứ ngỡ rằng thật dễ dàng để nghỉ ngơi, chìm vào sự yên tĩnh đang bao trùm quanh mình khi thuyền lắc lư trong gió nhẹ. Cho đến khi ngộ ra rằng trạng thái nửa tỉnh nửa mê ấy chính là điều nguy hiểm nhất, tôi đã thức tỉnh mình ra khỏi sự chủ quan và nắm chặt vận mệnh của mình trong tay.

Một trong những việc đầu tiên tôi cần làm là từ bỏ công việc mà mình không thích, mặc dầu tôi làm việc đó để kiếm tiền, và gia nhập hàng ngũ những người tự làm việc mà không có ông chủ nào cả. Tôi muốn được hoàn thành tâm nguyện, thực hiện những ước muốn bấy lâu luôn âm ỉ trong lòng, nhưng như thế cũng đồng nghĩa với việc tôi sẽ phải tự lo các khoản tiền như bảo hiểm xã hội hay tự trả lương cho mình. Khi tôi gửi đơn xin thôi việc, ông chủ tịch công ty đã gọi tôi lên văn phòng và trách cứ vì tôi đã phạm phải một trọng tội: tự kiêu.

“Anh đang đẩy gia đình mình đến bờ vực đấy!”, ông ta nói. “Tôi thực sự không hiểu vì sao anh lại hành động như thế? Anh thật ích kỷ. Sao anh lại có thể làm như vậy với vợ con anh được nhỉ?”

Tôi muốn kể cho ông ta nghe câu chuyện về cái lần nhầm hướng đầy nguy hiểm ấy, nhưng tôi đã kìm lại được.

Nhiều năm sau, một số sự việc xảy ra làm tôi có cảm giác rằng dường như mình đã đi nhầm hướng. Tại một buổi tiệc, tôi gặp lại một người quen là giám đốc nhân sự của một tập đoàn lớn.

Ông ta hỏi tôi:

“Anh làm nghề viết tự do phải không?”

“Đúng vậy”, tôi đáp.

“Đó có phải là một nghề đúng nghĩa không nhỉ?”, ông ta lại hỏi.

Xét ở một khía cạnh nào đó thì ông ta đã hoàn toàn có lý khi đặt ra câu hỏi ấy. Bởi bản chất nghề nghiệp của tôi là sống bằng sự tự do sáng tạo và không được đảm bảo bằng một khoản lương thường xuyên.

"Tôi cho rằng không", tôi đáp. "Sự thật là vào lúc này, tôi cũng không biết rằng trong tháng tới mình sẽ kiếm được bao nhiêu."

"Tôi không nghĩ rằng mình có thể sống như vậy", ông ta nhún vai. "Nó quá mạo hiểm đối với tôi!"

Trong lòng tôi thầm chúc mừng ông ta vì ít ra công việc ông ta đang làm khá ổn định, chứ không bấp bênh như tôi.

Vài tháng sau, khi có dịp gặp lại người đàn ông ấy, tôi được biết ông đã bị sa thải. Để có thể duy trì hoạt động trước sự cạnh tranh khắc nghiệt từ thị trường nước ngoài, công ty ông ta buộc phải cắt giảm nhân sự. Và hành động không mong đợi của sếp đã làm ông ta choáng váng. Tôi vẫn còn nhớ rõ từng lời của ông ta: "Tôi là một nhân viên tốt, là một người làm thuê trung thành. Vậy mà công ty lại nỡ đối xử với tôi như vậy. Tôi nghĩ rằng mình mới ngốc nghếch làm sao!".

Ngốc nghếch ư? Có lẽ thế. Hoặc cũng có thể là như tôi trước đó, anh ta cần phải hiểu thế nào là tính tự mãn, và đặt niềm tin vào cơn gió đang tới bao nhiêu là đủ.

Trong tất cả những tai họa có thể ập xuống cuộc đời chúng ta, cái chết bất ngờ chính là điểm đến cuối cùng. Tôi biết một người phụ nữ đã tận hưởng hai mươi lăm năm hạnh phúc trong tình yêu của chồng. Anh đã làm tất cả cho chị, đáp ứng mọi nhu cầu xa xỉ nhất của vợ. Chị chẳng bao giờ phải bận tâm vì những công việc bình thường như viết séc hay sửa chữa ô-tô. Chị thong thả dong buồm trong sự ấm áp của ngọn gió vĩnh cửu nơi anh. Bước sang tuổi bốn mươi lăm, anh chồng đột nhiên bị một cơn nhồi máu cơ tim đánh quỵ. Chỗ nương tựa, nguồn sống của cuộc đời chị trong phút chốc đã bị cơn giông tố vô tình cuốn phăng đi mất. Chị cố vượt qua cú sốc tinh thần, nỗi sợ hãi và bắt đầu cuộc sống không có anh bên cạnh, nhưng cũng phải mất một khoảng thời gian khá dài chị mới có thể hòa nhập lại cuộc sống một cách bình thường.

Những gì xảy đến với người phụ nữ ấy cũng có thể sẽ xảy ra với mỗi chúng ta bất kỳ lúc nào. Chúng ta rời cảng với cơn gió hiền hòa phía sau và chúng ta để gió đẩy mình đi tới mà không hề cảnh giác. Chúng ta yên lặng tận hưởng cảm giác thoải mái mà không

nhận ra rằng đường bờ biển mỗi lúc một xa. Cứ thế, cơn gió dần trở thành người điều khiển chúng ta, nó mặc nhiên hướng chúng ta đi theo hành trình của riêng nó.

Ngoài khơi xa luôn có những hiểm họa khôn lường chực chờ ập tới, và phải vất vả lắm chúng ta mới có thể giong được con thuyền tàn tạ trở về cảng với cột buồm bị lung lay hay cánh buồm rách tơi tả. Khi đó, cơn gió không còn ở sau lưng chúng ta nữa mà nó đang ở trước mặt. Chúng ta sẽ phải đối mặt với những gì do sự vô tâm của chính mình gây ra. Chúng ta phải đi ngược lại cơn gió để có thể trở về nơi đã bắt đầu.

Có vẻ như tôi đã học được bài học này khá dễ dàng nhưng thực sự rất khó để nhận biết, nhất là trong những ngày đầu tiên bắt đầu cuộc sống nổi trôi nơi biển cả. Nhưng sẽ không là muộn màng nếu chúng ta chọn dong buồm theo cơn gió khi rời cảng, và sau đó, cuối cuộc hành trình, lại trở về nhà cùng ngọn gió theo sau.

Không lâu sau cái lần vấp váp đầu tiên ấy, một lần nữa tôi lại nhầm hướng, rồi lại thêm lần nữa. Cứ như thể tôi là người có năng khiếu đi nhầm hướng bẩm sinh vậy. Tôi đem vấn đề này đến hỏi thuyền trưởng. Ông lát lại sàn thuyền cho tôi rồi cùng tôi ra khơi, mang theo một cái sào căng buồm dài và cứng cáp vẫn được xếp gọn bên dưới khoang thuyền của ông. Ông cũng dong buồm theo hướng gió, nhưng khéo léo bắt nó chịu sự kiểm soát của mình. Và giờ thì tôi đã phát hiện ra tại sao mình mất lái con thuyền và để cho gió tụ lại dưới cánh buồm. Phần lớn những con thuyền buồm đều có một khả năng tự nhiên, một xu hướng tự nhiên để xoay vào cơn gió. Mỗi lần con thuyền của tôi có ý định thẳng hướng ngược chiều gió, ngay lập tức tôi lại bắt nó xoay xuôi theo hướng gió. Mỗi một ngày trôi qua, tôi luôn nỗ lực để tự sửa chữa sai lầm của mình, những sai lầm có thể tạo ra sự nhầm hướng đầy nguy hiểm.

Cuối cùng thì tôi cũng đã làm chủ được nghệ thuật diệu kỳ của việc lái thuyền theo cơn gió, thuyền trưởng góp ý với tôi:

“Cậu cần có một chiếc sào căng buồm linh hoạt, có thể xoay vun vút.”

“Xoay vun vút?”. Tôi chưa bao giờ nghe thấy điều gì tương tự như thế cả. Nhưng ông đã chuẩn bị đâu vào đấy. Từ dưới khoang, ông lôi chiếc sào căng buồm và mang nó lên mũi thuyền, rồi ông gắn một đầu vào cột buồm và đầu còn lại vào cánh buồm. Ông vào buồng lái và bắt đầu lái thuyền, cánh buồm chính giờ đã được treo

một cách khác thường trên một mặt của con thuyền và buồm tam giác được cái sào căng buồm treo ở phía bên kia làm điểm tựa.

Con thuyền đang "sải rộng đôi cánh". Cả buồm chính lẫn buồm tam giác đang dần trải rộng ra, như đôi cánh của chú chim thong thả bay lượn trên bầu trời, để có thể đón bắt cơn gió một cách tốt nhất. Khi thuyền trưởng nhường lái cho tôi, tôi cảm nhận được sự phấn khởi, cứ như thể cánh buồm căng phồng kia có thể nâng bổng con thuyền ra khỏi mặt biển bất cứ lúc nào và hòa mình bay lượn trong không gian.

Trên bàn làm việc của tôi có một bản sao bức tranh của Georgia OKeeffe(*) với dòng chữ: "Buồm nâu sải rộng đôi cánh". Tôi nghĩ rằng OKeeffe đã ngồi ở vị trí mà người lái tàu ngồi, cũng là nơi tôi thường ngồi, để có thể nhìn thấy lá buồm dễ nhất. Mặc dù con thuyền trong bức tranh ở tít Bahamas, nhưng cứ mỗi lần ngắm nó, tôi lại có cảm giác như mình đang cùng con thuyền màu xanh ung dung trên vịnh Đại Nam.

(*) Georgia OKeeffe (1887 - 1986): Nữ họa sĩ người Mỹ lừng danh với hội họa biểu hình huyền ảo; tranh của bà luôn gợi lên những cảm giác mãnh liệt và tạo ra một mối liên tưởng tuyệt vời giữa vẻ đẹp đầy quyến rũ mê hoặc của loài hoa và phụ nữ.

Nếu có đôi chút năng khiếu hội họa, có lẽ tôi cũng sẽ vẽ bức tranh con thuyền tương tự như OKeeffe: buồm chính nghiêng trên mạn phải và buồm nhỏ nghiêng trên mạn trái; phía trên những cánh buồm, từng đám mây trôi bồng bềnh giữa nền trời mùa hạ; phía dưới là ngọn hải đăng nhập nhòa phía xa xa gần đất liền, đều đặn quét ánh sáng trên nền biển xanh sẫm. Mọi thứ trông thật yên ả, bình lặng, nhưng tôi biết đó chỉ là ảo giác. Còn có những mối nguy, mà người lái thuyền không nhìn thấy, cũng đang hiện diện trong sự tĩnh lặng hài hòa này. Nếu bạn bẻ lái quá xa sẽ làm cánh buồm nhỏ mất gió, lúc này tai nạn hoàn toàn có thể xảy ra, bởi cơn gió có thể làm buồm chính đâm sầm qua khoang thuyền.

Nhưng cái mê hoặc tôi không phải là những đám mây bồng bềnh hay màu xanh ngút ngàn của biển trong tranh, mà đó là màu sắc của cánh buồm. Tôi đã từng nhìn thấy những cánh buồm màu trắng, màu đỏ, màu xanh dương..., nói chung là đủ màu sắc, trừ màu mà người họa sĩ đã chọn cho bức tranh này. Tôi phải công nhận rằng OKeeffe, với bản năng của một người nghệ sĩ, đã chộp được khoảnh khắc hiểm nguy trong hành trình xuôi chiều gió, và bà đã phủ cho cánh buồm đang sải rộng một màu nâu ảm đạm như dự báo điều không may nào đó sẽ xảy ra.

Bức tranh được treo phía trên bàn làm việc của tôi, như nhắc nhở tôi mỗi ngày, rằng mình đang sống trong một thế giới đầy hiểm nguy. Thậm chí cả trong những lúc an toàn nhất, khi nằm trên giường trong chăn êm nệm ấm, tôi vẫn có cảm giác bất ổn. Tôi đã cố thử thuyết phục bản thân rằng tôi đang an toàn hơn những bậc tổ tiên thời kỳ đồ đá, bởi thế giới của tôi là thế giới văn minh. Nhưng thật ra, dù có nằm trong tòa nhà bê tông kiên cố tôi cũng chẳng cảm nhận được sự an toàn là bao so với việc sống trong hang động.

Những lời cảnh báo của các bậc tiền nhân cứ văng vẳng trong tôi từng phút một. Rằng loài báo cougar vẫn đang ẩn nấp đâu đó trong đầu tôi, một bầy người nguyên thủy nào đó sẽ đe dọa thị trấn của tôi bất cứ khi nào. Tôi chới với đặt niềm tin vào những tiến bộ khoa học công nghệ thời đại mình, hy vọng rằng nó sẽ giúp tôi chống lại căn bệnh dịch hạch bùng phát không hẹn trước và lan rộng như đàn châu chấu trên đất liền. Nhưng một lần nữa, tôi nhận ra mình đã tự lừa dối bản thân.

Giờ đây, tôi thực sự hiểu rằng sự an toàn duy nhất mà tôi có được nằm ở chính bản thân tôi. Và vì thế tôi ngồi vắt vẻo trên khoang thuyền phía mạn có gió, tự nhủ hãy quan sát cánh buồm kẻo lại nhầm hướng thêm lần nữa.

8
SAU BÃO TỐ BIỂN SẼ BÌNH YÊN

"Mỗi ngày qua đi

Chúng ta bị mắc kẹt, không thể nhúc nhích

Lười biếng như một con tàu đứng im

Trên đại dương phẳng lặng."

- Samuel Taylor Coleridge, "Bài ca người thủy thủ cổ xưa"

Trong những ngày đầu, khi tôi và "Nữ hoàng" màu xanh của mình vừa mới quen nhau, tôi nhận thấy cơn gió là một người bạn thân luôn bên cạnh chúng tôi. Tôi ngày càng phụ thuộc vào cơn gió. Tôi tuân theo sự điều khiển của gió một cách vô điều kiện, đi thuyền cùng nó hay dong buồm nghiêng nghiêng trong cơn gió, và tôi có một niềm tin sâu sắc rằng, gió sẽ chẳng bao giờ làm tôi thất vọng.

Có vẻ như tất cả mọi người đều cho rằng những cơn gió hiền hòa sẽ thổi triền miên, cơn gió sẽ không bao giờ chết, và tôi cũng nằm trong số đó. Nhưng tôi đã tự dối mình, vì tôi luôn cho rằng mình có những cơn gió, tôi không thể hình dung được mình sẽ ra sao nếu một ngày nào đó tôi không còn cơn gió nào bên cạnh. Tôi đã

nghe loáng thoáng ở đâu đó rằng, sẽ có lúc gió ngừng thổi. Nếu thật vậy, quả là một điều bất hạnh của cuộc sống, như là bệnh tật hay cái chết, nó có thể xảy đến với một ai khác, chứ với tôi thì không.

Nhưng cuộc sống đã sớm giúp tôi nhận ra rằng mình đã quá ngây thơ khi tin vào những cơn gió vĩnh cửu. Một hôm, tôi giong thuyền ra khỏi con kênh dài trong làn gió Tây Nam vi vút, và trong suốt buổi chiều hôm ấy, tôi lái thuyền vượt qua những ngọn sóng bạc đầu. Mạn khuất gió của con thuyền nhanh chóng bị nước tràn vào. Tôi chỉnh lại dây lèo, con thuyền nghiêng đi, cánh buồm chính gần như chạm cả vào mặt nước, và trong khoảnh khắc, tôi có cảm giác mình sắp bị lật úp đến nơi. Một cách thận trọng, tôi chỉnh hướng thuyền vào cơn gió. Mỗi lần rơi vào tình cảnh đó, tôi đều làm như thế, và đã bao nhiêu lần phải thực hành lại bài tập ấy, tôi cũng không nhớ chính xác. Tôi không nghĩ rằng mình đang cố thách thức số phận, nhưng sự mạo hiểm đã cho tôi cảm giác thực sự thú vị, và tôi không muốn dừng lại.

Mải mê đùa giỡn với những con sóng bạc đầu, chỉ khi hoàng hôn buông xuống, tôi mới chịu dong buồm về nhà. Xa xa phía cuối chân trời, mặt trời mùa thu đã lặn xuống quá nửa và mặt đất cũng bắt đầu dịu dần. Dường như mặt đất và bầu trời cùng rủ nhau đạt mức cân bằng về nhiệt độ thì phải, tôi nhận thấy như vậy khi còn ở cách bờ biển khoảng một cây số rưỡi. Từ lúc cầm lái đến giờ, tôi chưa từng hình dung một cơn gió tắt hoàn toàn là như thế nào. Thông thường luôn có gió làm động lực đẩy thuyền đi tới. Thế nhưng vào lúc đó, sự chênh lệch về nhiệt độ để có thể tạo ra gió đã không còn. Cánh buồm lập tức xìu xuống, mặt vịnh phẳng lặng như một chiếc gương soi khổng lồ.

Trước đó chỉ một lát thôi, con thuyền của tôi đang hăm hở ngụp lặn cùng cơn gió, nó lao vun vút trên sóng làm những tia nước mặn bắn tung qua mũi thuyền, ướt cả tóc tôi. Lúc đó, tôi không nhắm đến hướng nào cụ thể cả, chỉ đơn giản là cho thuyền đi đi lại lại, giữa bờ biển và đất liền, để hít thở không khí trong lành ngoài khơi. Còn bây giờ, cơn gió lang thang đã biến mất không để lại chút tăm hơi, để tôi và con thuyền của mình "mắc kẹt" giữa biển cả.

Trước mắt, tôi chưa thực sự cảm nhận được mối nguy hiểm nào cả. Con thuyền vẫn bập bềnh trên mặt nước, tôi vẫn có thể nhìn thấy ánh sáng nhấp nháy xa xa từ phía đất liền và càng lúc càng rõ ràng trên nền trời đang dần tối. Tuy vậy, nỗi sợ vẫn trào dâng trong tôi. Chúng ta vẫn thường sợ hãi như một đứa trẻ mỗi khi

mất động lực để tiến về phía trước. Tôi đã thực sự say mê việc được chèo thuyền trên biển, cứ như là việc chèo lái con thuyền ấy có ý nghĩa rất lớn lao đối với tôi. Nhưng giờ đây, tôi bị buộc phải một mình đối mặt với sự tĩnh lặng đáng sợ của biển cả.

"Mình cần phải làm gì đó! Phải làm một cái gì đó!". Tôi liên tục nhắc nhở và tự trấn an mình.

Trong nỗi tuyệt vọng, tôi cầm lấy cần lái và cố gắng đẩy thuyền về phía trước bằng cách lắc lắc nó. Và con thuyền đã chịu sự tác động của tôi, nó nhích lên một chút. Tuy chỉ là chút ít thôi, nhưng như thế cũng thật đáng quý trong lúc này. Tôi đẩy cánh buồm hết sang mạn phải lại sang mạn trái, với hy vọng rằng sẽ có một điều kỳ diệu nào đó xảy ra, làm cho nó căng phồng lên. Nhưng, chẳng có một chút gợn sóng trên mặt biển hay một chút lay động nào, dù nhỏ, trong không gian. Lúc này, nếu vị thần bão đi ngang qua, tôi rất sẵn lòng và vui vẻ đánh đổi sự tĩnh lặng đang bao quanh mình chỉ để lấy một cơn bão. "Thổi lên nào! Gió ơi, nổi lên đi!", tôi van vỉ. Nhưng chẳng có cơn gió nào cả, tôi hoàn toàn bất lực trước tự nhiên.

Loay hoay một lúc mệt lả người, tôi ngả lưng lên khoang thuyền, hai tay đan dưới đầu, mắt nhìn chăm chăm vào cánh buồm, trên trục buồm, ra xa kia, và về cả phía bầu trời thăm thẳm. Tôi trông thấy vành mặt đất đang dâng lên và nuốt lấy mặt trời, rồi mặt trăng lưỡi liềm treo lơ lửng bên những ngôi sao lấp lánh trong đêm. Tôi lại hướng về ánh sáng nơi ngọn hải đăng của Hỏa Đảo đang rọi qua mặt vịnh, có khi đến sáu lần mỗi phút. Và tôi nhìn lên bầu trời, chứng kiến nó đang chuyển từ màu tím hồng sang màu đen, và tôi giật mình khi bất ngờ nhìn thấy con diệc đêm, chẳng hiểu nó từ đâu đến, chễm chệ trên đỉnh cột buồm.

Nếu là chim diệc thì tôi đã nhìn thấy từ trước đó rồi. Nó thường đứng bất động ở vùng nước nông, chờ đợi con mồi. Tôi còn trông thấy cả cái cách nó tấn công con mồi hay đang ngủ gà gật trên rặng liễu dọc bờ biển nữa kìa. Nhưng tôi chưa bao giờ thấy một con diệc nào đậu trên cột buồm cả. Nhìn từ phía dưới khoang thuyền, tôi không thể thấy cái đỉnh đầu màu đen của nó, nhưng nhờ cái dáng cong cong mà tôi nhận ra. Tinh tường và trầm lặng, nó nhìn chằm chằm về phía biển. Thật ra, ẩn dưới cái vẻ ngoài bàng quan, nó đang âm thầm quan sát. Có vẻ như con diệc đang chờ đợi sự thay đổi của thủy triều, của cơn gió đổi chiều hay một tín hiệu đáng mừng nào đó.

Ngay lập tức, tôi bật dậy và chăm chú nhìn con chim có chút gì đó

oai vệ nhưng cũng thật lạ lùng này. Ước gì tôi có thể hỏi được xem nó đang tìm kiếm thứ gì, vì sao nó đứng bất động và trầm tĩnh lâu đến thế. Nó có vẻ trầm lặng đến bí hiểm, một tính cách khá xa lạ đối với tôi. Và tôi nghĩ rằng hình như nó sinh ra đã là như vậy - ẩn chứa trong những sợi cơ của đôi chân mảnh khảnh hay bộ lông mượt mà của nó; hay cũng có thể là nó đã học được điều đó trong cái thế giới mà nó không thể kiểm soát được sự sống của bản thân, nó luôn cần phải nhanh nhạy để kịp thời ứng phó với các tình huống đầy hiểm nguy.

Liệu nó có thể đoán trước điều gì sẽ xảy ra dưới bề mặt yên ả của biển cả hay không? Tôi nghi ngờ điều đó. Tôi tin rằng, cũng giống như tôi, nó đang chờ đợi một điều gì đó xảy ra để có thể khám phá bản thân trong hiện tại, một thực tại phù du, và sau đó bằng trí tuệ bẩm sinh, nó có thể bay đến bờ biển ở phía xa và bắt cá ở vùng nước nông.

Trong tôi bắt đầu nảy sinh sự khâm phục pha lẫn chút ghen tỵ đối với chú chim này, vì nó nhận thức được sức mạnh của sự im lặng, cũng như sự kiên nhẫn phi thường và khả năng chịu đựng sự cô độc của nó. Dường như nó biết rằng trước khi rời chỗ đậu, nó phải vượt qua được sự tĩnh lặng này. Khi tôi quan sát chú chim, nỗi sợ trong tôi cũng dần biến mất, thay vào đó là sự nhận thức rõ ràng về hoàn cảnh xung quanh, về chính bản thân, điều đó có ích hơn nhiều so với việc tôi dại dột tự nhấn chìm mình trong sóng biển mênh mang.

Tôi chợt nhận ra rằng, khi rơi vào những hoàn cảnh như thế này, tôi không cần phải làm gì cả, bởi tất cả đều do các thế lực tự nhiên chi phối và mọi nỗ lực của tôi trong lúc này là hoàn toàn vô ích. Tôi cần phải bình tĩnh như chú diệc kia và chờ đợi ngọn gió trở lại, vì tôi biết chắc là nó sẽ không bỏ rơi tôi, mặc dù tôi chẳng biết chừng nào nó quay lại và sẽ nổi lên từ hướng nào để xác định trên la bàn.

Tôi nhìn xuống mặt nước, tìm kiếm chút hy vọng mong manh nhưng vẫn chỉ thấy sự lặng yên. Mặc dù không thể đoán được hướng gió, nhưng tôi vẫn cố gắng nghiên cứu xem nó đã thay đổi như thế nào. Trước đây, tôi đã chứng kiến sự thay đổi của kim la bàn về hướng Tây Nam hay về hướng Tây khi cơn gió tăng tốc, hoặc nhích nhẹ về hướng Nam khi cơn gió tan đi. Nhưng cơn gió vừa rồi hình như là một ngoại lệ, nó đã biến mất như bị một lỗ hổng nào đó trên bầu trời hút vào.

Thế là tôi đã trải qua một đêm khá thú vị giữa biển cả bao la. Một

thằng nhóc trên chiếc xuồng du lịch có gắn máy phóng qua. Nhìn thấy thuyền tôi đang đứng im trên mặt biển, nó tắt máy và hỏi: "Muốn kéo về không?".

Thuyền của tôi chẳng có động cơ, hẳn nhiên thế, nhưng cái ý nghĩ rằng mình sẽ bị kéo theo đằng sau cái máy gây ô nhiễm môi trường ấy làm tôi cảm thấy bị xúc phạm. Tuy vậy, nếu như cậu ta đưa ra lời đề nghị sớm hơn nửa tiếng thôi, thì có lẽ tôi đã chấp thuận. Nhưng giờ tôi thấy không cần thiết. Tôi đã có thể tự dong buồm ra khỏi mũi đất vào sớm mai trong làn gió nhẹ, cơn gió đã cùng tôi rong ruổi trong suốt buổi chiều. Trên đường về nhà, cơn gió tự dưng biến mất, và giờ đây tôi đang chờ đợi sự trở về huyền thoại của nó, như thế tôi mới có thể hoàn thành hành trình tự nhiên trong suốt một ngày. Tôi đáp lời thằng nhóc không chút do dự: "Không cần đâu, cám ơn. Tôi sẽ chờ cơn gió trở về".

Một giờ sau, tôi cảm nhận được một luồng không khí di chuyển đến từ hướng Bắc, cánh buồm khẽ rung nhẹ, theo chiều gió. Tôi nhanh chóng trở buồm theo đúng hướng gió và một cơn gió đã đẩy thuyền đi. Tôi nhìn lên đỉnh cột buồm, chú diệc đêm qua đã mất tăm.

Cơn gió đã đổi hướng hoàn toàn, quay đúng 180º. Tôi cảm thấy thật buồn cười vì đã không nhận ra điều đó sớm hơn, điều mà bây giờ đã thành một sự thật hiển nhiên. Cơn gió có thể làm cho chiếc kim la bàn di chuyển nhẹ, nhưng chẳng thể tạo nên một sự thay đổi lớn lao. Gió không thể đổi hướng ngay mà nó cần ngưng thổi một khoảng thời gian trước khi chuyển từ Tây Nam sang Đông Bắc.

Tôi nhằm hướng ánh sáng ở đầu mũi đất mà tiến, và nhanh chóng lướt vào con kênh đến chỗ neo thuyền. Khi tôi tới, dượng đã có mặt ở đó, bồn chồn lo lắng bên cạnh ô-tô. Đèn pha ô-tô rọi vào cột neo thuyền, cứ như là để chỉ đường cho tôi vậy.

Tôi hỏi ngay: "Dượng ra đây chờ con lâu chưa?"

"Cũng khá lâu rồi. Dượng rất lo cho con. Nhưng vừa nãy, dượng đã gặp thuyền trưởng, ông ấy bảo rằng có thể con đã gặp phải gió lặng, và bảo dượng đừng lo lắng quá, vì không sớm thì muộn gió cũng sẽ nổi lên thôi".

Tôi đã quên béng chú chim diệc đêm qua, chính xác hơn là những hình ảnh về nó đã ngủ im đâu đó trong ký ức của tôi. Tôi nghĩ rằng chúng ta không nên quên bất cứ hình ảnh đầy mạnh mẽ nào

có thể làm cuộc sống của chúng ta thêm phong phú. Hãy để chúng nằm ngủ, nép mình vào bóng đêm, chờ đến lúc thức dậy, chứ không nên cất chúng quá sâu trong ngăn tủ trí nhớ, để rồi một ngày nào đó hình ảnh ấy chết đi.

Và hai mươi năm sau, chú chim bí ẩn ấy lại xuất đầu lộ diện một lần nữa khi tôi phải đối mặt với chính mình trong một cuộc đấu tranh tư tưởng. Tôi theo đuổi sự nghiệp của mình, say sưa với những thành công nhất thời trong kinh doanh. Tôi không còn biết mình muốn gì, mình đang đi đâu nữa. Tôi chết ngộp trong cái mớ hỗn độn mà đáng lẽ ra, tôi đã phải dừng lại và xem xét nó từ lâu rồi. Một ngày nọ, hoàn toàn bất ngờ, trên đường đi làm, trong khi đang len qua những dòng xe ken dày ở ngoại vi Manhattan, tôi đã gục ngã như một con thú bị thương với một cơn co thắt nơi bắp đùi.

Cơn đau dai dẳng, ngày càng thường xuyên hơn. Khi tôi không còn tự di chuyển được nữa và phải dùng nạng để đi, bác sĩ phẫu thuật đã quyết định rằng, không còn sự lựa chọn nào khác, tôi phải chịu bó bột phần hông của mình. Tôi đã bắt đôi chân của mình mang toàn bộ sức nặng của cơ thể, và di chuyển theo cái hướng mà nó không muốn đi. Và bây giờ, hậu quả là những khớp nối hông bên phải của tôi đổ sụm.

Tôi tỉnh dậy sau khi bị gây mê với bộ khung bằng thạch cao bao quanh mình từ ngực cho đến tận mắt cá chân. Về một khía cạnh nào đó thì tôi đã gặp may khi cô y tá người Thuỵ Sĩ, một cô gái rất cởi mở và thân thiện, sáng sáng lại thò đầu vào phòng bệnh của tôi: "Trong cái kén này, anh có vẻ an toàn và vững chãi nhỉ. Tôi không thể tưởng tượng nổi lúc cái kén này nở ra trông anh sẽ thế nào nữa".

Thoắt cái, tôi đã cuộn mình trong cái kén ấy được sáu tháng, thay da đổi thịt, chờ cho xương lành lại. Trong những tuần đầu tiên, tôi ước mình có thể tự đứng thẳng dậy, cảm nhận được không khí mơn man quanh mình. Nhưng sự thật là tôi đang bị giam lỏng trong cái kén mà nắng và gió không thể lọt tới. Những bác sĩ điều trị thường xuyên ra vào phòng tôi, đập đập vào khung bột, cứ như thể bằng cách gõ như vậy, họ có thể biết được chuyện gì đang xảy ra với hình nhân bất động bên trong.

Ban đêm là khoảng thời gian khủng khiếp nhất với tôi, vào những đêm mất ngủ - việc trở mình hay lật lưng đối với tôi là một thứ gì đó thật xa vời, và trong lúc tôi thấy mình gần như nhụt chí thì chú chim diệc đêm ấy đã quay về. Thực ra, đó chỉ là hình ảnh được tôi

lưu giữ trong ký ức và giờ đây nó bất chợt thức dậy, sống động còn hơn cả sự thật. Tôi thực sự tin rằng những hình ảnh mà chúng ta khắc sâu trong tâm trí sẽ sống động hơn cả những gì chúng ta nhìn thấy tận mắt.

Không, chú chim ấy không đậu ở chân giường của tôi, mà nó đậu ở chính cái nơi lần đầu tiên tôi nhìn thấy, trên đỉnh cột buồm, im lìm bất động, quan sát mặt nước phẳng lặng và chờ đợi một cơn gió bất chợt nào đó sẽ nổi lên. Tôi vẫn nhớ mình và chú chim đã chờ đợi cơn gió như thế nào, và rồi cuối cùng cơn gió nhẹ cũng đến căng đầy cánh buồm của tôi, đã đưa tôi về nhà như một phần thưởng xứng đáng cho sự kiên nhẫn của tôi.

Ngày qua ngày, khi bị buộc phải nằm bất động, tôi đã suy nghĩ rất nhiều về việc mình là ai, mình đến từ đâu và mình muốn trở thành người như thế nào. Những gì tôi đã mất đi khi không được tự do vận động, thì giờ tôi đã đạt được nó ở trong tư tưởng, một "dạng khác" của sự vận động. Tôi học được rằng, cuộc sống nội tâm là một tặng phẩm cho cuộc sống hướng ngoại, và khoảnh khắc đáng giá nhất chính là lúc ta hoàn toàn đắm mình trong yên lặng.

Cuối cùng thì xương của tôi cũng đã liền lại. Gần đến ngày tháo bột, tôi biết rằng mình đã khỏi hẳn, và một quyết định gần như là rất chắc chắn đã bao trùm tâm trí tôi. Tôi đã theo đuổi những mục tiêu vật chất quá nhiều, vì lợi ích của chính mục tiêu ấy, hay vì tôi đã nhầm lẫn nghĩ rằng gia đình, bạn bè, các đồng nghiệp của tôi thực sự mong đợi ở tôi những điều đó. Đó cũng là trăn trở của nhiều người khác. Và tôi đã đánh mất cảm giác về bản thân, về việc tôi sinh ra trên trái đất này để làm gì.

Từ lúc biết đọc, hoặc cũng có thể là trước đó, tôi đã nghe thấy những âm điệu của ngôn ngữ vang vọng trong tâm trí mình. Thứ âm thanh đó đã hấp dẫn tôi, bằng nhịp điệu và những hình ảnh mà chúng mang lại trong từng cuốn sách tôi được đọc. Và cứ thế, nó dần dần trở nên quen thuộc để tôi có thể tự mình kết nối các câu chữ lại với nhau. Như vậy, tôi có thể diễn đạt cho mọi người hiểu mình đang nghĩ gì và truyền cho họ những cảm nhận của chính tôi.

Đó là một câu chuyện khá kỳ lạ về một con người bắt đầu cuộc sống trưởng thành của mình với ước muốn trở thành nhà thơ nhưng cuối cùng lại làm việc trong lĩnh vực quan hệ công chúng. Hơn ai hết chính tôi mới là người phải thận trọng suy xét, chứ không nên đổ lỗi cho việc bẻ lái quá xa khỏi hành trình. Đó không

phải là những gì người khác tác động lên tôi, mà là những cái tôi cần phải làm cho chính bản thân mình. Thay vì tiếp tục theo đuổi giấc mơ, tôi lại trở thành người viết báo thuê và viết hộ những bài phát biểu cho các thương nhân, những người không có đủ thời gian lẫn ý tưởng cho lời nói của chính mình.

Một ngày, tôi bỗng nhận ra rằng những thứ mình đang theo đuổi chỉ là phù phiếm trong vô vàn những điều phù phiếm khác của cuộc sống, và tôi đã phải trả một cái giá khá đắt. Mỗi sáng tôi đều thức dậy với dáng vẻ mệt mỏi lẫn chán ngán khi nghĩ đến việc phải đi làm. Tôi luôn bắt mình phải đi theo con đường mà tôi không muốn, mặc bộ quần áo mà tôi không ưa, đáp chuyến tàu công cộng đến thành phố mà tôi không thích, nơi tôi phải hoàn thành nhiệm vụ của mình: đề cao tâng bốc người khác và tự hạ mình xuống. Tôi quay cuồng trong cơn gió và đánh vật với nó đến kiệt sức, rồi lại nơm nớp lo sợ nếu như cơn gió ấy bất chợt dừng lại.

Tôi vẫn không thể điều khiển được cơn gió và đành chấp nhận để nó cuốn đi mải miết cho đến cái ngày hông tôi bị sụm xuống. Tôi thực sự ngã quỵ. Ngoan ngoãn tuân theo những nguyên tắc điều trị, tôi nằm đó, chìm trong nỗi tuyệt vọng mà không mảy may nhận ra rằng hậu quả là do chính mình gây ra. Bởi những gì tôi cần, hơn cả sự an toàn, hơn cả sự thành công, là một khoảng tĩnh lặng đem lại luồng gió mới cho tôi từ một bờ biển xa lạ. Khi tôi nằm hoàn toàn bất động, và phải vật lộn với những cơn ác mộng về cái chết, một cái chết còn khủng khiếp hơn cả tự thân cái chết, tôi chợt nhận ra tham vọng và ước muốn của mình: tôi muốn làm những việc tôi thích và trở thành con người mà tôi muốn.

Cuối cùng thì sức khỏe của tôi cũng đã hồi phục trở lại, bác sĩ đã giải phóng tôi ra khỏi cái kén kinh khủng ấy. Tôi muốn chào mừng sự trở lại này bằng một chuyến đi biển nhưng không thể, vì tôi đang ở sâu trong đất liền. Nhưng cũng nhờ vậy mà tôi đã làm được một việc cũng tuyệt không kém. Tôi đào một cái hố ở sân sau và trồng vào đó một cây sồi đỏ cứng cáp. Và cứ mỗi độ xuân về, tôi lại thích thú ngắm những bông hoa tuyệt đẹp của nó và lắng nghe âm thanh rì rào của gió đang len lỏi qua từng nhánh lá.

9
SÁNG SUỐT PHÁN ĐOÁN

Tôi vẫn còn nhớ như in lần đầu tiên tôi đương đầu với con tàu Miss Ocean Beach như thế nào, con tàu luôn "cày bừa" qua vịnh, và tạo ra những lằn nước cao hơn cả những ngọn sóng khổng lồ trong ngày mưa bão. Tôi ngồi phía dưới chiếc sào căng buồm, cái cần lái vắt qua vai, chìm đắm trong suy nghĩ. Đột nhiên, có một con tàu bỗng đâu xuất hiện phía trước, lao đến như chực nuốt gọn con thuyền của tôi. Nó réo lên một hồi còi đáng sợ để lùa tôi ra khỏi đường chạy của nó. Lực đẩy của nó mạnh đến nỗi tưởng như muốn hất văng tôi ra khỏi thuyền.

Chân tôi run bần bật khi con tàu chạy với tốc độ chóng mặt và quét qua mạn phải con thuyền của tôi chỉ cách hơn ba mươi mét. Vóc dáng con tàu không được thanh tú mấy, mũi cao đuôi thấp, tạo ra những lằn nước lớn trên cuộc hành trình dọc con kênh chạy giữa Hỏa Đảo và vịnh Biển. Nó đã từng là tàu buôn rượu lậu trong thời kỳ có luật cấm bán rượu. Con tàu giờ đây vẫn băng băng qua con nước như thể nó chở đầy hàng lậu và đang bị một chiếc xuồng hải quan đuổi theo sau. Tuy nhiên lúc này, thay vì buôn rượu lậu thì con tàu lại chở hành khách, họ đang đi vòng lan can tàu, ngó quanh, và có vẻ thích thú (là tôi đoán vậy) khi trông thấy một vụ tai nạn sắp sửa xảy ra. Họ đang hồi hộp chờ xem tôi có cơ may sống sót không sau khi bị ngọn sóng khổng lồ chồm lên.

Rất có thể cơn sóng nhồi khổng lồ ấy sẽ đập vào tôi theo cái hướng khủng khiếp nhất: từ bên cạnh mạn thuyền. May thay, bằng sự bình tĩnh của một thủy thủ, tôi đã xoay mũi thuyền và điều chỉnh hướng đi của nó. Những cánh buồm bay phần phật trong gió, và những khớp nối phát ra tiếng kêu răng rắc khi con thuyền của tôi dần chìm xuống ngọn sóng đang cuồn cuộn. Con thuyền lao xuống khi ngọn sóng đầu tiên xô tới, bị chìm dưới ngọn sóng thứ hai và cưỡi lên ngọn sóng thứ ba. Con thuyền đã hoàn toàn thoát ra khỏi chuỗi cơn sóng hung hãn và bình yên vô sự. Nhưng tinh thần tôi thì bị chấn động dữ dội, trong suốt vài ngày sau đó, tôi vẫn nghe văng vẳng bên tai tiếng còi báo hiệu ma quái của chiếc tàu dội lại.

Tôi đã lập một lời trọng thệ: không bao giờ để bất cứ một con tàu nào tiến lại gần thuyền của mình. Tôi sẽ thận trọng quan sát và ngay khi phát hiện ra nguy cơ, tôi sẽ lập tức đổi đường chạy, quay mũi thuyền hay làm bất cứ việc gì có thể, để chắc rằng mình không bị va đập. Sẽ chẳng có vấn đề gì xảy ra nếu tôi đề cao cảnh giác ngay từ khi có một con thuyền nào đó xuất hiện xa xa từ phía chân trời. Nếu tôi không có biện pháp ngăn ngừa hữu hiệu, thì rất có thể sẽ xảy ra một vụ va chạm tàu khủng khiếp.

Cho đến một ngày, nỗi lo sợ của tôi đã thành sự thật. Tôi có thể đã mắc một sai lầm nào đó, nhưng tuyệt nhiên không phải vì tầm nhìn của tôi bị nỗi khiếp sợ làm cho lu mờ. Khi chiếc thuyền đang đi ngược gió, tôi nhìn lướt xuống phía dưới sào căng buồm và thấy một con tàu đánh cá bằng lưới có cầu phao đang mở hết tốc độ, thẳng hướng về phía tôi. Mặc dầu con tàu vẫn còn cách nửa dặm, nhưng tôi đã quay hướng thuyền để chắc rằng mình vẫn an toàn khi vượt qua phía đuôi tàu của nó. Đúng vào lúc ấy, con tàu lại đổi hướng, và tôi cũng lập tức kéo buồm lệch sang một bên để tránh. Nhưng chỉ trong chốc lát, một khúc gỗ lớn đã đâm sầm vào mũi thuyền tôi.

“Nữ hoàng” màu xanh của tôi rung mạnh sau cơn chấn động. Và qua tiếng kêu răng rắc của nó, tôi biết thân thuyền đã bị thủng. Tôi quỳ xuống sàn và săm soi phía dưới khoang. Mặc dù không nhìn thấy rõ, nhưng tôi có thể nghe được tiếng nước bì bõm tuôn qua cái khe bị nứt toác dưới đáy thuyền. Con thuyền tròng trành trong cơn gió, dần dần chìm xuống. Tôi nhanh chóng hạ thấp cánh buồm tam giác và đứng trên mạn thuyền trước, vẫy tay cầu cứu một cách điên cuồng. Và con thuyền đánh cá, con thuyền mà tôi đã cố tránh, giờ đây ở cách tôi vài trăm mét. Người chủ thuyền nhìn thấy tôi đang trong cơn nguy hiểm, liền tắt máy và hỏi to: “Chuyện gì đã xảy ra với cháu vậy?”.

“Cháu đang bị đắm!”

Không chút chần chừ, ông lái chiếc thuyền đánh cá đến gần thuyền tôi hết mức có thể, và ném cho tôi một sợi dây. Tôi nhanh chóng bắt lấy và buộc chặt nó xung quanh gốc cột buồm của mình. Một lúc sau, tôi đã bình yên đứng trên đuôi của chiếc thuyền đánh cá, hướng về phía đất liền với “Nữ hoàng” màu xanh được kéo theo sau. Con thuyền vẫn chưa hết tròng trành nhưng không hiểu tại sao nó vẫn nổi được. Khi chúng tôi đến xưởng đóng tàu, những người thợ nhanh chóng kéo nó lên, đục khúc gỗ ra khỏi cái lỗ dưới đáy và hong cho thuyền khô.

Đúng lúc đó, thuyền trưởng nhìn thấy chiếc thuyền màu xanh của tôi phơi mình trên cạn, ông liền chèo ghe qua con lạch hẹp nối nhà ông với xưởng đóng tàu. Ông đưa tay rờ rẫm dọc thân thuyền đã bị vỡ, rồi xoa xoa cái cằm lởm chởm râu, sau đó quay sang tôi hỏi:

“Có chuyện gì xảy ra vậy?”

Tôi thuật lại cho ông mọi chuyện, rằng tôi mải mê quan sát con tàu đánh cá ở phía xa nên đã không nhìn thấy khúc gỗ nổi ngay dưới mũi thuyền.

Tôi những tưởng ông sẽ dạy cho mình một bài học ngay tại chỗ về những thứ trôi dạt trên biển: hàng hóa bị vứt xuống biển cho tàu nhẹ bớt, những vỏ hộp hay xác những con chim biển, và cả những thứ nguy hại khác như những bãi nước nông hay vùng đất thấp đang ẩn nấp đâu đó thình lình xuất hiện và có nguy cơ làm đắm tàu. Thay vào đó, ông bảo: “Yên tâm đi, cậu không cần phải lo lắng gì nhiều. Ở đây Archie là một bậc “phù thủy” sửa chữa tàu thuyền đấy! Chúấy sẽ sửa lại tấm ván và đóng khít một lát cắt vào lỗ thủng. Sau đó, một, hai, ba, hô biến! Sẽ không ai có thể nhận ra con thuyền đã từng bị thủng đâu”.

Archie là một chú thợ mộc ở xưởng đóng tàu, thế nhưng thuyền trưởng cứ luôn miệng gọi chú là “phù thủy”. Và chú đã chứng minh rằng sự ngưỡng mộ của thuyền trưởng là hoàn toàn hợp lý. Một tuần sau đó, con thuyền của tôi đã có thể vẫy vùng thỏa thích trên mặt nước với một tấm ván mới ở mũi thuyền và màu sơn xanh mới. Tôi đã tự tay sơn màu xanh lên thân thuyền. Mặc dù con thuyền luôn trong tư thế sẵn sàng để ra khơi, nhưng người thủy thủ - là tôi - vẫn chưa có ý định đó.

Tôi đứng trên bờ biển, ngắm “Nữ hoàng” màu xanh và nhớ lại

những chuyện khủng khiếp vừa xảy đến với mình. Trong thoáng chốc, tôi không biết mình có còn hứng thú với việc ra khơi không nữa. Vì thật ra để có thể giong thuyền ra khơi, cần phải xác định cho được đích đến một cách rõ ràng, nếu không thì ít nhất cũng là mục tiêu của chuyến đi. Nhưng đằng này, vào thời điểm đó, tôi mơ hồ nhận thấy có một hàng rào ngăn cách giữa bản thân tôi và đích đến của mình - một dải cát phía bên kia vịnh. Việc đầu tiên tôi cần phải làm bây giờ là đưa thuyền ra khỏi lòng trũng của xưởng đóng tàu mà không để đâm vào bờ vịnh, và sau đó tôi sẽ phải vượt qua hơn chục cây số trong sóng nước mênh mông, chống chọi với những cơn gió giật hay sóng vỗ bì bõm.

Cuối cùng, tôi cũng có đủ can đảm để hạ thủy con thuyền. Tôi căng buồm lên, đón gió và bắt đầu một hành trình zíc-zắc dọc theo con lạch nước mặn, tận dụng cơn gió hay thay đổi một cách tốt nhất trong khả năng có thể. Khi ra đến cửa kênh, tôi xoay buồm cho đúng hướng gió, con thuyền chao đi và thoắt cái đã rời đất liền, theo cơn gió, thẳng hướng về phía tháp nước lớn lấp lánh trong ánh mặt trời trên mặt biển ở Saltaire.

Đi được hai phần ba chặng đường, tôi nhìn thấy một tàu lớn chở dầu đi dọc con kênh, thẳng tiến về phía trạm dầu ở Patchogue, cách đó khoảng 30 cây số. Con tàu khá đầm, lừng lững tiến về đích, tỏ vẻ kiên quyết không nhượng bộ trước bất kỳ con tàu nào dám cản trở. Sợ rằng sẽ đâm vào nó, tôi quyết định dừng lại hoàn toàn, chờ nó đi qua. Nhưng đến khi gần như đã nhả hết gió ra khỏi cánh buồm, tôi lại đổi ý. Hà cớ gì tôi phải làm như vậy trong khi con tàu kia vẫn còn đang ở rất xa?

Tôi tiếp tục dong buồm, và khi "Nữ hoàng" màu xanh đến gần con tàu chở dầu, chẳng có vụ va đụng nào xảy ra cả. Con tàu ấy đi ngang qua ngay trước mũi thuyền của tôi, vẫn còn cách tôi một khoảng khá xa. Tôi phải vật lộn với làn nước do nó tạo ra, nhưng nếu tôi vẫn giữ cho cánh buồm no gió trong lúc này thì lực đẩy của con thuyền sẽ giúp tôi an toàn hơn.

Mọi việc xảy ra chính xác như thế này: Con tàu và con thuyền của tôi cách nhau một khoảng rộng, khi con tàu ấy và thuyền tôi chia làm hai ngả, tôi nhận ra rằng sự lo lắng của mình quá thừa. Tất nhiên việc tôi cảnh giác và thận trọng, tập trung tinh thần vào con tàu, để nhận biết hướng đi của nó, xem nó có thể gây ra mối nguy hiểm nào không là rất cần thiết. Nhưng tôi nghĩ mình không nên hành động quá sớm như vậy, có lẽ do ký ức về lần tai nạn trước vẫn còn ám ảnh tâm trí tôi. Nhưng đó cũng có thể chỉ là thần hồn nát thần tính mà thôi.

Khi vượt qua được lần nước của con tàu chở dầu, nỗi sợ hãi trong tôi cũng mất dần. Qua sự việc đó, tôi học được rằng trước khi nhường đường cho một vật thể nào đó có vẻ như là một mối nguy tiềm ẩn, thì tôi sẽ phải cho thuyền đi đủ gần để xác định xem vật thể đó là gì, hướng đi của nó như thế nào cũng như nó có thể gây ra mối nguy hại nào không. Lúc ấy, và cũng chỉ khi đó mà thôi, tôi mới phải quyết định xem mình nên bẻ lái, tiếp tục tiến lên hay dừng lại.

Càng trưởng thành, nỗi khát khao được khám phá thế giới trong tôi càng mãnh liệt. Tôi tò mò muốn biết tương lai của con người trong cái thế giới mà tôi đang sống sẽ như thế nào. Dì tôi thường bảo rằng: "Cái gì đến, sẽ phải đến". Đó là một câu quán ngữ mà dì rất tâm đắc, vì dì luôn tin rằng có một bàn tay vô hình đưa đẩy số phận của con người. Nhưng tôi khám phá ra rằng, khi lênh đênh trên biển, con người dường như bị cô lập hoàn toàn với thế giới xung quanh. Tôi không thể đoán trước được chuyện gì sẽ xảy ra khi mình rời khỏi đất liền. Và tôi cũng không thể biết trước được khi nào một con tàu sẽ xuất hiện và thổi một hồi còi báo hiệu, cũng như việc con thuyền của tôi sẽ va phải một khúc gỗ nào đó trôi nổi trên biển. Ngay cả những nhân tố thuộc về tự nhiên - gió, sóng biển hay thủy triều - cũng rất thất thường, chẳng màng gì đến cái gọi là dự báo thời tiết của con người.

Đường bờ biển ở phía xa với những vịnh nhỏ và những mũi đất thoắt ẩn thoắt hiện, trông như thùy của những chiếc lá phong. Đâu đó, một vài con hải âu khẽ lượn trên bầu trời mùa hạ và chao xuống như những bông tuyết mùa đông rơi trên mặt biển. Những chú chim bơi ra khỏi mũi thuyền của tôi, uốn cong lưng lại và bất thình lình lặn xuống, rồi lại thình lình xuất hiện ở một chỗ khác trên mặt nước, và cứ thế, liên tục ngụp lặn. Nếu như có một quy luật cho những vận động na ná thế này, tôi nghĩ mình không thể tìm ra được, và tôi cũng phải thú nhận rằng mình chẳng thể đoán biết trước những gì sẽ xảy ra tiếp theo.

Đó không phải là một cái nhìn báng bổ thần thánh, trái với những gì tôi được dạy ở trường vào mỗi chiều thứ sáu. Thú thực, lúc đầu tôi cũng hơi mâu thuẫn về điều này. Cô giáo môn tín ngưỡng của tôi, một giáo viên tốt bụng đã để lại trong tôi ấn tượng đặc biệt, nói rằng có một đấng tối cao đã kiến tạo ra vũ trụ, và có một vị thần thông thái cai quản cả bầu trời lẫn mặt đất. Thật dễ chịu khi tin rằng cô đúng, tôi muốn tin cô. Nhưng càng đi biển tôi lại càng nhận ra cô đã tự dối mình, vì cuộc sống thực tế hỗn độn và phức tạp hơn thế nhiều.

Trong giờ khoa học, tôi lại được dạy rằng thế giới vật chất luôn tuân theo những quy luật bất biến. Thầy giáo hóa học đã mô tả các electron quay quanh hạt nhân của một nguyên tử theo quỹ đạo giống như cách các hành tinh quay xung quanh mặt trời. Và với một người giáo điều cứng nhắc, suy nghĩ theo lối mòn thì thầy ấy tin một cách sâu sắc rằng, khoa học có thể giải thích được mọi câu hỏi hóc búa của con người về sự tồn tại. Nhưng sau một thời gian, tôi lại nhận thấy khoa học cũng có những thiếu sót. Nó có thể giải thích cho tôi hiểu chất lưu (hỗn hợp khí và chất lỏng) chịu ảnh hưởng của áp suất như thế nào hoặc không khí di chuyển dọc theo bề mặt cánh buồm hay mạn tàu ra sao. Nhưng khoa học không thể cho tôi biết mình nên đi đâu và nên làm gì trong những lúc cô độc và nguy cấp.

Và nếu như vũ trụ thuộc về một nơi không xác định, thì tôi cũng không phải lo sợ quá mức. Tôi không cần có một cái nhìn cơ học về hệ mặt trời để cảm thấy thoải mái trong một góc nhỏ bé của mình trên địa cầu. Tôi nhận thấy tâm hồn thật thoải mái khi bơi thuyền trong vịnh Đại Nam, lắng nghe những cơn gió đổi chiều hay ngắm nhìn mặt biển êm ả, tìm thấy niềm vui ở những thứ thuộc về thiên nhiên đang thay đổi, bởi tôi đã học được cách ứng phó với những tình huống đầy bất trắc. Dần dần, tôi hiểu ra rằng nếu như có một quy tắc nào đó cho cuộc sống của mình, thì đó chẳng qua chỉ là những cái mà tôi đã luyện tập, lĩnh hội được và áp dụng vào cuộc sống của mình.

Khi tôi trưởng thành và dày dạn kinh nghiệm hơn, tôi nhận ra rằng khả năng để phân biệt giữa thực tế hoặc những mối nguy hiểm sắp xảy đến là điều cơ bản để có được những quyết định sáng suốt. Những người không hiểu điều này thường gặp bất lợi. Họ sống trong thế giới mà theo họ là đầy những tai ương tiềm ẩn. Họ dường như chỉ nghĩ về những cái không may và tìm cách né tránh trước khi điều đó xảy ra. Họ nghĩ rằng mình không thể kiểm soát được thực tế, mặc dầu họ có thể làm được. Họ chỉ kiểm soát được những điều không có thực. Bởi vì họ đã để nỗi sợ hãi, nỗi sợ trong tưởng tượng về những hình ảnh không đáng tin điều khiển cuộc sống của mình. Nỗi sợ ngày một lớn dần, ngăn cản không cho họ phá tan cái bức màn bí mật ngăn cách giữa sự nhút nhát và niềm tin.

Tôi biết có một luật sư tài năng luôn lên kế hoạch cho những chuyến du lịch của gia đình như thể ông ta chuẩn bị cho các tình huống có thể xảy ra ở tòa án. Vợ và con ông thật sự cảm thấy bất an khi ông luôn yêu cầu họ phải chuẩn bị tâm lý trước bất cứ tình huống hoặc bất kỳ thảm họa nào đó có thể xảy đến trong mỗi

chuyến đi. Cuộc sống đối với ông ta là một phiên tòa thực sự, và ông ta luôn trong trạng thái đối đầu với nó, cố gắng kiểm soát số phận như thể giành chiến thắng trong một trò chơi. Do luôn mang tâm trạng như vậy nên ông ta sống dường như để đối phó chứ không phải là để tận hưởng cuộc sống.

Tôi cũng biết một phụ nữ ở nhà làm nội trợ, và người phụ nữ này trước khi làm việc gì cũng lên một kế hoạch thật cụ thể. Đến nỗi chồng cô ta khẳng định chắc như đinh đóng cột rằng anh ta có thể nói chính xác đến từng giây những việc cô đã làm tại bất kỳ thời điểm nào trong ngày. Khi cô ném đồ vào máy giặt ư? Đó hẳn phải là 10 giờ sáng thứ ba. Cô đang đi siêu thị ư? 2 giờ chiều ngày thứ năm, không kém. Cô dọn bàn ăn mỗi tối vào lúc 6 giờ, chính xác đến từng khắc. Có như vậy cô mới có đủ thời gian dọn dẹp để kịp xem chương trình tivi lúc 7 giờ. Đều đặn vào mỗi tối, cô rời khỏi phòng khách để đi ngủ lúc 10 giờ.

Trên thực tế, những người như vậy không ít như chúng ta tưởng. Nhưng nếu cuộc sống của họ cứ luôn tiếp diễn như thế thì thật chẳng thú vị chút nào. Một cách vô tình, họ đã ru ngủ những tế bào mạo hiểm trong mao mạch của mình, làm những người thân của họ hoang mang rằng không biết khi nào mới có thể thức tỉnh được họ. Và một điều dễ thấy rằng những người này hiếm khi vượt ra khỏi những nguyên tắc, bởi một lý do đơn giản, họ sẽ không thể chịu được nếu để thế giới vuột khỏi tầm kiểm soát của mình. Nhưng thực nực cười khi con người cứ cho rằng mình có thể kiểm soát được thế giới, đó là điều không tưởng. Vì thế họ chọn cách thoái lui hơn là đối mặt với sự thật. Và điều đáng buồn là mỗi ngày qua đi, họ lại càng co cụm vào cái ốc đảo của riêng mình.

Nhiều năm về trước, khi tôi còn làm ở nhiệm sở như một người làm công ăn lương bình thường, tôi thường ăn trưa với một đồng nghiệp, người luôn luôn nghi ngờ rằng đằng sau mỗi vụ việc luôn chứa đựng một âm mưu nào đó. Mỗi một sự kiện xảy ra, anh ta đều khẳng định có người điều khiển sau đó. Từ việc Tổng thống Kennedy bị ám sát cho đến sự biến mất đầy bí hiểm của chiếc chìa khóa trong xe anh ta. Anh ta cho rằng Cục tình báo Trung ương Mỹ CIA đứng đằng sau vụ ám sát, còn thủ phạm làm chiếc chìa khóa biến mất là những tên trộm. Anh ta không chấp nhận sự thật là có đôi lúc, mọi việc diễn ra theo một cách khác. Có thể một tên giết người vô danh tiểu tốt nào đó núp trong kho chứa sách với một khẩu súng trường là thủ phạm ám sát Kennedy cũng nên. Hay trong một phút xao nhãng nào đó, có thể chính anh ta đã đánh rơi chìa khóa trong lớp tuyết dày đặc. Anh ta cần lời giải

thích cho cả những điều không thể lý giải, và tin tưởng rằng luôn có một cái đầu toan tính phía sau mỗi việc xảy ra. Và như vậy, anh ta thích áp đặt lên suy nghĩ của người khác rằng đó là một âm mưu hơn là một sự thật ngẫu nhiên. Dần dà, bệnh hoang tưởng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của anh ta. Đầu tiên, anh ta mất việc làm, và sau đó là gia đình tan vỡ. Và tất nhiên, những bất hạnh đó cũng không tránh khỏi bị anh ta quy kết là do một bàn tay đen tối nào đó điều khiển.

Chúng ta sống trong một thế giới hỗn độn, đến mức chúng ta tin rằng những cái máy với các mạch điện có thể giúp chúng ta đương đầu với những thay đổi. Chúng ta xây dựng các thuật toán và nhồi nhét chúng vào những cỗ máy. Đôi khi chúng ta tin một cách ngớ ngẩn rằng máy móc có thể cho ta biết mình muốn gì. Chúng ta hỏi máy móc những câu đại loại như: "Điều gì sẽ xảy ra nếu giá vàng leo thang đến đỉnh điểm?", "Điều gì sẽ xảy ra nếu mặt trời đột nhiên biến mất trong vũ trụ?"... mà không nhận thấy rằng mình đã lãng phí thời gian vô ích cho những việc chúng ta không chắc nó sẽ xảy đến trong tương lai. Cái quan trọng hơn cả mà chúng ta bỏ quên, đó chính là hiện tại - khoảnh khắc chúng ta đang sống.

Nhưng chiếc "Nữ hoàng" màu xanh đã giúp tôi thoát khỏi những lo lắng, bất ổn về tương lai, nó luôn nhắc tôi nhớ rằng mình đang sống trong hiện tại. Thành thật mà nói, tôi cũng chẳng hứng thú mấy khi hiểu biết quá nhiều về số phận của mình. Chẳng ai có thể tránh được quy luật của sinh - lão - bệnh - tử, và đến một lúc nào đó tôi cũng sẽ chết mà thôi. Vì vậy vấn đề duy nhất đó là tôi sẽ làm gì với quãng thời gian sống của mình. Tôi sẽ đứng trên bờ biển, thừ người ta với nỗi sợ hãi, hay là kéo buồm lên và ngụp lặn trong cơn gió?

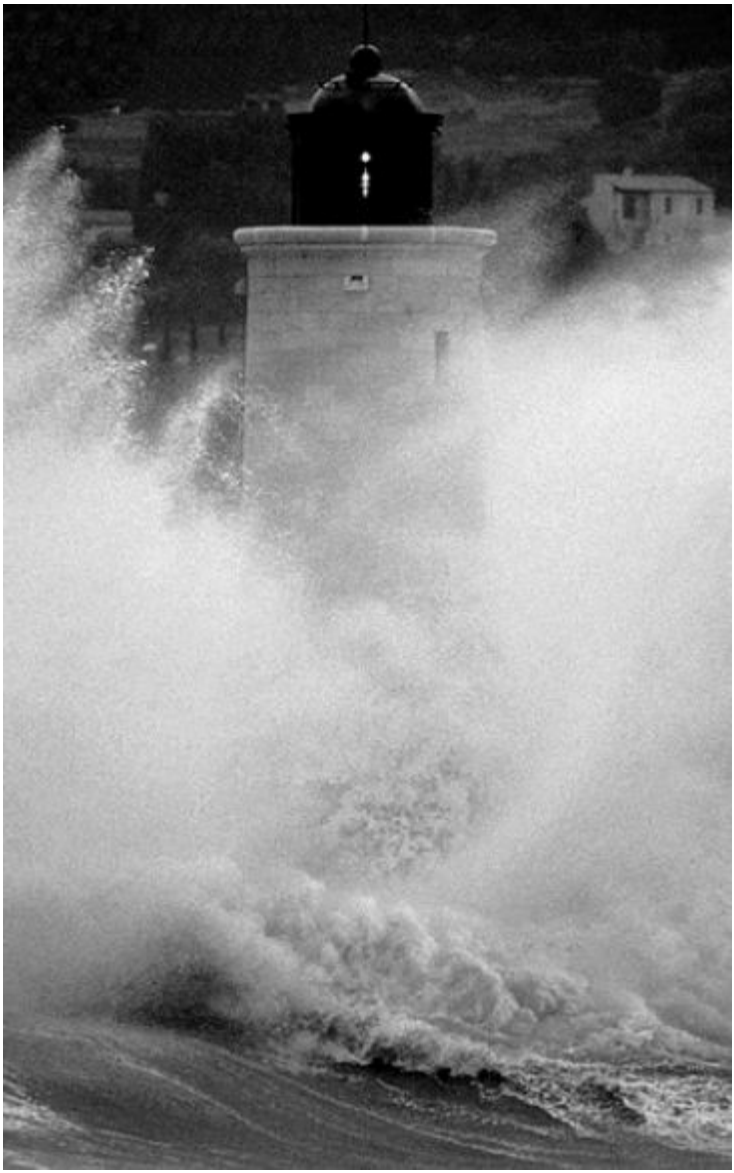

10
VƯỢT QUA SƯƠNG MÙ

Một buổi sớm, tôi dong buồm ra khơi. Không gian trong trẻo và yên lành đến mức tôi có thể cảm nhận được bất kỳ sự chuyển động nào, dù nhỏ nhất, của vạn vật xung quanh. Đó là một ngày hè trông có vẻ bình yên, chẳng có dấu hiệu nào cho thấy một cơn bão đang tới. Tôi nhảy xuống biển, bơi một vài vòng quanh thuyền, tận hưởng cảm giác mằn mặn trên mặt và cả nơi đầu lưỡi.

Chưa kịp hết ngày, khi đang thong dong trên biển, tôi nhìn thấy ánh chớp ở xa xa. Bầu trời đột nhiên tối sầm lại, mây đen bỗng đâu cuồn cuộn kéo đến, vần vũ, như cơn sóng thủy triều ầm ầm xô về bờ biển. Tôi hướng về phía vịnh, đỗ thuyền ở Ocean Beach, xuyên qua con nước hẹp để đến nới có cọc neo thuyền bên mạn khuất gió của cầu tàu. Cánh buồm bay phần phật trong gió, giật mạnh đến mức tôi nghĩ rằng nó có thể bị xé vụn thành từng mảnh. Tôi hạ buồm xuống thật nhanh và nhét chúng vào trong khoang, vừa kịp trước khi cơn mưa ập xuống.

Đêm hôm ấy, tôi nằm trong khoang đầu thuyền, một nơi khá an toàn, và cuộn mình trong cánh buồm ẩm ướt. Nhưng tôi không ngủ, chỉ thỉnh thoảng chợp mắt. Phần lớn thời gian tôi nằm im lắng nghe cơn gió đang gào thét, và âm thanh của tiếng dây lèo đập vào cột buồm. Trong lúc mơ màng, những ký ức ngày xưa bỗng đâu hiện về choáng ngợp tâm hồn tôi. Tôi nhớ về quãng thời

gian đã trôi qua, những khoảnh khắc mà mãi mãi tôi biết mình không thể níu trở lại. Ở đó, tôi thấy cha đang miệt mài bên giá vẽ, cạnh khung cửa sổ rộng nhìn ra công viên Hudson trong căn hộ của nhà tôi ở Manhattan. Cha lưu lại những khoảnh khắc nhộn nhịp nơi mũi đất Moorish, những khu chợ Ả Rập, rặng cây bu-lô và rìa đá khấp khểnh của bờ biển Maine qua nét vẽ của mình. Cha vẽ người phụ nữ Anh-điêng đang bế con, cả hai mẹ con đều quấn quanh mình tấm vải dài màu đỏ. Cha vẽ chiếc thuyền buồm Ả Rập với một cái buồm tam giác màu mận chín đang lênh đênh, nước biển thì trong đến mức có thể nhìn xuyên qua châu Phi. Còn tôi thì chốc chốc lại lượn lờ ngang xưởng vẽ, nằm ườn xuống cái ghế dài và chăm chú quan sát những hình ảnh hiện lên từ bản vẽ của cha.

Tôi thật sự không biết mình có được thừa hưởng thiên hướng này từ cha không, nhưng tôi thích thú với niềm tin rằng cha đã truyền lại sự lãng mạn ấy cho tôi, và tôi chìm đắm trong những nỗ lực đến tuyệt vọng để lưu giữ những sợi dây liên hệ dù thật mỏng manh đang kết nối giữa cha và mình. Khi cha mất, dượng đem tôi về nuôi và ông cũng rất tốt với tôi. Dượng cho tôi ăn học, dượng là chỗ dựa cho tôi, dượng tặng tôi con thuyền màu xanh thật lộng lẫy, dượng cho phép tôi tự do lái thuyền. Nhưng dượng không có được lòng đam mê nghệ thuật đến mức cháy bỏng như cha tôi, trong khi đó là điều thường ám ảnh tôi trong những khoảnh khắc quyết định của cuộc đời.

Tôi thức dậy lúc bình minh, lúc này gió đã lặng, mưa cũng ngừng. Nhưng màn sương mù dày đặc lại bao trùm lên khắp mặt vịnh. Màn sương dày đến nỗi nó len lỏi vào mọi ngóc ngách, mọi kẽ hở dọc bến cảng. Tôi cảm thấy lạnh và đói cồn cào, vả lại chỉ có một mình trên biển, nên tôi quyết định liều, dong buồm đi gần 20 cây số để về nhà. Tôi quyết định với một quyết tâm cao độ và tận dụng hết các giác quan có thể để cảm nhận hướng đi xuyên qua cái vịnh này.

Tôi bỏ Ocean Beach lại sau lưng và đi tới. Khi đã đi được nửa đường, đến giữa biển, màn sương trông vẫn dày như cũ, chẳng có vẻ gì là đã tan bớt, bất chợt tôi mơ hồ nhận thấy một nỗi sợ đang lớn dần trong lòng. Sương mù phủ dày đến mức tôi không nhìn thấy gì, ngay cả cái cột buồm trước mặt. Có thể tôi đã lái thành một vòng tròn, xoay lưng lại với Vịnh Biển và hướng về Hỏa Đảo. Cũng có thể tôi đã trôi qua ngọn hải đăng, và đang trên đường xuôi ra Đại Tây Dương. Hoặc có thể tôi đang hướng về phía Sayville, một xóm nhỏ trong đất liền, cách nơi tôi ở có đến hàng ngàn dặm.

Tôi tiếp tục lái thuyền với tâm trạng hoang mang, không biết liệu mình có bị mắc cạn hoặc bị các con thuyền khác thả neo trước mũi thuyền không. Thực sự lúc này, tôi cũng không biết mình đang đi đến đâu. Nhưng trước cái thế giới mờ ảo đang bao trùm lên tôi lúc này, tôi chỉ tin vào bản thân, tin vào trực giác để có đủ dũng khí tiếp tục tiến tới, thậm chí ngay cả khi tôi không còn định hướng được nữa. Trong màn sương mù dày đặc tưởng chừng không gì có thể xuyên thủng, tôi có cảm giác dường như mình nghe thấy giọng nói của thuyền trưởng. Từng lời ông nói với tôi, rõ ràng như một hồi còi báo. Ông nhắc lại những điều mà ông đã dạy tôi trong bài học lái thuyền đầu tiên, khi tôi đẩy cần lái sai hướng và gần như làm con thuyền đổi hướng nhầm một cách thật nguy hiểm.

Thuyền trưởng nói: "Cậu hãy buông cần lái ra. Chỉ cần buông cần lái ra thôi. Đừng cố gắng điều khiển bánh lái khi cậu đang bối rối".

Tôi nghe theo lời khuyên của ông, để con thuyền tự mình xoay xở hệt như nó có bổn phận phải làm như vậy. Nó hích nhẹ vào cơn gió và đứng yên. Tôi đi lên phía mũi thuyền, ném neo qua khoang, rồi ngồi phía trước mạn thuyền, chờ cho sương tan dần, hay ít nhất cũng thấy được chút ánh sáng le lói, để biết được mình đang ở đâu và có thể định hướng.

Tuy bị nhấn chìm trong màn sương mù, không thấy đường bờ biển, không có lấy một ngôi sao dẫn đường, không một ánh dương le lói, hay một vầng trăng lơ lửng trên cao, nhưng tôi có đủ kinh nghiệm để hiểu rằng, nếu như cố gắng tìm hiểu các điều kiện xung quanh một cách cẩn thận, biết đâu tôi sẽ phát hiện ra một đầu mối nào đó có thể giúp mình định hướng một cách hiệu quả. Giờ đây, những việc tôi nên làm là ngồi im trên khoang thuyền, không nghĩ vẩn vơ hay suy đoán về bản chất của sương mùra sao. Như thế, tôi mới có thể xác định được một điểm cố định nào đó trong màn sương dày đặc này, giúp tôi định lại phương hướng trong hành trình của mình.

Điểm cố định mà tôi đang tìm chắc chắn ở đâu đó quanh tôi. Mặc dù tôi đã cố gắng hết sức, tập trung hết mình, nhưng vẫn không tài nào tìm ra được. Điểm cố định ấy vẫn ngoan cố ẩn mình đâu đó chứ nhất định không chịu lộ diện. Và ngay lúc ấy, tôi bỗng nhiên nhớ ra rằng con thuyền đang bị thả neo, như một chú mòng biển đang đậu, hay như một chiếc chong chóng trong cơn gió. Và khi biết được điều đó, tôi cũng phát hiện ra mình đang tìm kiếm điều gì và tại sao tôi mãi không tìm ra. Tôi săm soi trong sương mù, tìm kiếm trong những điểm tối tăm nhất, cứ như thể nó đã khuất khỏi

tầm nhìn, mặc dù trong thực tế nó thật rõ ràng, vì thế mà tôi đã bỏ qua, không để ý đến.

Đó chính là cơn gió. Sở dĩ tôi biết điều này vì nghe thấy hơi ẩm do cơn gió mang lại. Như bao buổi sớm khác, gió vẫn đang thổi đến từ hướng Đông. Tôi kéo mạnh cái neo và cánh buồm nhỏ của mình ra cho nó ăn gió. Tôi bẻ lái về hướng gió, lái thuyền trên sóng nước mênh mông và theo hướng Bắc để về nhà.

Một giờ sau, mặt trời xuất hiện phía đằng Đông, từ từ vén bức màn dày đặc của lớp sương mù và phóng những tia nắng ấm áp xuống đại dương. Một con mòng biển bay ngang trên đầu tôi. Phía dưới hai cánh của nó, đường nét mờ nhạt của bờ biển dần hiện ra, và cả bức tường quét vôi trắng bên bờ biển. Một túp lều nhỏ nhờ nhờ ở đầu mũi đất, chỉ còn cách tôi chừng vài trăm mét.

Qua nhiều năm, giờ tôi mới nhận ra rằng mình đã bị chìm trong màn sương mù bao phủ trước cả khi học lái thuyền. Sau khi cha mẹ qua đời, tôi đã thề rằng mình sẽ không bao giờ yêu thương ai một lần nào nữa. Bởi tôi sợ mất mát, điều mà tôi biết mình khó có thể vượt qua. Tôi đã chôn chặt nỗi buồn của mình, sâu đến nỗi chính bản thân tôi cũng không nhận ra. Cũng như cái chết vậy - hiển nhiên không một ai có thể tránh khỏi - nhưng chúng ta thà chối bỏ sự tồn tại của cái chết còn hơn là phải đối mặt với những bất hạnh và đương đầu với những nỗi đau.

Tôi có niềm tin sâu sắc rằng mỗi chúng ta ai sinh ra cũng có khả năng tự hàn gắn vết thương, không phải bằng một phép màu kỳ lạ nào đó, mà bằng tiếng nói từ bên trong trò chuyện với chúng ta. Tiếng nói ấy cho chúng ta biết mình nên đi đâu, và nên làm gì. Nó như một phép màu. Nhưng chúng ta cũng đừng để ý đến nó quá nhiều, những tiếng nói cũng có thể làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên u ám như bị chìm trong màn sương.

Trong nỗi cô đơn của mình, tôi dồn hết tình yêu cho con thuyền màu xanh ấy. Bởi nó là món quà mà cuộc sống đã dành tặng cho tôi, giúp tôi vượt qua nỗi ám ảnh trong quá khứ. Bằng việc đi thuyền, tôi đã nhận ra rằng dì dượng thật hào phóng. Và tôi cũng nhận ra rằng khi đi làm thuê với chú Ed Doubrava, tôi đã thu được nhiều điều bổ ích. Tôi học hỏi được nhiều ở sự hiểu biết vô hạn của thuyền trưởng về biển cả. Rồi tôi làm bạn với những người thợ ở xưởng đóng tàu, những người đi bắt sò hay đội trưởng của những con thuyền. Tôi đã gặp gỡ nhiều cậu nhóc và kết bạn với chúng, rồi lại được gặp người phụ nữ, người mà sau này trở thành mẹ của các con tôi.

Tuy nhiên, không phải là không có những khoảnh khắc tôi đã không thể tránh khỏi cảm giác thầm ghen tỵ với những cô, cậu bé mà tôi biết, bởi họ được sống trong tình yêu thương của bố mẹ, trong ngôi nhà của chính mình, và chẳng bao giờ phải thắc mắc xem nguồn gốc của mình từ đâu hay mình thuộc về nơi nào. Họ luôn có bạn bè và những người thân yêu bên cạnh, họ háo hức đến dự các buổi tiệc hay khiêu vũ cùng nhóm bạn của mình, tụ tập cùng nhóm bạn trong căng-tin hay ngoài hành lang lớp học. Họ chưa từng nếm trải cuộc sống cô độc, hay cảm giác nặng nề khi sự cô độc dâng lên, bao trùm lấy cuộc sống.

Trong tôi vẫn còn lưu giữ một kỷ niệm với một thủ lĩnh nhóm. Anh là một đội trưởng tự tin trong đội bóng đá, là một vận động viên điền kinh dày dạn kinh nghiệm, sẵn sàng đốn ngã bất kỳ rào cản nào trên đường chạy. Anh có chiếc xe ô tô cọc cạch và thỉnh thoảng, sau những buổi tập, vẫn hạ cố cho tôi đi nhờ xe về nhà. Mỗi lần như thế, thể nào anh cũng hỏi tôi rằng liệu bố mẹ tôi có đến xem trận đấu vào hôm thứ bảy của nhóm hay không.

Anh ta không hề biết rằng câu hỏi đó như một vết dao xoáy vào tim tôi. Tôi có thể không trả lời, đòi xuống xe và bỏ đi ngay lúc đó. Nhưng tôi buộc phải nói những gì cần nói, đó là cá tính của tôi. Mỗi lần anh ta đề cập đến chủ đề này là tôi nói rằng mình đang sống với dì và dượng, vì bố mẹ tôi đã qua đời. Những lúc ấy, anh ta chẳng nói gì cả, cứ như thể anh ta không nghe thấy gì. Lúc đầu, tôi cứ tưởng là anh thật sự bối rối trước câu trả lời của tôi nên không đáp lại. Thế nhưng sau đó, tôi nhận ra rằng câu trả lời ấy chẳng có ý nghĩa gì với anh, vì anh không thể hiểu được hoàn cảnh gia đình tôi khác gia đình anh như thế nào.

Càng sống, ta càng có cơ hội nhận ra được những mặt trái của cuộc đời. Tôi thấy những người làm lãnh đạo thường có xu hướng chà đạp lên người khác để tồn tại, họ không màng đến tâm tư tình cảm của người khác. Và người lãnh đạo nào có xu hướng này thường thăng tiến nhanh về địa vị hay quyền lực. Họ không nhận ra rằng mình đang bị chìm trong màn sương mù. Khi đối mặt với khủng hoảng, ví dụ như vụ xì-căng-đan Watergate, vụ tràn dầu trên biển Alaska hay vụ rò ga ở Bhopal, họ thường cho gọi cố vấn của mình, những người sẽ giúp họ nghĩ ra cách giải quyết, hay những người viết diễn văn chuyên nghiệp, sẽ chỉ cho họ biết nên nói những gì. Có thể nói những vị lãnh đạo này đã đánh mất khả năng thấu hiểu hoàn cảnh khó khăn của người khác, hay biết lắng nghe cảm nhận của những người xung quanh.

Và với những người lạnh lùng, tôi có xu hướng không tin vào họ.

Lý do đơn giản là họ không hòa đồng với mọi người, nếu không muốn nói thẳng ra là họ thật nguy hiểm. Tầm nhìn của họ luôn bị giới hạn bởi những thứ mà họ nghĩ là mình biết. Họ giống như một Monsieur G. không minh mẫn - cảnh sát trưởng của Paris trong cuốn truyện "Bức thư bị đánh cắp" của Edgar Allan Poe. Ông ta có nhiệm vụ phải tìm kiếm những tài liệu đã bị mất cắp, nhưng ông ta lại không thể nhìn thấy chúng mặc dầu chúng sờ sờ ra trước mắt. Vì sao ông ta lại không thể nhìn thấy những xấp tài liệu đó? Đi theo những lối mòn trong suy nghĩ, ông ta cho rằng tên trộm sẽ làm theo cách mà bất kỳ ai cũng sẽ làm: giấu kín chúng ở một nơi nào đó. Vì thế ông cảnh sát trưởng đã mất hàng tuần liền để khám xét các tấm nệm, đệm hay thảm, thậm chí ông ta săm soi từng kẽ hở của sàn nhà bằng kính lúp. Mọi cố gắng thật vô ích, vì cái phong bì mà ông ta đang tìm kiếm đã được thủ phạm khéo léo ngụy trang ngay bên trên bệ lò sưởi.

Rút cuộc, ngài Monsieur G. đã phải đem vụ này đến nhờ C. Auguste Dupin, một người khá sắc sảo, (người đầu tiên trong danh sách dài những vị thám tử huyền thoại trong lịch sử văn học của chúng ta). Ông cảnh sát trưởng đã làm ngắt quãng "những phút giây trầm mặc bên chiếc tẩu thuốc lá làm bằng đất sét trắng" của ngài thám tử. Dupin đã có kết luận chính xác, thậm chí ngay cả trước khi anh ta đến hang ổ của thủ phạm: rằng bức thư không bị giấu đi đâu cả, ít nhất là theo cách giấu thông thường.

Dupin đã tìm thấy lá thư ngay lập tức, không dựa vào khả năng quan sát mà dựa vào sự nhạy cảm của một thám tử. Anh ta nhìn xuyên thấu lá thư, thấu vào tận tâm can của tên trộm. Và như vậy, Dupin có thể tìm thấy cái điều mà quận trưởng không thể tìm ra, và sẽ không bao giờ có thể tìm được cho dù ông có nỗ lực nhiều hơn thế nữa. Điều đó không có gì đáng ngạc nhiên với những thám tử mà chúng ta khâm phục như Sherlock Holmes, Hercule Poirot, Miss Marple, Nero Wolfe, Charlie Chan, Lieutinant Columbo, tất cả họ đều sở hữu một khả năng kỳ lạ, có thể nhìn thấy những thứ hiển nhiên. Chúng ta khâm phục họ, vì sức mạnh của khả năng suy luận thiên bẩm - những sự suy luận không chỉ đơn thuần là suy diễn, mà còn là một thứ khác nữa. Đó là khả năng tìm kiếm bằng chứng trong thế giới thực tại với một tư tưởng thông thoáng.

Tôi cố gắng hiểu xem sương mù đến từ đâu và đã tìm kiếm nó ở mọi nơi. Nó bắt nguồn từ bên trong thung lũng, lan lên đỉnh đồi và thổi qua biển, và trở thành một đám mây khổng lồ bao trùm lấy mặt đất. Khác với thủy triều, sương mù không hoạt động theo thời gian biểu, nó bất ngờ tràn xuống và luân chuyển tuân theo

quy luật của tự nhiên. Sương mù dường như mang trong mình sứ mệnh khá cao cả là làm cho mỗi vật nó chạm vào có một vẻ quyến rũ, phủ lên thiên nhiên một sắc màu man mác rất dịu dàng.

Tôi cưới vợ khi còn trẻ, và với lòng nhiệt thành của tuổi trẻ, tôi nghĩ rằng tình yêu của chúng tôi sẽ là vĩnh cửu. Nhưng tôi đã nhầm. Ba mươi năm sau, chúng tôi ly hôn, và tôi là người quyết định sự chia tay ấy. Vì những gì tôi muốn, một lần nữa lại cho tôi cảm giác như có sương mù che phủ. Sau lần ly hôn đó, tôi có cảm giác đây là một hình thức khác của cái chết, thậm chí nó còn tồi tệ hơn cả cái chết. Khi cái chết xảy đến, chúng ta hiểu rằng những người chúng ta yêu thương đã vĩnh viễn rời xa mình, tuân theo quy luật của tự nhiên. Trong sự chia ly ấy, họ vẫn còn ở bên cạnh chúng ta, vẫn gợi nhớ trong ta chuỗi ký ức ngọt ngào đã qua. Còn cuộc chia ly của hai chúng tôi, nó như làm đảo lộn tất cả mọi thứ, và vết thương nhức buốt của nó đã đẩy tôi vào một thế giới u ám.

Trong những ngày ảm đạm đó, tôi thấy mình như bị chìm nghỉm trong màn sương mù. Màn sương mềm mại phủ lên khắp người tôi và bao bọc kỹ đến nỗi tôi có cảm giác rằng nó mãi mãi không thể tan ra. Tôi đã không thể kiểm soát được mình, mải mê lao vào những mối quan hệ chớp nhoáng mà tôi biết rốt cuộc nó cũng chẳng đi đến đâu. Thậm chí tôi không còn đủ tỉnh táo để có một quyết định đúng đắn cho những nhu cầu thiết yếu hàng ngày của mình. Tôi chìm đắm trong sự u ám của chính mình. Đã có lúc tôi dành hẳn cả một ngày lái xe đi đi về về giữa hai cửa hàng ô tô cách nhau mười lăm cây số chỉ để quyết định xem mình muốn một chiếc xe có ngăn riêng để xếp hành lý hay một chiếc xe đuôi cong. Cuối cùng vì quá kiệt sức, tôi đành tấp xe vào lề đường, gục xuống vô-lăng.

Và khi nhớ lại cái buổi sáng cho thuyền đi lang thang trên biển, tôi ngồi trên khoang chiếc thuyền màu xanh, ngắm cái cột buồm, và tôi biết mình cần phải làm gì. Tôi thấy mình đang ở trong một túp lều bên bờ biển, sống ở đó trong ba năm, chờ đợi cơn gió cho tôi biết mình phải làm gì, phải đi đến đâu. Tôi luôn tự hỏi khi nào cơn gió ấy sẽ đến? Tôi khắc khoải chờ đợi cơn gió mang đến cho tôi một tình bạn mới, một tình yêu mới, một bờ biển mới và cả một công việc tôi thật sự muốn làm.

Tôi chia sẻ với mất mát của những người khiếm thị, và càng lấy làm tiếc hơn cho những người có thể nhìn thấy, nhưng lại bị mất phương hướng, bởi vì họ không lắng nghe được tiếng nói bên trong của mình. Như thế, họ lái thuyền không mục đích, bẻ lái mà không xác định được phương hướng, nhanh chóng đẩy thuyền

vào cửa tử. Khi tôi thấy bản thân mình chìm đắm trong nỗi thất vọng, thỉnh thoảng tôi vẫn có cảm giác như vậy, tôi lại nhớ đến lời của thuyền trưởng từ ngày xa xưa vọng lại. Thế là, tôi thả cần lái ra. Con thuyền hích nhẹ vào cơn gió và đứng yên.

11

TẤM LÒNG VỊ THA CỦA CON THUYỀN

Hòn đảo Bờ Tây nhỏ bé trông như một viên ngọc sáng lấp lánh trên vịnh Đại Nam, cách bờ biển một cây số rưỡi về hướng Bắc. Khi còn là một đứa trẻ, điều gây ấn tượng nhất của hòn đảo với tôi là ngôi nhà xập xệ trên đó. Cột nhà đã bị một cơn bão đánh gãy. Ngôi nhà ấy đứng cheo leo bên bờ của bãi sậy, với một phần của cổng vòm phía trước đã bị lún xuống. Tấm ván lợp ngôi nhà nay đã oằn cong bởi gió táp mưa vùi. Tôi luôn đứng nhìn ngôi nhà từ phía xa với một vẻ khá tò mò. Một hôm, tôi đánh bạo lái thuyền đến đó, càng gần càng tốt để có thể quan sát ngôi nhà kỹ càng hơn.

Tôi lướt qua vùng nước nông, tự tin với khả năng có thể "đọc" được những con nước như lòng bàn tay của mình, nhưng không may cho tôi, thủy triều rút quá nhanh và sự tính toán của tôi hoàn toàn vô hiệu. Trước tình cảnh đó, sống thuyền bị tắc lại trên trảng cát và con thuyền dừng hẳn lại, nghiêng về phía mạn khuất gió, mặc dù cơn gió vẫn đang căng đầy trong cánh buồm. Trong tích tắc, chiếc "Nữ hoàng" đã bị mắc cạn. Tôi vội nhảy ra khỏi khoang thuyền, lúc này nước chỉ vừa đến ngang hông tôi. Tôi dùng vai ấn vào mũi thuyền, đẩy nó vào vũng nước sâu. Sau khi con thuyền lấy lại được tốc độ, tôi trèo vào khoang và đưa nó ra

khỏi chỗ bị mắc cạn.

Không một tiếng động nào có thể ví với tiếng soàm soạp của nước dưới thân thuyền. Tiếng động này chỉ có thể nghe thấy ngay trước khi con thuyền đi vào vùng đất cứng. Tôi cảm thấy mình quả là may mắn vì nếu không nhanh trí nhảy ra và đẩy thuyền đi tới thì tôi sẽ bị mắc cạn trong vòng sáu tiếng tới. Tôi sẽ phải đợi cho đến tận khi thủy triều lên để thuyền lại có thể nổi được. Tôi tự nhủ rằng chắc hẳn thể nào cũng có một cách tốt hơn, một hệ thống cảnh báo chẳng hạn, để ngăn ngừa những tình huống tương tự có thể xảy ra. Nhưng tôi cũng không biết dụng cụ đó là cái gì nữa. Tôi đã từng nghe về loại dụng cụ đo độ sâu bằng điện, nhưng tôi vẫn ngờ ngợ không biết nó có thật không nữa. Mà dù có thật hay không thì một cái thuyền đơn giản như thuyền của tôi có mơ cũng chẳng có được nó.

Một ngày mưa phùn, khi đi thơ thẩn quanh xưởng đóng tàu, tôi gặp chú Simmy Baker. Tôi hối hả dồn bước về phía chú để kể cho chú nghe chuyện con thuyền của mình bị mắc cạn trên dải cát ở đảo Bờ Tây. Chú Simmy đã từng buôn rượu lậu trong những ngày cấm bán rượu hồi ấy, (hoặc nếu không thì đó cũng là những thùng nước ngọt quanh Vịnh Biển). Điều này khiến chú trở thành người hùng trong mắt tôi thuở ấy. Tôi hình dung rằng một người buôn rượu lậu thì sẽ biết cách đi qua vùng nước nông và phẳng giỏi hơn bất kỳ người nào khác. Và tôi hy vọng chú có thể truyền lại cho mình chút ít kỹ năng đi biển, trong hoàn cảnh luôn phải "qua mặt" các thuyền tuần tra. Trong lúc tôi kể lại sự việc, chú đăm đăm quan sát bầu trời, như thể muốn tìm một tín hiệu nào đó dự báo ngày mai là một ngày đẹp trời. Khi câu chuyện đi đến hồi kết thúc, đôi mắt chú nhìn thẳng vào tôi:

"Con thuyền của cháu ấy mà", chú bảo, "nó có một tấm ván giữ cho thuyền không bị trôi dạt và một cái sống thuyền nữa chứ hả?".

"Vâng, có ạ", tôi trả lời mà không hiểu chú đang muốn đề cập đến vấn đề gì. "Nữ hoàng" màu xanh của tôi là một thực thể hỗn hợp, được thiết kế đặc biệt cho những vùng nước nông như ở trên vịnh Đại Nam này. Phần lớn các con thuyền chạy trên biển đều có một tấm ván chống trôi dạt có thể điều chỉnh được đặt dọc theo sống thuyền. Tấm ván đó có thể nâng lên hay hạ xuống được từ phía buồng lái. Hoặc, con thuyền sẽ có một sống thuyền cố định ở phía dưới thân. Nhưng con thuyền của tôi là sự tổng hợp của cả hai thứ ấy: nó có một cái sống thuyền dài 0,75 mét, và một tấm ván chống trôi dạt được kéo qua cái rãnh của sống thuyền, làm cho thuyền vững vàng khi nước đủ sâu - tuy nhiên hiếm có trường hợp này

xảy ra.

“Nhưng chú cá rằng cháu chưa bao giờ dùng tới nó, đúng không?”, chú Simmy nói với tôi.

Chú đã hoàn toàn đúng. Tôi nói: “Cháu không cần đến nó chúạ. Nó phiền toái hết sức”.

“Có thể là như vậy”, chú nói, “Rất có thể. Nhưng nếu nó là con thuyền của chú thì chú sẽ thả cái tấm ván chống trôi dạt ấy ra khi chú đi thuyền”.

Lần tiếp theo khi đưa thuyền ra khỏi con kênh dài và hẹp, tôi đã làm theo lời khuyên của chú. Và tôi để ý thấy rằng con thuyền bị nghiêng ít đi và lao về phía trước một cách một cách mạnh mẽ hơn so với lúc tấm ván chưa được bật ra. Trước đây, tôi cần ít nhất mười lần đổi đường chạy để có thể ra đến miệng kênh, thì giờ đây, chỉ với tám lần đổi đường chạy tôi đã có thể ra đến vùng nước mở. Một sự khác biệt khá rõ rệt. Thông thường, khi đi ngược cơn gió thổi từ hướng Tây Nam, việc tốt nhất tôi có thể làm là giong thuyền thẳng đến tháp chứa nước lấp lánh ánh bạc phía Saltaire, nhưng bây giờ tôi đã có thể thẳng hướng về phía ánh sáng của Hỏa Đảo, mà kim la bàn chỉ bị xê dịch chút ít.

Khi đến gần Đảo Bờ Tây, tôi trông thấy ngôi nhà bỏ hoang bên bờ biển, nằm chênh vênh bên bờ đầm lầy, giữa những cây hương bồ. Ngay lập tức tôi bị nơi này làm cho mê mẩn, với cái cổng vòm không cân xứng, một nửa đã bị ngập trong nước. Nó lôi cuốn tôi bằng một sức mạnh bí ẩn mà chỉ những ai đang thời tuổi trẻ mới có thể hiểu được. Tôi không còn sự chọn lựa nào khác là phải vượt qua vũng nước nông thêm lần nữa. Khi đó thủy triều đang dâng cao, và tôi có thể lái thuyền tiến thêm được vài chục mét nữa trên bờ biển, gần hơn tôi nghĩ. Bỗng nhiên, tôi nghe thấy tiếng đập bồm bộp, một ý nghĩ thoáng qua đầu tôi rằng đáy thuyền đang bị va đập. Tôi gần như nhảy ra khỏi khoang thuyển để đẩy thuyền đi tiếp, nhưng tôi chợt nhận ra rằng thuyền không bị mắc cạn trên cát. Con thuyền vẫn đang lắc lư thẳng tiến, mặc dầu chặng đường phía trước đầy chông gai.

Tôi nghe thấy tiếng đập lặp đi lặp lại, và ngay lúc ấy tôi đã biết tiếng động ấy phát ra từ đâu. Tấm ván chống trôi dạt đập bồm bộp xuống mặt nước, nảy lên dưới thân khoang lái và rồi lại bị đập xuống, cứ thế liên tục. Tiếng động này thoạt nghe cứ như âm thanh của một loại nhạc cụ. Nó cho tôi biết sống thuyền chỉ còn cách đáy nước chừng 30 cm nữa.

Tôi bẻ lái từ phía đảo ra kênh, chỉ trong một lúc, tiếng động đã im bặt, và con thuyền lại tiếp tục lướt trên mặt nước rộng. Nước táp vào mạn thuyền. Tôi lái chậm lại, cẩn thận vòng về phía vùng nước nông, và ngay khi tấm ván chống trôi dạt đập vào đáy nước, tôi thẳng hướng vào cơn gió, quăng neo qua khoang thuyền, hạ cánh buồm tam giác xuống rồi bì bõm lội vào bờ.

Cuối cùng thì tôi cũng đến được ngôi nhà đó, cửa sổ của ngôi nhà bị bịt kín bằng ván, với dòng chữ: "Cấm vào. Nguy hiểm!" được treo trên cửa trước. "Một lời cảnh báo thừa thãi!", vì ngay cả sàn nhà giờ đây cũng không còn đủ vững để giẫm lên nữa là. Tôi đứng nơi cổng vòm, lấy thăng bằng trên cái xà rầm của ngôi nhà và săm soi tấm biển thông báo đã tả tơi: "Cấm vào. Nguy hiểm!". Tôi đọc đi đọc lại. Những từ ngữ rặt mùi cấm đoán, không chút khoan nhượng, nhưng cũng chẳng nghĩa lý gì đối với tôi. Tôi đã chấp nhận mạo hiểm, nên tôi không sợ gì cả. Và giờ đây tôi đã đến đích, không có lý do gì để chùn bước. "Cấm vào" ư? - Cứ như thể tôi là một kẻ phá hoại, nhất định sẽ lấy đi cái gì đó còn sót lại trong nhà vậy!

Một đoạn trong bài Thánh kinh bất chợt vang lên trong đầu tôi: "Tự tha thứ cho sự xúc phạm của mình cũng là chúng ta tha thứ cho những ai xúc phạm chúng ta...". Mặc dầu tôi đã từng được học môn tín ngưỡng ở trường và bị buộc phải đọc bài Thánh kinh này trong dàn hợp xướng với những người khác, nhưng giờ đây tôi phải thừa nhận rằng mình chẳng thể hiểu được lời dạy ấy. Xúc phạm là một tội lỗi, nhưng nếu chúng ta xúc phạm lẫn nhau thì sao? Và nếu tôi bất chấp những điều răn của Chúa mà cứ đẩy cánh cửa cong vênh kia tiến vào bên trong thì liệu có tai họa nào ập xuống không? Tôi là người duy nhất trên hòn đảo vào lúc này, cũng có nghĩa là không một ai khác có thể chứng kiến tội lỗi mà tôi sắp sửa gây ra.

Tôi dùng hết sức để đẩy cánh cửa, nhưng nó chẳng mảy may nhúc nhích, có thể cánh cửa quá nặng, nhưng cũng có thể do lực đẩy không đủ mạnh. Tôi cố gắng thử một lần nữa, và nhận thấy dường như có một sức nặng khủng khiếp đang lan tỏa, không phải chỉ bởi những thớ gỗ đang căng ra trên cánh cửa kia, mà còn vì những quy định hay hạn chế điều khiển cuộc đời tôi. Con đường tôi đi đã bị chặn lại. Tôi có thể sẽ rất tức giận, nhưng thay vì phẫn nộ, tôi lại cảm thấy khuây khỏa. Như thế cũng tốt, tôi tự nhủ. Cứ cho là tôi bước vào căn nhà và gặp may mắn, họ cũng sẽ trách mắng tôi, vì tôi là một kẻ xâm phạm, một kẻ đi ngược lại quy luật.

Đến tận bây giờ, tôi vẫn cảm thấy sức tác động của tấm biển "Cấm vào. Nguy hiểm!". Sự tác động ấy vẫn sâu sắc như cái ngày tôi một mình đứng trước cánh cửa ngôi nhà hoang, chống chọi với những rào cản vô hình mà không dám vượt qua cách đây rất nhiều năm về trước. Dường như đối với tôi, cái khoảnh khắc buồn phiền ấy, cũng như khoảng thời gian tôi đang sống là một ma trận mà mọi người đã vẽ nên hòng ép tôi vào vị trí của mình. Nhưng giờ tôi đã biết được cái gì luôn luôn cản trở tôi làm việc theo ý muốn. Không phải vì tôi thiếu năng lực trí tuệ hay sức mạnh cơ bắp, mà đó là do tôi đã cố gò mình tuân thủ các luật lệ, quy tắc do một ai đó đặt ra.

Dì tôi là một trong những nhà "làm luật" nghiêm khắc nhất trên đời, đến nỗi khi đã lướt băng băng trên mặt vịnh rồi, tôi vẫn còn nghe thấy những lời phàn nàn của dì văng vẳng bên tai.

"Con quên tắt đèn trong phòng ngủ kìa. Lên gác tắt ngay đi nào!"

"Con lại để nước chảy nhỏ giọt trong bồn tắm đấy. Phải vặn chặt vào chứ!".

Một sáng nọ, tôi nhìn thấy một mẩu giấy được đính vào tấm gương trên bồn rửa mặt, có ghi: "Chú ý! Nặn kem đánh răng từ dưới lên trên, không nặn ngay từ phía trên".

Thoạt đầu, tôi nghĩ dì chỉ đùa mà thôi. Nhưng sau đó tôi phát hiện ra rằng, mình thực sự khó chịu với những lời răn dạy của dì. Đến cả việc nhỏ nhặt nhất là nặn kem đánh răng, dì cũng bắt tôi phải làm thế này, không được làm như thế kia, cứ như tôi là một đứa trẻ lên ba vậy.

Những hành động ấy của tôi có bị gọi là phạm tội không? Xem xét phản ứng của dì đối với những hành động ấy, tôi cảm thấy có lẽ là như vậy. Dường như tôi đã xúc phạm những nếp nghĩ, những thói quen sinh hoạt của dì. Và lúc này đây, tôi phải thừa nhận những quy định của dì, rằng đèn ngủ không được để sáng trong phòng khi đã ra khỏi giường hay nước không được để chảy tong tong trong bồn tắm, cũng không có gì là quá khắt khe. Tôi nhận ra rằng sự nghiêm khắc trong những điều răn dạy của dì không làm tôi thấy phiền lòng, mà chủ yếu là do cái cách dì áp đặt lên tôi.

Chống đối? Tất nhiên tôi có thể làm điều ấy. Tôi sẽ phớt lờ những dặn dò của dì và tiếp tục nặn kem đánh răng từ phía đầu tuýp. Cũng như tôi có thể dùng một súc gỗ to đẩy mạnh cánh cửa, dọn đường tiến vào ngôi nhà hoang phế kia. Nhưng sự nổi loạn không phải là tính cách của tôi. Đôi lúc tôi cũng muốn vùng lên đòi tự do

cho mình, nhưng rồi tôi nhận ra việc phải đối đầu để đòi lại tự do thật chẳng ích lợi gì. Cũng như việc lái thuyền, tôi cần tìm cho mình một con đường phù hợp. Tôi cần lái thuyền theo một góc thích hợp so với cơn gió.

Tôi đi chậm rãi trên bờ biển về phía con thuyền màu xanh đang được thả neo. Con thuyền lắc lư, tròng trành tại chỗ, cánh buồm chính lồng lộng trong gió. Nó giống như một con ngựa trung thành, hay một người bạn kiên nhẫn chờ đợi tôi nơi góc phố, không hề giận dỗi hay chỉ trích, khi tôi trở lại. Tôi đến bên con thuyền, căng buồm trước lên, nhổ neo và bẻ lái đưa thuyền tiến ra vùng nước rộng qua con kênh giữa đảo Bờ Tây và bờ biển. Vài phút sau khi giong thuyền, tôi chợt nhận thấy một sai sót. Quên mất lời dặn của chú Simmy, tôi đã không hạ tấm ván chống trôi dạt xuống.

Tôi lôi ra một cái chốt quay quanh trục và tấm ván trượt khỏi thân thuyền, qua sống thuyền và chìm trong nước, con thuyền nhích lên thêm một chút và phản ứng lại tức thì. Nó bị nghiêng trên đường chạy và bộc lộ"ưu điểm" mà trước đây tôi chưa từng chứng kiến. Nếu tôi điều chỉnh cánh buồm chặt tay hay để nó đi quá xa, thì con thuyền sẽ không bị lật hay đột ngột dừng lại, thay vào đó, nó thích ứng, và tiếp tục hành trình của mình mà không hề kêu ca phàn nàn. Nó mạnh mẽ tiến về phía trước, xẻ mặt biển ra làm đôi. Nó hành động như thể nó biết suy nghĩ vậy, khéo léo sửa chữa những sai lầm mà tôi gây ra một cách rất lịch sự, chẳng làm tôi mếch lòng chút nào.

Trong khoảng thời gian đi biển sau đó, sự hiểu biết của tôi về các loại thuyền dần mở rộng ra, và tôi bắt đầu nghiên cứu chúng để so sánh với con thuyền của tôi. Có những chiếc thuyền đánh cá được trang bị lao mấu, to rộng và ì ạch, vững chắc như bất kỳ con thuyền nào, nhưng như thế lại làm nó chậm thích nghi với cơn gió đổi chiều hay khi thủy triều thay đổi. Và cũng có những loại thuyền nhỏ - những chiếc xuồng Frostbite, Comets, Snipes - rất nhanh và nhạy khi phản ứng lại với những thay đổi nhỏ nhặt nhất của cần lái hay xoay buồm cho đúng hướng gió. Con thuyền màu xanh của tôi có vẻ như đang ở giữa hai thái cực ấy. Nó phản ứng lại với sự thay đổi của môi trường xung quanh một cách chậm chạp, có vẻ nó muốn cho tôi thời gian để hiểu được xem chuyện gì đang diễn ra.

Những bài học thời trẻ luôn nằm lại trong tâm trí chúng ta. Để rồi nhiều năm sau đó, chúng ta thấy rằng nó thật có ích. Tôi cảm thấy khá chính xác khi nói rằng loại thuyền mà tôi lái thời niên thiếu

có ảnh hưởng đến việc tôi sẽ trở thành người như thế nào. Tôi biết mình thích hay không thích gì trong mối quan hệ với người khác, và tôi tin rằng tôi có thể làm theo những cảm xúc của mình, trở về cái ngày quan trọng khi lần đầu tiên tôi hạ tấm ván chống trôi dạt xuống. Tôi tìm kiếm ở những người bạn, người thân của mình những điều mà tôi nhìn thấy nơi con thuyền. Đó là một mối quan hệ khoan dung độ lượng, mà trong đó tôi hoàn toàn có thể bù đắp cho những thiếu sót của họ, và với tôi, họ cũng vậy.

Cho đến giờ, khi đã nhận biết được sự tinh tế của lòng khoan dung, sẵn sàng tha thứ, tôi hiểu rằng không phải dễ dàng để tìm được người có đức tính như thế. Thực tế, có những người nhìn sự khoan dung, độ lượng theo cái cách hoàn toàn không chấp nhận được. Họ xem nó như một cuộc đấu tranh, một bên thú nhận mình đã sai và xin lỗi, trong khi bên kia tự cho mình là đúng, chấp nhận lời thú tội và sẵn sàng tha thứ. Trong mối quan hệ như vậy, giữa hai người luôn tồn tại những lời buộc tội không ngớt và mỗi hành động đều trở thành sự thử thách của ý chí, một trò chơi mà đôi bên có sự giằng co quyết liệt.

Trong những năm đi biển, tôi chưa từng một lần phải xin lỗi "Nữ hoàng" màu xanh của mình cũng như con thuyền chưa từng phải "xin lỗi" tôi. Và tôi thực sự nghĩ rằng, nếu mình có thể nhân cách hóa con thuyền, làm cho nó giống con người, thì chúng tôi đã có thể thích nghi những điểm yếu của nhau một cách đáng kể.

12

NHỮNG KHOẢNG LẶNG CẦN THIẾT

Một ngày, trước sự kinh ngạc của tôi, dì đề nghị tôi đưa đi biển. Cho đến lúc ấy, dì chẳng mảy may tỏ vẻ hứng thú với con thuyền của tôi chút nào. Dì không ngăn cấm tôi lái thuyền, và thực tế dì còn khuyến khích nữa là khác, nhưng dì chẳng bao giờ tỏ ý muốn đi thử con thuyền này của tôi.

Trong thâm tâm, tôi cũng không muốn dì đi cùng chút nào. Dì có dáng người nhỏ nhắn, luôn luôn âu lo, và sẵn sàng đưa ra những bài thuyết giáo trong những tình huống bất ngờ nhất. Tôi cảm thấy sợ khi nghĩ rằng mình phải đi một mình với dì. Tôi lảng tránh lời đề nghị của dì, hy vọng rằng dì sẽ để chuyện này "chìm xuồng". Nhưng không, vào một buổi sáng đẹp trời nọ, dì đã nhắc lại yêu cầu của mình với một vẻ cương quyết đến mức khiến tôi không sao từ chối được.

Hai dì cháu lái thuyền ra khỏi mũi đất trong làn gió nhẹ thổi từ đất liền. Khi chúng tôi đã ra đến vùng nước rộng, tôi không đi xuyên ngang vịnh như thói quen, mà thong thả men theo bờ biển.

"Đi như thế này an toàn lắm dì ạ", tôi nói. "Chúng ta sẽ không bị lật thuyền đâu, nhưng nếu nhỡ mà có bị lật, thì dì cũng có thể

nhanh chóng bơi vào đất liền. Dì yên tâm nhé!"

"Đừng lo, dì không sợ bị lật thuyền đâu", dì nói với một giọng bình tĩnh đến nỗi trong một thoáng, tôi cứ ngỡ không phải lời dì nói ra. "Cháu có thể không tin", dì tiếp tục, "chứ dì là một tay bơi cừ khôi hồi còn con gái đấy!".

"Dì ấy à?", tôi hỏi với vẻ không tin tưởng mấy.

"Ừ. Dì bơi được hơn ba cây số mỗi ngày khi dì ở tuổi của cháu."

"Hơn ba cây số?", tôi thật sự choáng. Hơn ba cây số là một phần ba đường ngang vịnh. Tôi bắt đầu chất vấn dì, bắt dì kể dì đã bơi ở đâu và với ai. Và khi dì còn con gái thì thế giới đối với dì trông như thế nào. Và dì bắt đầu kể cho tôi nghe câu chuyện mà tôi chưa từng được nghe trước đó, câu chuyện về dì, về hai người em của dì (mà một trong hai người đó là mẹ tôi) và về ông bà ngoại tôi. Dì kể về những kỳ nghỉ họ đi cùng nhau, về những khu vịnh hay cái hồ mà họ cùng đến. Dì còn kể về ông ngoại của tôi. Ông thường ngồi trên cát, mặc quần áo bơi với một chiếc còi lủng lẳng, thòng xuống từ sợi dây quanh cổ.

"Bất cứ khi nào dì bơi quá xa bờ", dì kể, "là ông lại chạy ra gờ nước và bắt đầu tuýt một hồi còi. Khi ấy, dì biết là mình cần phải quay trở vào". Giọng dì chợt ngắt quãng, mắt nhìn xa xăm vào khoảng không bao la trước mặt, như thể đang tìm về với những cảm xúc mà dì nghĩ rằng nó đã trôi vào dĩ vãng, từ rất lâu rồi.

Trong lúc dì kể, tôi bẻ lái ra khỏi bờ, về phía vùng nước xanh nhưng sâu hơn trong vịnh, lái thuyền mà không nghĩ quá nhiều đến việc mình đang đi đâu, và tại sao lại như vậy. Cơn gió giờ đây cũng không làm tôi phấn chấn bằng câu chuyện của dì. Dì đang kể cho tôi nghe về thế giới mà tôi sinh ra, thế giới đã nuôi dưỡng tôi cả trước khi tôi ra đời. Ngoài khơi, ở giữa vịnh, dường như dì đã bình tâm trở lại. Sự xúc động của dì lúc ở trong đất liền giờ đã được gió và sóng biển yên bình xoa dịu. Và lúc này, tôi nhận thấy tình máu mủ ruột rà với dì trỗi dậy trong lòng mạnh hơn bao giờ hết.

Một màn sương mù mỏng như làn khói từ ngoài khơi tràn vào vịnh, che phủ đất liền. Dì trở nên im lặng, ngồi bên thuyền phía mạn có gió, ánh mắt lại nhìn đăm đăm qua khoảng nước mênh mông trước mặt về phía bờ biển nhạt nhòa mờ ảo.

Khi đi thuyền, tôi phát hiện ra rằng, không phải chỉ có một cơn gió, mà thực ra là có nhiều ngọn gió khác nhau, và mỗi ngọn gió

lại có những đặc điểm riêng biệt. Có những ngọn gió thổi theo hướng Tây Nam, tăng tốc cả ngày khi mặt trời sưởi ấm mặt đất và yếu đi về đêm khi mặt đất nhả nhiệt. Cũng có ngọn gió hướng Tây Bắc rất dễ chuyển thành bão, thổi mạnh, dường như cứ mỗi phút lại được những chiếc ống bễ khổng lồ phía dưới bầu trời phụt ra, và sau đó lại biến mất chỉ để thổi mạnh hơn, dữ dội hơn trước. Có ngọn gió nhẹ nhàng đến từ phương Đông mang theo chuỗi ngày ẩm đạm với những cơn mưa phùn và sương mù. Và cũng có những ngọn gió gào thét góp thành bão từ hướng Đông Nam, quất vun vút vào mặt vịnh, tạo thành những con sóng bạc đầu điên cuồng trên biển.

Rồi cũng đến lúc, tôi đạt được mục tiêu của mình, tôi và cơn gió hòa thành một. Tôi thấy rằng mình có thể chỉ ra hướng đi của nó ngay khi vừa thức dậy vào buổi sáng và hít một hơi trong lành của bầu không khí xung quanh. Tôi có thể cảm nhận được mùi vị của cơn gió trong lưỡi, cảm thấy nó mơn man quanh da thịt mình. Nếu bất thình lình bị hắt hơi, tôi biết ngay rằng có một ngọn gió Bắc khô và mạnh đang tới, tràn qua đất liền mang theo những hạt phấn hoa. Và nếu như tôi bị gục xuống gối, tôi biết rằng tôi đang lạc trong mùi hương của những đóa hoa sen đến từ hướng Nam, trôi dạt trên bờ biển, mang theo nó những hình ảnh không thể nhầm lẫn được của đầm lầy lúc triều dâng và những con trai biển bị những cái cào xới lên, phơi mình trên cát.

Tôi mường tượng được một quãng sông yên bình với những chú chim non ven bờ, chúa tể của mặt nước và bầu trời, không ngừng chao xuống liệng lên. Tôi nghe thấy những chú chim dẽ bay qua đám sậy. Tôi thấy những con diệc bạch trắng toát bay lượn như những bông tuyết lớn ngang cửa sông, và những con diệc đêm màu xanh to lớn đang đứng trên đôi chân mảnh khảnh ở bãi nước nông, mỏ của nó luôn trong tư thế sẵn sàng tấn công. Vào mùa thu, tôi nhìn thấy những con chim lặn, vịt trời hay vịt Haritonitt Alrola đốm trắng trong mùa thiên di đang ngụp lặn trên mặt nước để bắt cá. Và trong sự im lặng đáng sợ trước mỗi cơn bão, tôi có thể nghe thấy tiếng kêu huyên náo của bầy bói cá có đai đang phóng lên ngụp xuống dọc con lạch nước lợ.

Trong suốt mùa hè nhàn hạ chu du trên biển, tôi đã khám phá ra một điều cơ bản của chính mình. Thực ra tôi là một chàng thủy thủ lười biếng. Tôi không muốn tham gia bất cứ cuộc đua thuyền nào, lại càng không muốn cạnh tranh quyết liệt với người khác, để xem tôi có thể lái con thuyền nhanh hơn họ không. Tôi cũng chẳng có tham vọng đi vòng quanh thế giới bằng đường biển. Tôi chỉ đơn giản là muốn đi thuyền trên cái vịnh như một viên ngọc

quý này - vịnh Đại Nam. Tôi muốn lượn lờ với những cánh buồm được buộc cọc đầu dây và mặt biển xoáy tít qua mạn khuất gió. Tôi muốn đi thám hiểm những mũi đất hay các vùng biển hoang sơ, đi dạo trên những hòn đảo lộng gió, đậu neo ở những bờ biển hoang dã, nơi tôi có thể bơi thoải mái hay đặt chân lên đáy cát để thưởng thức món trai hầm với thịt muối.

"Không đáng để đi thuyền vòng quanh thế giới chỉ để đếm những con tàu chở than hay gỗ ở Zanzibar", Henry Thoreau(*) đã viết như vậy trong tác phẩm Walden. Tôi đọc được những dòng trên khi đã quá tuổi để làm một cậu bé, và khi đọc nó, tôi liên tưởng ngay đến những chuỗi ngày khám phá dài bất tận trên con thuyền của mình, di chuyển trên mặt biển lúc nào cũng cuồn cuộn sóng để đến những nơi mà tôi muốn đến. Những kinh nghiệm ngày đầu ấy đã tô màu cho quan niệm của tôi đến nỗi tôi nghi ngờ rằng, ngày nay những du khách lắm tiền nhiều của ngao du vòng quanh thế giới mà chẳng nhằm mục đích nào cả. Tôi đã từng gặp một người đàn ông, nói rằng ông ta đã tham quan khắp mọi thắng cảnh, từ Grand Canyon, Arizona, Mỹ cho đến Vạn Lý trường Thành của Trung Quốc. Nhưng khi hỏi kỹ ra thì tôi phát hiện rằng thậm chí ông ta chưa từng thử một lần lắng nghe tiếng chim hót sau vườn nhà mình.

(*) Henry Thoreau (1877 - 1962): Nhà văn hiện đại Mỹ.

Điều mà tôi muốn gợi ý cho những người như vậy, đó là họ hãy cứ ngồi im như thế, để quan sát và lắng nghe bất cứ điều gì xung quanh mình. Nhưng thật khó để một lời khuyên như vậy được chấp nhận, nhất là trong cái xã hội mà sự trầm tư bị coi là xa xỉ. Chúng ta tin rằng chúng ta vận động là vì lợi ích, chúng ta nghĩ mình có mục đích rõ ràng trước khi quyết định đi đến đâu. Thực ra, chúng ta chỉ là những vận động viên chạy nước rút, chạy một cách vô mục đích, với thời gian, với chính mình, với thần chết mà đã bỏ qua những điều thiết yếu nhất trong cuộc sống của chúng ta trên đường chạy.

Những việc xảy ra ở một khoảnh khắc đáng nhớ nào đó dường như là một "kho báu" quý giá: đó là mỗi ngày của cuộc sống. Và những ý nghĩa của cuộc sống đôi khi bộc lộ mình một cách khiêm tốn và chậm rãi. Những người có quan điểm sống tích cực dường như luôn có một cuộc sống tràn ngập niềm vui, sự lạc quan mà không nhất thiết phải có các điều kiện vật chất hay danh vọng. Họ chỉ có một điểm khác biệt duy nhất, đó là khả năng tô hồng cuộc sống của chính mình, làm cho mỗi ngày trôi qua thêm ý nghĩa. Và nếu muốn, những người bình thường như chúng ta cũng có thể

làm được điều đó mà không cần phải đến nhà thờ để được phong thánh. Chúng ta cũng có thể kiểm soát được cuộc đời mình, và làm nó trở nên diệu kỳ bằng chính khả năng nội tại mà ai cũng có.

Nếu chúng ta gặp thất bại, chúng ta sẽ phải trả giá. Trong cuộc sống, đôi khi chúng ta nên dành những khoảng lặng để quan sát những thứ vốn bị coi là nhỏ bé tầm thường xung quanh mình. Thậm chí ngay cả bây giờ, khi chúng ta cảm thấy buồn tẻ, chịu áp lực, chúng ta sẽ có xu hướng tìm đến những thú giải trí đầy nguy hại để lấp đầy khoảng trống trong tâm hồn. Thay vì thả bộ trên những con đường rợp bóng cây để tận hưởng không khí trong lành của buổi sớm mai yên bình thì chúng ta lại ngồi lỳ trong phòng khách xem ti vi hay thỏa thích chọn món ăn ở một nhà hàng thức ăn nhanh nào đó. Một cách vô tình, chúng ta đã say mê những thứ ấy mà không hề nhận ra rằng mình đang có nguy cơ bị chôn vùi vì những điều đó.

Tôi cũng đã từng có lúc rơi vào tuyệt vọng, bế tắc. Trong nỗi chán chường, tôi đi lòng vòng quanh nhà, càu nhàu, đập vào các cánh cửa, quăng chén đĩa bẩn vào bồn rửa, đối mặt với sự chán nản, trống rỗng của chính mình, và rồi tôi chợt nhớ ra một nơi thật lý tưởng để thư giãn.

Tôi đi về phía bờ biển, ngắm những lớp sóng đua nhau vỗ bờ. Tôi nghiên cứu những con rệp biển, những chú bọ chét cát, những chú cua kéo đàn hay sự khác thường của cái mỏ dài dài, cong cong về phía trên của con vịt limosa. Phía cao cao trên đầu, mặt trăng đang dần rải những ánh sáng dịu nhẹ khắp bầu trời phía Đông. Thủy triều đang dâng lên. Tôi đứng chôn chân trên bờ cát ẩm, gần gờ nước, nơi những ngọn sóng ham vui chạy sâu vào bờ, chồm lên cả mũi giày của tôi. Bỗng nhiên, tôi trông thấy ở ngoài xa cách tôi khoảng 30 mét, một chú sư tử biển có ria, với cái đầu màu đen đang sục vào lớp sóng. Nó nhìn chằm chằm vào tôi với vẻ ngạc nhiên pha chút rụt rè, như thể tôi là một sinh vật lạ thường trên thế giới này vậy. Mà cũng có thể, đúng như thế thật.

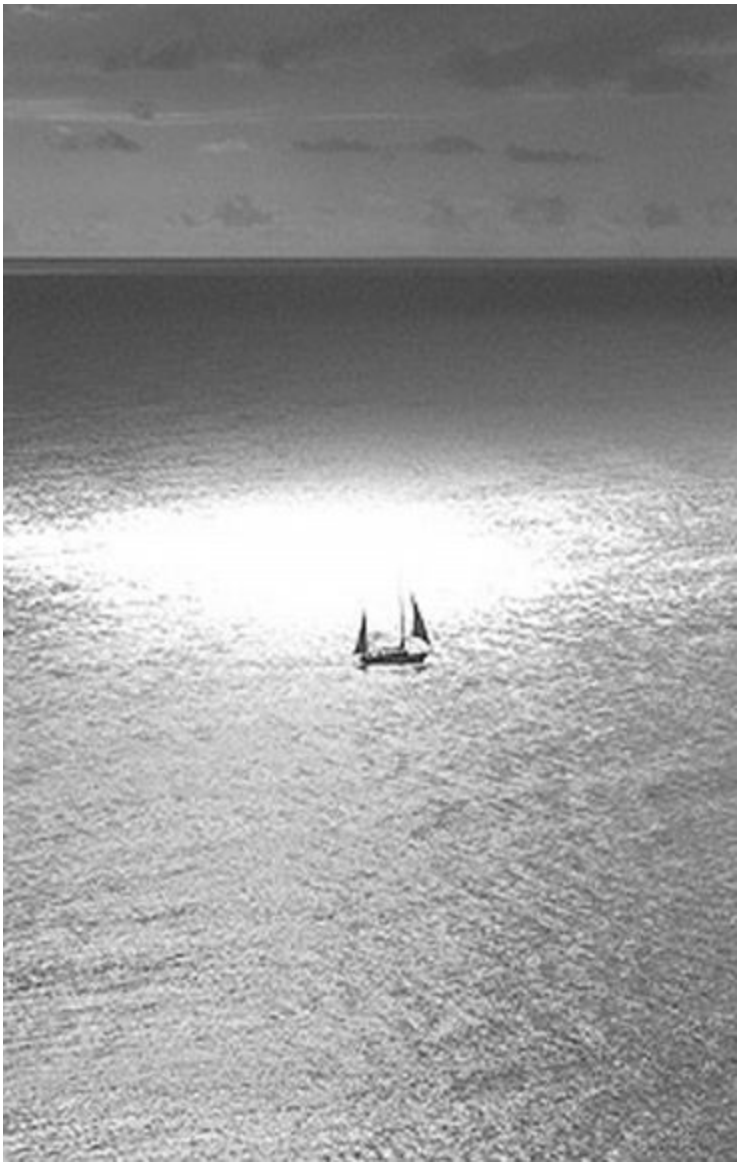

13
KHI MẤT ĐỊNH HƯỚNG

Một buổi sớm, tôi giương buồm và lái thuyền ra khỏi kênh, nhưng không định hướng được mình sẽ đi đâu. Khi ra đến vùng nước rộng, tôi quyết định không đi ngang qua vịnh sang bờ bên kia như thói quen mà đi men theo đường bờ biển. Tôi bẻ lái về hướng Đông, nơi mặt trời đang dần dần nhô lên và chạy một quãng dài qua những con thuyền thân thuộc: Bayberry Point, Nicoll Point, Timber Point... với cánh buồm căng cứng và ngọn gió đuổi theo sau.

Hơi nóng của tháng Tám vẫn hầm hập trên dải đất ven biển. Phía xa xa, một tán cây dày và rậm rạp bao trùm lên bờ biển. Qua những đám lá xanh um, tôi có thể thấy thoắt ẩn thoắt hiện những dấu hiệu của một nền văn minh: ống khói, bình chứa gas, thùng đựng nước ngọt hay gác chuông nhà thờ trong thị trấn vùng ngoại ô này. Nhưng ngoài biển, nếu nhìn từ phía dưới cánh buồm của con thuyền, bờ biển thật hoang sơ, thưa thớt bóng người. Dường như trong đất liền rất ít người ở, nên mọi thứ vẫn còn nguyên vẻ ban sơ.

Khi sắp đi qua sông Connetquot, tôi nhận ra rằng mình đã lái thuyền quá trớn xuôi theo chiều gió so với dự tính ban đầu của tôi. Ngọn gió thổi vào bờ đã tăng tốc lên khá nhanh. Và bây giờ, không còn cách nào khác, tôi sẽ phải đi ngược chiều gió trong suốt

quãng đường còn lại để về nhà. Và tôi quyết định quay thuyền cắt góc, đó là cách nhanh nhất để có thể vòng thuyền lại. Tôi để mặc cho cơn gió vòng qua đuôi thuyền, và khi sào căng buồm xoay qua khoang thuyền, tôi hoàn toàn mất khả năng bẻ lái.

Cần lái lắc nhẹ, lỏng lẻo trong tay tôi và con thuyền loạng choạng trong cơn gió như một gã say rượu. Tôi nằm sấp phía dưới đuôi thuyền và săm soi thanh giằng ngang, cố gắng tìm hiểu xem chuyện gì đang xảy ra. Sau một lúc, tôi nhìn thấy cái bánh lái lủng lẳng dưới mặt nước, cách đuôi thuyền khoảng sáu mét, bị sóng cuốn trôi mất.

Hình như nó đã bị giật mạnh ra khỏi cái chốt, do lực đẩy của cú xoay cắt góc đột ngột. Trong tình cảnh này, tôi nhận thấy không thể tiếp tục điều khiển thuyền được nữa. Bây giờ, việc duy nhất tôi có thể làm là hạ buồm xuống và để cơn gió táp vào mạn đẩy thuyền trôi vào đất liền. Tôi nhìn cái cột buồm, nó bị đảo liên tục, hết nghiêng về bên này rồi lại ngả sang bên kia, những khi sóng xô tới cuộn dưới thân thuyền. Tôi cảm thấy buồn nôn, một vị ngòn ngọt bất ngờ dậy lên rồi khô đắng lại trong cổ họng tôi. Tôi không biết mình bị làm sao nữa, vì trước đây tôi chưa bao giờ bị say sóng.

Với sự trợ giúp của mái chèo, tôi đã hướng con thuyền đi vào sông một cách an toàn. Tôi thả neo tại đây, cách bờ đủ gần để có thể nhảy lên chỗ gần con đê bằng cát rồi lảo đảo đi vào. Tôi bước về phía bờ biển, tiến vào một con đường rải nhựa nóng rát, dọc hai bên vệ đường cỏ dại mọc đầy, với đôi chân trần, cho đến khi ra đến đường cao tốc. Sau đó một lúc, một cậu bé trên chiếc xe ô tô cũ kỹ đã cho tôi đi nhờ. Cậu bé thật tốt bụng, đã đưa tôi đến tận trước cửa nhà thuyền trưởng ở cuối đại lộ Đại Dương.

Tôi đến đó lúc giữa trưa. Khoang thuyền đầy cá của thuyền trưởng đã về bến, và ông đang tưới nước rửa ráy trong khoang của chiếc Nimrod, rửa lớp gỉ vừa được cạo ra và nước chảy vào con lạch trong tiếng gù thích thú của những chú hải âu. Tôi giúp thuyền trưởng bơm nước ra khỏi đáy tàu và đổ đầy thùng chứa nước. Khi cả hai đã hoàn thành những công việc lặt vặt này, ông quay sang tôi và hỏi: “Chàng trai, cậu đến đây có chuyện gì không?”.

“Cháu đã mất bánh lái chiếc Nữ hoàng.”

“Con thuyền hiện giờ đang ở đâu?”

“Cháu neo nó ở trong sông.”

“Ừ, không sao đâu. Chúng ta sẽ đến đó đem nó về.”

Ông bật máy, tôi tháo gút thừng buộc thuyền và chúng tôi nổ máy theo con nước đi vào vịnh.

Tôi có bức ảnh chiếc Nimrod cũ kỹ, và tôi ngắm nó nhiều đến nỗi không thể lẫn vào đâu được những đường nét duyên dáng của con thuyền. Cũng giống như nhiều con thuyền một buồm khác trên vịnh thời đó, lúc đầu, con thuyền được chế tạo giống như một chiếc thuyền do xưởng đóng tàu nổi tiếng Crossby ở Mũi Cod làm ra. Sau đó thuyền trưởng đã cải tiến nó, thay cột buồm, mở rộng cabin thân thuyền, dựng lên một cái bức vách ở giữa thuyền và trang bị thêm một động cơ nhẹ. Chiếc động cơ này gào rú ầm ĩ trên con lạch như một tiếng còi báo hiệu mỗi khi nó đến hay đi. Nhưng dù có thay đổi thế nào đi nữa thì nó vẫn là một chiếc thuyền buồm, vẫn giữ nguyên vẹn những đặc tính cơ bản nhất của tổ tông nó. Và mỗi khi đặt chân lên nó tôi lại có cảm giác như được ở nhà mình.

Thuyền trưởng ngồi bên dưới cái vòm, lái thuyền. Còn tôi ngồi ở đuôi thuyền, bên cạnh lá cờ bạc màu sương gió, quan sát lằn nước và nghĩ về tình huống đã buộc tôi phải bỏ rơi con thuyền của mình. Dường như đối với tôi - một người tự coi mình là thủy thủ - việc để con thuyền mất lái là nỗi khổ tâm lớn nhất trong tất cả những tai nạn có thể xảy ra. Tôi hồi tưởng lại giây phút ấy - và sau này cũng có không biết bao nhiêu lần tôi đã không thể kiểm soát được dòng suy nghĩ của mình về những chuyện đã xảy ra ngày hôm ấy. Tôi ở đó, cánh buồm no gió theo đúng hướng, khoang thuyền bị ướt, rồi bất thình lình bánh lái tan thành từng mảnh, trôi đi dưới sống thuyền. Bất giác tôi có cảm giác rằng, mình đã phụ sự ưu đãi của gió và sóng biển trong một ngày đẹp trời như thế.

Cuối cùng, chúng tôi cũng đến được nơi con thuyền đang nằm chơ vơ trên mặt nước. Cả hai buộc dây vòng quanh chân cột thuyền và kéo nó về phía Vịnh Biển. Khi chúng tôi đến xưởng đóng tàu thì cũng là lúc đang trong giờ nghỉ, nhưng chú Simmy, thuyền trưởng và tôi vẫn kéo con thuyền lên để xem xét mức độ hư hỏng của nó. Tôi rất đau lòng khi thấy con thuyền bị lật úp trên cạn, nằm phơi mình ra. Thiếu cái bánh lái, con thuyền trông như một chú chim bị mất cánh vậy, thật đáng thương!

Sáng hôm sau, tôi trở lại xưởng đóng tàu từ rất sớm. Tôi đuổi theo chú Oscar Boehme, một người thợ mộc ở xưởng đóng tàu, khi chú đi làm. Trong tôi tràn trề hy vọng khi nghĩ rằng bằng cách bám theo chú, tôi có thể sẽ thuyết phục được chú ngưng những công việc đang làm dở để sửa lại con thuyền cho mình. Chú Oscar có

dáng người thấp và gù, với cái đầu dường như ép chặt lên cổ, đôi mắt liên tục đảo sang hai bên. Chú là một người lập dị, luôn làm việc theo kế hoạch mà mình đã định. Thế nên, thay vì tôi thuyết phục được chú đồng ý sửa tàu cho mình thì chú lại biến tôi thành cái đuôi lẽo đẽo theo chú suốt ngày. Chú đang đóng dở con thuyền hai buồm, mới chỉ xong có một nửa mà nó đã rộng bằng con thuyền của tôi. Khi tôi tiến về phía chú, chú vẫn đang mải mê với việc uốn cong những tấm ván dài. Đoạn, chú đóng từng tấm một vào cái khung thuyền bằng gỗ trông rất chắc chắn, cho đến khi bộ khung đã được bao bọc hoàn toàn bằng ván.

Buổi sáng hôm sau, chú Oscar vẫn ở trong xưởng đóng tàu, nhưng không phải đang làm nốt con thuyền của chú. Chú đang làm cái mấu bánh lái cho tôi, và khá bận bịu với việc cắt tấm ván gỗ từ cây tuyết tùng bằng một lưỡi cưa mỏng, dụng cụ duy nhất mà chú sử dụng và tất nhiên cũng là dụng cụ duy nhất mà chú cần. Đó là một dụng cụ chạy từ dây cua-roa bắt vào ròng rọc do một động cơ ở phía ngoài xưởng đóng tàu điều khiển. Bất cứ khi nào chú Oscar muốn bật hay tắt động cơ thì chú lại phải di chuyển một quãng khá xa để ấn công tắc.

Tôi không có ý kiến gì về việc các máy móc ngày nay hiện đại hơn rất nhiều, hoặc các chuyên gia kỹ thuật sẽ nói gì về cách sắp xếp thiếu khoa học như thế. Tôi cho rằng, những dây chuyền sản xuất ngày nay sẽ đưa người thợ mộc vào một quy trình chặt chẽ hơn, nhanh hơn, đơn giản hơn rất nhiều so với việc anh ta cứ phải di chuyển từ chỗ cái cưa đến chỗ cái công tắc hàng chục bận mỗi ngày. Nhưng tôi cũng có cảm giác nghi ngờ về lợi ích của các dây chuyền công nghệ hiện đại đối với bản thân người công nhân. Có thể chú Oscar đã nhìn thấy tác dụng của việc đi đi lại lại như thế - biết đâu nó có thể giúp chú có thời gian để suy nghĩ về những việc mình đang làm, tìm ra những ý tưởng mới mẻ và hợp lý cho sản phẩm của mình. Tất cả những điều ấy phản ánh qua hiệu quả công việc.

Trong lúc làm việc, chú Oscar luôn ngân nga khe khẽ một giai điệu nào đó. Tôi cố căng óc ra để nhớ xem mình đã từng nghe nó ở đâu chưa. Nhưng tôi dám chắc một điều rằng đó không phải là một điệu nhạc diễu hành. Tôi hỏi chú Simmy về những giai điệu đó và chú bảo rằng, đó là một bài Thánh ca. Đồng thời chú cũng cảnh báo tôi rằng, đừng có dại dột mà hỏi chú Oscar về điều ấy, trừ phi tôi muốn nghe một bài thuyết giáo về việc làm thế nào để cứu rỗi linh hồn mình. Tôi ngoan ngoãn nghe theo lời khuyên của chú Simmy và tránh xa chủ đề này, nhưng càng nhìn chú Oscar làm việc, tôi càng nhận thấy rằng sự thuyết giáo của chú sâu sắc là lẽ

đương nhiên, đó là những bài ca chưa được hát, ẩn bên trong đôi bàn tay đang biến hóa linh hoạt trên từng súc gỗ.

Thỉnh thoảng, Ray Muncey, ông chủ của xưởng đóng tàu, một người già nua với mái đầu bạc phơ, dừng lại cạnh xưởng, và đứng đó quan sát chú Oscar. Nhưng ông không có vẻ gì là muốn kiểm tra nhân viên cả. Ông hiển nhiên chẳng bao giờ thúc chú làm việc nhanh lên hay hỏi điều gì đã khiến chú làm thứ này thứ kia lâu đến vậy. Ông chỉ yên lặng đứng nhìn, rồi quay đi, cũng bất ngờ như khi đến.

Đến trưa, cái bánh lái mới của tôi đã được đánh bóng bằng cát và được gắn vào vị trí của nó trên tàu. Tôi luồn xuống dưới thân thuyền để sơn một lớp sơn chống gỉ. Khi đã xong xuôi, chú Simmy giữ tời và cho con thuyền của tôi trượt xuống nước, lướt đi như một chú chim trên biển. Tôi kéo thuyền đi một đoạn ngắn từ chỗ buộc neo với một cái móc thuyền, căng buồm lên và khéo léo đưa thuyền ra khỏi con lạch. Nhưng khi con thuyền đã đến gần bờ vịnh, bỗng nhiên trong tôi dấy lên một nỗi sợ hãi. Không biết liệu cái bánh lái của tôi có bị gãy lần nữa không. Và nếu có gì trục trặc xảy ra khiến tôi không thể điều khiển được cái bánh lái, mũi thuyền của tôi có thể bị đâm vào cầu tàu mất.

Tôi đẩy cần lái về phía cánh buồm, con thuyền phản ứng lại ngay lập tức. Nó tung mũi thuyền vào cơn gió, vượt qua cơn gió này rồi lại bắt cơn gió khác, và giong thẳng ra khỏi con lạch. Vậy là cuối cùng, tôi cũng được tự do, tự do như một cơn gió, tôi nghĩ là như vậy. Đó là một cảm giác thật sự sống động đối với một người trẻ tuổi khi được ra khơi sau khi con thuyền bị giam cầm trong xưởng suốt ba ngày liền. Tôi đã được tự do, bỏ lại nền văn minh ở phía sau cùng với những quy luật, những ràng buộc cứng nhắc. Sự tự do ấy như một động lực cổ vũ cho một đứa trẻ như tôi, vốn được nuôi dưỡng trong cái bóng khổng lồ của Tom Sawyer và Huckleberry Finn(*).

(*) Tên hai nhân vật chính trong các tiểu thuyết viết về những cuộc phiêu lưu trên sông nước của Mark Twain (1835 - 1910) - nhà văn lớn của nền văn học hiện đại Mỹ.

Nhưng ngay khi ra đến vùng nước mở, tôi thấy như mình đang bị mắc kẹt giữa hai thái cực và không biết nên chọn hướng nào. Sự tự do mà tôi hằng khao khát đến cùng một lúc với sự phân vân: tôi phải quyết định mình muốn đi đâu. Tôi có thể hướng tới một trong những hòn đảo trong vịnh, một nơi nghỉ mát ven biển hay neo thuyền ở một nơi nào đó trong con kênh. Nhưng tôi đã không

chọn hướng nào trong số đó cả. Từ trong tiềm thức, dường như có một chốn xa xăm nào đó đang vẫy gọi tôi qua cơn gió, và không phải cho đến khi tôi bỏ xa đất liền sau những lần nước của thuyền thì tôi mới biết được nơi mình cần đến là đâu.

Tôi hướng về phía Đông và lái thuyền theo chiều gió, vượt qua những chiếc Bayberry Point, Nicoll Point, Timber Point. Và tôi chờ cho đến khi thuyền ra khỏi con sông Connetquot, nơi tôi có thể thẳng hướng ra cửa sông mở rộng, mới thận trọng bẻ lái cắt góc. Sào căng buồm đung đưa mạnh phía trên khoang thuyền ngay phía trên đầu tôi, và bánh lái vẫn hoạt động tốt. Tôi xoay buồm lại và bắt đầu chuyến hải trình ngược gió và sóng biển về phía Tây. Một hành trình đầy gian nan và vất vả với những tia nước biển mặn chát táp vào mặt - hành trình trở về nhà.

Khi tôi về đến cột neo thuyền và hạ buồm xuống, thì mặt trời cũng đã khuất sau chân núi. Lúc này bụng tôi đã căng đầy nước và hai mí mắt đầy cát. Nhưng tôi lại thấy phấn khích đến nỗi không muốn rời con thuyền. Tôi ngồi im trong khoang lái một lúc, đưa mắt ngắm những vì sao và vầng trăng mới mọc, và nghĩ về sự khác biệt mà cái bánh lái mới thay đã tạo ra trong cuộc hành trình ngược gió vừa rồi.

Tôi lại nghĩ về món quà đó, món quà quý giá mang tên "tự do" mà tôi tự tặng cho mình, và trong phút chốc tôi đã nhầm lẫn nó như mục đích của cuộc đời mình. Giờ đây, tôi đã được tự do lái thuyền đến nơi mình muốn, bất cứ khi nào, mà không cần phải có sự cho phép của ai cả. Tôi đã có tất cả những thứ mà tôi cần. Tôi khám phá ra rằng, nếu muốn được tự do, sự tự do thực sự, thì tôi phải lựa chọn. Có rất nhiều điểm trên la bàn để tôi hướng con thuyền của mình đi tới, nhưng để đến được những nơi thực sự có ý nghĩa đối với mình, tôi phải xác định được phương hướng rõ ràng.

Không phải điểm đến nào cũng được chọn một cách ngẫu nhiên hay tùy hứng. Tôi hướng tới những đích đến đang vẫy gọi mình với một niềm đam mê cháy bỏng và lờ đi những lời khuyên hay sự cảnh báo của bạn bè, rằng tôi không nên tiếp tục làm tất cả mọi việc theo ý muốn chủ quan của mình.

Tôi có anh bạn là một nhiếp ảnh gia rất đặc biệt, đặc biệt ngay cả trong cái cách anh ta tự vực mình dậy mỗi khi rơi vào trạng thái căng thẳng, lo âu. Anh không hút thuốc, uống rượu, lại càng không bao giờ làm hỏng mình bằng những viên thuốc gây nghiện. Phương pháp hữu hiệu để giải phóng anh ra khỏi mọi chuyện buồn bực là sự tự do. "Sự tự do mà tôi có chính là sự tự do mà tôi

tạo ra cho mình", anh nói với tôi như vậy. Và sự táo bạo trong lời tuyên bố của anh đã khiến tôi thực sự kinh ngạc. Anh ta đã có được tự do như thế nào? Anh ta làm việc đó bằng cách mang theo những mục đích sống của mình - chiếc máy ảnh và cái giá máy ảnh ba chân - đến bất cứ nơi nào mà anh ta muốn.

Với tôi, quan điểm đó của anh không khác gì một cuộc cách mạng, một cuộc cách mạng thực sự. Nếu mỗi người, dù là đàn ông hay phụ nữ đều có thể tìm ra ý nghĩa cuộc sống của mình, và nếu nhiệt tình theo đuổi nó, họ có thể bất ngờ thay đổi hoàn cảnh xã hội. Vậy những cuộc cách mạng ấy được tạo ra như thế nào? Không phải cảnh quần chúng giơ tay biểu tình, không phải cảnh quân đội chiếm lấy quyền lực, không phải một cuộc đảo chính, mà chính từ cá nhân mỗi người, những người muốn khẳng định mình dẫu chỉ một vài lần.

Thời trai trẻ, sự ương ngạnh là một phần trong tính cách của tôi, và tôi sẽ không từ bỏ nó cho đến khi nào tôi muốn. Lần nọ, một người bạn của dượng đã nói với tôi: "Cháu quả là một cậu bé may mắn. Cháu có thể chạy trốn khỏi sự thật bất cứ lúc nào cháu muốn. Tất cả những việc cháu phải làm chỉ là lên thuyền và giong ra khơi". Những lời đó đã khiến tôi phát cáu, nhưng tại sao thì bản thân tôi cũng không hiểu nữa. Nhưng giờ đây, tôi đã hiểu. Đó là một giả định thiếu suy nghĩ rằng lái thuyền là một trò chơi con trẻ, là cách để chạy trốn khỏi đời sống thực tại. Thật vậy! Với tôi, vịnh Đại Nam không đơn thuần chỉ là nơi "giải thoát" như hành trình huyền diệu dọc sông Mississippi đối với Huck và Tom. Ở đó, tôi còn tìm thấy một quyền lực cao hơn, một "chính phủ" mạnh hơn trong đất liền, một "nghị viện" của cơn gió, một "quốc hội" của thủy triều. Nếu muốn tồn tại, một thủy thủ như tôi phải hiểu mình cần làm gì. Tôi học được rằng, nếu sớm hòa hợp và kết bạn với các thế lực tự nhiên, thì chắc chắn những người anh em thiên nhiên ấy sẽ trở nên ngày một gắn bó với mình.

Đôi lúc, tôi trở lại Vịnh Biển để hồi tưởng lại quá khứ và để xem nó đã thay đổi nhiều như thế nào. Xưởng đóng tàu của ông Muncey đã biến mất từ lâu, cũng như ông và những người làm việc trong xưởng ngày ấy đều không còn ở đó. Lần cuối cùng, tôi lái xe về phía cuối đại lộ Đại Dương và xưởng đóng tàu, nơi chú Oscar làm cho tôi cái bánh lái, thì thấy nơi ấy đã bị san bằng - thay vào đó là một bãi đậu xe. Nhà cửa, đất đai, những cư dân mới là những minh chứng hùng hồn cho sự phát triển của đời sống đô thị. Điều đó cũng cho thấy đất đai đã được sử dụng một cách hiệu quả và đem lại lợi ích cho con người. Tuy vậy, trong tôi vẫn còn mối hoài nghi về sự đổi thay ấy. Liệu có phải là điều đáng vui mừng hay

không khi mà biển ngày càng bị con người đẩy lùi ra xa, khi mà những rặng cây ven bờ đã bị đốn bỏ để thay vào đó là con đường bê tông khô khốc? Dù cho tôi không thể chối bỏ được sự thật ấy nhưng trong sâu thẳm lòng mình, xưởng đóng và sửa chữa tàu thuyền của ông Muncey vẫn luôn tồn tại, là hiện thân của một nơi làm việc kiểu mẫu, lý tưởng nhất mà tôi từng được biết đến trong đời. Môi trường làm việc ở đó khá tự do và thoải mái. Những người thợ biết mình cần phải làm gì và họ làm việc hăng say mà không cần đến sự giám sát của ông chủ. Ở đó không có đồng hồ. Tôi đoán rằng nếu ông Muncey đặt một chiếc đồng hồ trong xưởng thì có lẽ chú Simmy đã thụi cho nó một phát rồi, và chú Oscar có thể sẽ thu dọn đồ đạc và đi đến một xưởng khác. Những người thợ ấy không bao giờ có thể chịu đựng được những văn phòng làm việc bít bùng. Họ làm việc trong một môi trường mở, dưới bầu trời, và họ hoàn toàn có thể nhìn rõ những con thuyền chạy qua lạch nước mặn kề bên.

Chú Simmy, chú Oscar và ông Muncey già nua, họ không kiếm được nhiều tiền hay để lại những bất động sản có giá trị, nhưng họ đã để lại một trong những món quà quý báu nhất của cuộc sống - những chiếc tàu. Tôi thật sự tin là như vậy. Họ cũng đã ban tặng cho những người như tôi một vùng ký ức đẹp đẽ. Để hôm nay, khi đứng giữa con đường rải nhựa - nơi từng là vị trí của một xưởng đóng tàu nhộn nhịp - tôi lại thấy da diết nhớ về những ngày xa xưa. Đó là một buổi trưa tháng Tám, tôi đã đánh mất cái bánh lái của mình, và rồi một người thợ tuyệt vời đã mang nó trở lại cho tôi, và suốt từ đó, tôi cố gắng hết sức để không làm mất nó một lần nữa.

14

SỰ QUAN TRỌNG CỦA NGƯỜI ĐỒNG HÀNH

Một cô bé dáng người mảnh khảnh với mái tóc hung bay bay trong gió, lái thuyền ở Mũi Cod nhộn nhịp. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy cô bé là lúc cô đang khéo léo điều khiển thuyền ra khỏi con kênh cùng người đồng hành là cậu em trai nhỏ. Tôi có thể nghe rõ tiếng cô ra lệnh cho cậu nhóc: "Quay lại nào! Xoay thuyền về hướng có gió!" và tiếng thét lanh lảnh của cô bé mỗi khi thuyền đi ngang cơn gió, bị nghiêng đi hay lệch sang hướng khác.

Trong một buổi sáng gió thổi nhẹ, tôi đuổi theo thuyền của cô bé ra khỏi con kênh, ngày càng gần, thu hẹp khoảng cách mỗi lần đổi đường chạy. Thuyền của tôi hơi to và chạy nhanh hơn so với thuyền của cô bé. Khi chúng tôi ra đến vùng nước rộng, tôi vòng qua, "lấy" mất gió khỏi buồm của cô bé. Thuyền của cô bé mất hướng nên lắc lư, chao đảo không ngừng. Trong một lúc, tôi nghĩ rằng, thuyền của cô bé có thể bị lật úp mất. Nhưng cuối cùng, cô bé cũng lấy lại được quyền kiểm soát con thuyền, cô đứng thẳng lên cạnh bánh lái, một tay chống ngang hông, tay kia dứ dứ nắm đấm trước mặt tôi: "Quỷ tha ma bắt cậu đi! Tôi sẽ cho cậu biết thế nào là lễ độ. Hãy nhớ đấy!".

Tôi bị sốc trước phản ứng của cô bé và lấy làm bối rối vì sự trơ trẽn

của mình. "Cô bé này lẽ ra nên làm con trai thì phù hợp hơn", tôi tự nhủ. Chỉ có con trai mới có thể nguyền rủa và đong đưa nắm đấm trước mặt tôi theo cái cách như vậy. Trong khoảnh khắc đó, một ý nghĩ khôi hài vụt lóe lên trong đầu tôi: Nếu cô bé là con trai thì tôi đã không phải bối rối và luống cuống đến mức này; và cũng có thể tôi đã không nhận ra mình vừa có một hành vi không đẹp chút nào khi "cướp gió" của người khác.

Trở về sau buổi chiều hôm đó, tôi thấy cô bé còn ở chỗ neo thuyền. Lúc này, cô đang quỳ gối một mình trên khoang thuyền trước và cuộn lại sợi dây thuyền. Thu hết can đảm, tôi tiến lại gần và nói: "Cho tôi xin lỗi vì những gì đã xảy ra lúc nãy".

"Đáng lẽ cậu nên làm điều đó từ lâu rồi mới phải!". Cô bé đáp lại mà không thèm nhìn tôi lấy một cái.

"Tôi có thể làm gì để cậu bỏ qua không?"

Cô bé im lặng, mãi một lúc sau mới lên tiếng: "Cậu có thể đưa tôi đi một vòng quanh vịnh trên chiếc thuyền xinh đẹp của cậu được không? Đó là cách để cậu chuộc lỗi đấy."

Tôi hơi ngạc nhiên và không ngờ rằng việc bắt đầu câu chuyện làm quen với một người bạn khác phái lại dễ dàng đến vậy. Trước khi tôi kịp nghĩ ra một cách nào đó để đưa ra lời mời thì cô bé đã thay tôi nói lời đề nghị đó rồi.

"Ồ, tôi rất hân hạnh", tôi mau mắn đáp, không quên nở một nụ cười thật tươi.

Cô bé bước nhẹ đến bên chiếc "Nữ hoàng" của tôi. Tôi có thể nhận thấy con thuyền trở nên đằm hơn và cô bé khéo léo chỉnh phía mặt khuất gió của cánh buồm tam giác cho ăn gió. Một lúc sau, chúng tôi ra khỏi con kênh, thẳng hướng về phía vịnh. Cô bé ngồi bên cạnh tôi, phía mạn có gió. Lúc này tôi mới được biết tên cô là Sally, và cô quả là một thủy thủ đáng gờm.

"Anh chàng này tuyệt thật!", cô bé thốt lên, "Cậu có thể để tôi thử lái một lát chứ?".

"Cái gì cơ?", tôi kêu lên, không chắc là mình nghe đúng.

"Chiếc thuyền của cậu quả là một anh chàng tuyệt vời", cô bé nhắc lại, "Tôi muốn lái thử, được chứ?".

"Ý cậu là muốn lái thử cô nàng này hả?", tôi lặp lại rồi nói với

giọng quả quyết, “Sally, cậu nhầm to rồi, chiếc “Nữ hoàng” của tôi không thể là một anh chàng được!”.

“Cậu là con trai”, cô bé bảo, “và như thế đối với cậu con thuyền là một cô nàng. Nhưng tôi là con gái nên đương nhiên con thuyền là một anh chàng với tôi”.

Tôi đổi chỗ ngồi với Sally, và tự hỏi, điều gì đã đẩy mình vào tình huống thế này. Chỉ mới sau mười phút làm quen, vậy mà, với bản lĩnh của mình, cô bé đã đảo lộn mọi trật tự trong cái thế giới nhỏ bé của tôi. Con thuyền là một cô nàng, chú Simmy đã nói với tôi như vậy, thuyền trưởng cũng nói vậy, tất cả những ai đi biển tôi từng gặp cũng đều nói với tôi như thế. Thế rồi, bỗng một ngày đầy “rắc rối” như hôm nay, một cô bé mảnh khảnh và “cứng đầu” - đang ngồi trước mặt tôi đây - lại đang thuyết phục tôi tin rằng con thuyền là một anh chàng. Thật chẳng ra làm sao cả!

Tuy vậy, cô bé lại khiến tôi ngạc nhiên, xen chút nể phục, ở một điểm khác: cách cầm lái của Sally, vững chãi như một người thủy thủ từng trải cùng sóng gió (không khác gì tôi!). Cô bé hiểu cơn gió và tuân theo tiếng gọi của nó, đi theo hướng gió thổi khi cơn gió tăng tốc và giảm tốc độ ngay khi đỉnh cánh buồm chính bắt đầu no gió, và sau đó lại “cưỡi” gió một lần nữa. Tôi nghĩ mình và Sally là hai người bạn khác giới nên cả hai sẽ có những phản ứng khác nhau trước những cơn gió và sóng biển, nhưng sự thực không phải vậy.

Mùa hè năm ấy, tôi và Sally thường xuyên đi thuyền cùng nhau, và tôi vẫn cố sức thuyết phục cô bé gọi chiếc thuyền là một “cô nàng”, dù biết trước kết quả không mấy khả quan.

“Anh chàng này cần phải được cạo hàu bám dưới đáy”, Sally bảo, vẻ quan tâm.

“Không, chưa đến lúc phải cạo hàu cho cô nàng đâu”, tôi đáp, “đáy thuyền vẫn sạch mà”.

“Tớ nghĩ anh chàng sẽ chạy nhanh hơn nữa nếu đáy thường xuyên được làm sạch đấy!”

“Không đâu, cô nàng đi như thế là được rồi.”

Một buổi chiều muộn, khi chúng tôi lái thuyền về nhà với làn gió lồng lộng sau lưng, Sally chợt buột miệng nói ra cái điều mà có lẽ bấy lâu nay vẫn nung nấu trong lòng: “Chúng ta hãy tham gia đua thuyền nhé!”.

Tôi đáp: “Tớ không thích đua thuyền tí nào cả.”

“Chỉ một lần thôi mà”, cô bé nài nỉ, “tớ dám cá là chúng mình có thể thắng đấy”. Cô bé nói rằng câu lạc bộ du thuyền địa phương đang tài trợ tổ chức một cuộc đua, mở rộng cho mọi loại thuyền, hình dáng hay kích cỡ thế nào cũng được.

“Vậy ai sẽ là người điều khiển thuyền?”, tôi hỏi. Tôi không nghĩ rằng cô bé sẽ làm bạn thuyền với mình, và tất nhiên tôi chẳng ham làm bạn thuyền với cô chút nào vì tôi đã thấy rõ cái cách cô ra lệnh cho cậu em trai. Không để tôi phải mất thời gian suy nghĩ, Sally nói ngay:

“Chúng ta phải đua hai vòng quanh vịnh. Cậu sẽ điều khiển cô nàng của cậu ở vòng đầu tiên, còn tôi sẽ điều khiển anh chàng này của tôi ở vòng thứ hai. Như thế thì chúng ta không thể nào thua được!”

Nhiệt tình, háo hức như là một loại cảm xúc dễ lây lan, cuối cùng thì cô bé cũng đã làm lung lay lập trường vững chắc của tôi. Và tôi tự nhủ rằng mình sẽ chỉ đua thuyền lần này thôi, không bao giờ đua thêm lần nào nữa.

Chúng tôi ra biển trong những ngày thời tiết cam go nhất, luyện tập cách đổi hướng thuyền và làm sao để đổi hướng cắt góc an toàn nhất. Tôi trông nom buồm trong khi cô bé điều khiển lái và chúng tôi đổi chỗ cho nhau vào những lúc cần thiết. Một ngày, tôi đi thuyền với một cái buồm lớn cũ kỹ mà tôi chưa bao giờ dùng đến, và chúng tôi căng cánh buồm ấy theo chiều gió. Cánh buồm xoay đi và lôi tôi theo, gần như đẩy tôi qua khoang thuyền. Chúng tôi thay phiên nhau thử cho đến khi có thể kéo được cái buồm lên và hạ thấp phần to nhất của cánh buồm xuống mà không bị hất văng xuống biển.

Chúng tôi ra khơi sớm vào hôm thi đấu và thẳng hướng đến thuyền của hội đồng chấm giải. Các con thuyền được trang hoàng bởi những hàng cờ đuôi nheo sặc sỡ, thả neo cách bờ biển khoảng một cây số rưỡi. Tôi chưa bao giờ thấy có nhiều thuyền dập dềnh và đi lại cùng một chỗ đến như thế. Chúng đang tranh nhau hứng gió cùng một lúc. Súng nổ, cả hai đứa giật mình, năm giây sau, chúng tôi vượt qua vạch xuất phát - không phải ở vị trí tốt nhất nhưng quả thật cũng không đến nỗi tệ.

Phần lớn các thuyền đua cạnh tranh nhau ở phần cuối chặng xuôi gió - chặng lý tưởng để đạt tốc độ cao nhất. Nhưng chúng tôi chọn

cách khác.

Chúng tôi tách khỏi đám đông chen chúc và rẽ lệch qua một bên, tránh tâm gió. Chính ở phía ấy, gió thổi tự do hơn. Điều đó quả là một khó khăn, dường như là một sự thất bại đã được dự tính trước, vì chúng tôi phải đi thêm một quãng dài hơn so với các con thuyền khác để hoàn thành hành trình của cuộc đua. Nhưng không giống như họ - đang túm tụm vào nhau và tranh giành nhau từng ngọn gió, chiếc nọ cố gắng tránh khỏi đường đi của chiếc kia - thì thuyền của chúng tôi vẫn tiếp tục đạt được tốc độ cao nhất kể từ lúc bước vào chặng thứ hai.

Tôi ngồi thấp ở mạn khuất gió của con thuyền, theo cách mà thuyền trưởng dạy, với cần lái vắt qua vai, và điều khiển nó thật nhẹ nhàng giữa hai ngón trỏ và ngón cái. Tôi không nhìn thấy con thuyền nào ở cạnh xuôi chiều gió, cũng không ý thức được thời gian đang trôi đi như thế nào. Thậm chí, khi Sally hét vang bên tai tôi: "Đuổi kịp rồi, kịp rồi!", tôi cũng không quan tâm. Tôi phấn khởi không phải bởi cuộc đua mà là vì sự liên kết thần diệu giữa bản thân mình và con thuyền khi nó lướt đi trên mặt biển. Tôi lái thuyền với cảm giác hứng khởi mà trước đó tôi chưa từng biết đến bao giờ.

Chúng tôi đã hoàn thành xong ba chặng của vòng đua thứ nhất, và tôi chuyển lái cho Sally. Lần đầu tiên kể từ khi bắt đầu cuộc thi, tôi mới phóng tầm mắt ra vùng nước xanh xung quanh. Những con thuyền to hơn, nhẹ nhàng hơn đang vượt lên trước chúng tôi, và cũng có những chiếc thuyền nhỏ, chậm hơn thì ở lại sau chúng tôi. Nhưng điều đó chẳng có gì ghê gớm cả, bởi con thuyền được giải không phải là con thuyền đầu tiên cán vạch đích. Chúng tôi không thi đấu với những con thuyền khác, mà thi đấu cùng với thời gian, nói theo cách khác, nghĩa là chúng tôi đang thi đấu với chính bản thân mình.

Sally điều khiển con thuyền cũng theo cái cách tương tự như tôi, tận dụng rất tốt sức gió, vượt lên, bị tuột lại sau, rồi lại vượt lên, không bao giờ bỏ phí một chút đà nào. Nhìn cô bé đang khéo léo dịch chuyển bánh lái, tôi có cảm giác như chúng tôi đã gắn bó với nhau từ rất lâu rồi. Tôi không biết cơ duyên nào đã cho tôi được gặp Sally, để hôm nay, hai đứa được cùng đứng chung sau một bánh lái, cùng hướng đến một mục tiêu phía trước trong cùng một khoảnh khắc quý giá.

Cuối cùng, chúng tôi cũng đã kết thúc chặng thứ ba của vòng đua cuối. Sally lái thuyền đi vòng quanh, đợi con thuyền cuối cùng cập

bến rồi mới buộc dây thuyền vào bến. Trên khoảng sân rộng phía trước Câu lạc bộ đua thuyền, các thủy thủ tập trung lại, chờ hội đồng chấm giải công bố kết quả. Sally rất háo hức, tôi cũng vậy, mặc dầu luôn làm ra vẻ mình không quan tâm. "Tớ nghĩ hai chúng ta đã làm rất tốt", cô bé nói.

"Tớ không biết", tôi nhún vai. "Phải đợi xem kết quả ra sao đã!".

Cuối cùng thì hội trưởng hội thuyền đua cũng xuất hiện. Ông ta diện một cái mũ lưỡi trai lạ mắt có dải viền màu vàng, với áo cộc tay màu xanh nước biển có những cái nút bằng đồng thau, cùng chiếc quần lửng bằng vải lông dày màu trắng dành cho thủy thủ. Hội trưởng một tay cầm mảnh giấy, tay còn lại cầm loa và bắt đầu thông báo tên những con thuyền cán đích trước nhất. Chúng tôi không về nhất. Danh dự đó thuộc về một chiếc thuyền đua nhẹ loại R. Con thuyền này đã thắng cuộc nhiều lần trong các năm trước đó. Chúng tôi cũng không đứng thứ hai. Đó là phần thưởng dành cho con thuyền Narrasketuck, một trong những loại thuyền mới nhất vừa được sản xuất. Khi tên chiếc tàu cuối cùng trong danh sách đoạt giải sắp sửa được xướng lên thì chúng tôi gần như không còn hy vọng gì nữa. Nhưng thật bất ngờ, tôi nghe rõ tiếng vị hội trưởng vang lên dõng dạc: "Và vị trí thứ ba đã thuộc về thuyền đua "Nữ hoàng". Xin chúc mừng!". Là thuyền của chúng tôi, chính là chúng tôi!

Thực lòng mà nói, đó không phải là phần thưởng mà tôi mong đợi, nhưng như thế cũng là quá đủ. Hân hoan trong niềm vui chiến thắng, tôi và Sally ôm chầm lấy nhau, nhảy vòng quanh trên bến tàu. Thật không ngờ hai chú lính mới vào nghề trên con thuyền màu xanh đã giành được chiến thắng trong số 30 (mà cũng có thể hơn) con thuyền tham gia cuộc thi này. Chúng tôi đã nhanh hơn tất cả, chỉ trừ có hai chiếc.

Có nhiều lý do để thuyền của chúng tôi giành được chiến thắng. Nhưng tôi tin rằng sự đồng tâm hiệp lực của tôi và Sally cũng như kinh nghiệm điều khiển thuyền không phải là những nhân tố chủ yếu làm nên thành công. Chính con thuyền mới là động lực chính giúp làm nên chiến thắng. Anh chàng (hay cô nàng?) này đã dạy cho chúng tôi cách đối xử với nhau như thế nào. Bằng việc lái thuyền cùng nhau, chúng tôi đã hiểu nhau hơn, cũng như hiểu chiếc thuyền của mình hơn. Là một thủy thủ thiếu kinh nghiệm nên khi điều khiển chiếc "Nữ hoàng", tôi luôn ép nó phải phục tùng mệnh lệnh của mình. Tuy nhiên, không phải mọi chuyện lúc nào cũng suôn sẻ. Nhiều lúc, con thuyền tỏ rõ sự phản kháng để chỉ ra cái sai của tôi, và nếu như tôi muốn hợp tác cùng nó thì phải

thực sự hiểu nó.

Còn với Sally, tôi không biết cô bé rút ra được những bài học gì khi đi thuyền, nhưng tôi đoán rằng chúng nằm trong ý nghĩa phong phú của từ "anh chàng". Có thể đối với cô bé, con thuyền là một người bạn mạnh mẽ, kiên cường trước mọi sóng gió, là kết tinh của mọi sự sáng tạo nghệ thuật. Vì vậy, hơn ai hết, Sally hiểu rất rõ rằng không nên chỉ trích những nhược điểm của con thuyền mà cần yêu quý nó.

Lúc đó, tôi còn quá ngô nghê để hiểu được điều này, nhưng giờ đây tôi đã biết: trong con thuyền có cả sức mạnh của người đàn ông và tâm hồn của một phụ nữ. Quả là rất khó để phân biệt giới tính rõ ràng trong trường hợp này. Với tôi, con thuyền là một cô nàng dịu dàng, nữ tính, còn với Sally, nó là một anh chàng cứng cỏi, mạnh mẽ.

Thế giới luôn thay đổi từng ngày, nhưng xã hội nói chung không bao giờ chịu thừa nhận rằng phụ nữ có những yếu tố mạnh mẽ của một đấng nam nhi và trong người đàn ông cũng có sự dịu dàng của người phụ nữ. Sự phiền phức bắt đầu khi người đàn ông chối bỏ sự yếu mềm trong bản thân mình và người phụ nữ không thừa nhận sự mạnh mẽ bên trong họ. Tôi nghĩ mình và Sally thật may mắn, bởi cả hai đã hoàn toàn thoát ra được sự rập khuôn sáo rỗng đó và tự do lái thuyền theo cách của mình.

Gió thổi nhẹ lúc đầu và sau đó mạnh lên khi vầng dương nhô cao trên nền trời và sưởi ấm mặt đất. Chúng tôi lướt đi trong cái nóng oi ả của ngày hè, tập trung sức lực vào con thuyền mang sức mạnh của hai nửa thế giới mà chúng tôi đang điều khiển. Sau lần đua ấy, tôi đã giữ lời, không bao giờ đua thuyền thêm một lần nào nữa. Nhưng những khoảnh khắc đáng nhớ của cuộc đua ngày hôm đó vẫn đong đầy trong tâm trí tôi vào những đêm thao thức.

Khi viết lại câu chuyện này tôi rất muốn kể cho các bạn nghe một điều gì đó lãng mạn hơn tình bạn giữa tôi và Sally. Nhưng rất tiếc điều đó đã không xảy ra. Chúng tôi chỉ là những người bạn tốt của nhau, cùng đi xem chung vài bộ phim và rủ nhau đến các buổi khiêu vũ ở trường học. Chúng tôi chưa bao giờ có vẻ gì là một đôi bạn "đặc biệt", có thể vì ngay từ ban đầu, tình bạn của hai đứa đã chớm nở theo cách khác thường: một cuộc gây gổ trên biển. Nhưng cũng từ sự khởi đầu bất thường đó, một tình bạn đẹp đã hình thành giữa chúng tôi.

Vào mùa đông năm đó, cô bé đã cùng gia đình chuyển đến một thị

trấn khác. Trong thời gian đầu, chúng tôi có thư từ qua lại, nhưng sau đó, ai nấy đều bận rộn với cuộc sống riêng của mình nên không còn liên lạc với nhau nữa. Trong thâm tâm, tôi rất muốn một ngày nào đó sẽ được gặp lại Sally chỉ để nói rằng, sau nhiều năm, tôi đã nhận ra rằng cô bé đã đúng. Con thuyền có thể là một cô nàng, cũng hoàn toàn có thể là một anh chàng. Nhưng tôi dám khẳng định một điều, con thuyền không bao giờ là một vật vô tri vô giác.

15
TẦM NHÌN VÀ CẢM QUAN

"Sự khác nhau giữa gió thực và gió biểu kiến là gì?", một người suýt trở thành bạn tôi đã hỏi như thế. Đó là một thằng nhóc tên Carlton Oldfield. Nó không phải hỏi theo kiểu muốn hiểu biết thêm mà như là muốn kiểm tra kiến thức của tôi và tôi chắc rằng nó đã thuộc nằm lòng câu trả lời đó rồi.

Tôi trả lời: "Tớ không biết!". Nó liền chớp lấy cơ hội tuôn ra một tràng những vấn đề thâm thúy kiểu như nguyên tắc Bernoulli hay lý thuyết bay. Nó giảng giải cho tôi nhiều như thể nó đã từng làm chủ một chiếc thuyền vậy, nhưng theo tôi được biết thì thằng nhóc thậm chí không có lấy một chiếc thuyền nào của riêng mình, và trong cuộc đời nó chưa từng ra biển lấy một lần. Những mớ kiến thức về hàng hải mà nó biết được lôi ra từ một quyển sách trong thư viện công cộng, và nó bắt chuyện với tôi cốt để phô trương sự hiểu biết của mình.

Carlton hỏi tiếp: "Sự khác nhau giữa cạnh buồm và mép trước của cánh buồm là như thế nào?".

Tôi biết cạnh buồm là cạnh bên trong của cánh buồm, chạy dọc theo thân cột buồm, còn mép buồm là cạnh bên ngoài cánh buồm, cũng chính là cạnh huyền của lá buồm hình tam giác. Tuy nhiên tôi không thể phân biệt chính xác cái nào là cái nào.

“Carlton”, tôi hơi gằn giọng, “tớ không biết”. Và tôi muốn nói thêm với nó rằng tôi chẳng cần quan tâm tới điều đó, nhưng tôi đã chậm hơn nó một bước. Cái miệng của nó say sưa giải thích và tôi chẳng còn cơ hội để thốt ra lời nào nữa.

Một lần khác Carlton lại hỏi: “Hãy nói cho tớ biết góc nào là tốt nhất để nghiêng cột buồm về phía sau?”.

“Tớ không quan tâm đến góc nghiêng của cột buồm”, tôi đáp, cố giấu vẻ bực dọc.

“Cậu nên xem xét góc nghiêng cột buồm là bao nhiêu”. Thằng nhóc tiếp tục lải nhải. “Cậu có thể tiến lên xuôi chiều gió nhanh hơn rất nhiều nếu cậu nghiêng cột buồm nhiều thêm một chút về phía đuôi thuyền.”

Sau những lần chạm trán chẳng có gì là thú vị ấy, tôi cố tránh mặt Carlton, nhưng hình như thằng nhóc luôn theo dõi tôi thì phải. Khi bước lên thuyền để căng buồm, tôi đã thấy nó ngồi vắt vẻo bên bờ vịnh, hai chân đong đưa. Như thể nó đang chờ tôi. Và tôi biết rằng Carlton muốn tôi mời nó lên thuyền lắm lắm, nhưng tôi chẳng dại gì làm như thế. Tôi nhổ neo, bỏ lại Carlton lúc này đang đứng trên bờ vịnh với vẻ mặt trông thật đáng thương.

Một buổi sáng, nó chắn ngang trước mặt tôi trước khi tôi kịp bước lên thuyền.

“Đoán xem tớ có chuyện gì sắp kể cậu nghe nào?”

Tôi trả lời: “Tớ không biết!”.

“Tớ có một con thuyền”, nó nói, giọng hí hửng.

Tôi khá ngạc nhiên trước tin này. Lâu nay, tôi vẫn nghĩ là Carlton chỉ muốn tìm hiểu về thuyền chứ không muốn học cách lái thuyền.

Tôi hỏi: “Loại nào thế?”

“Một chiếc bằng sợi thủy tinh.”

Thuyền bằng sợi thủy tinh là loại thuyền mới xuất hiện trên thị trường. Tôi chưa từng lái loại thuyền này bao giờ nhưng đã có một thành kiến chẳng mấy tốt đẹp với chúng. Ý tưởng làm thuyền bằng sợi thủy tinh thật lạ lùng, khiến tôi nghĩ những người tạo nên chúng thật điên rồ. Đã là thuyền thì tất nhiên phải được làm

bằng gỗ chứ!

Không đọc được những suy nghĩ trong đầu tôi nên Carlton nhìn tôi với vẻ mặt đầy hy vọng. Tôi chắc rằng thằng nhóc đang chờ đợi ở tôi một phản ứng nhiệt tình trước cái tin sốt dẻo đó. Nhưng khi thấy tôi không có biểu hiện gì, nó nói thêm: "Bố tớ bảo thuyền bằng sợi thủy tinh chạy tốt và bền hơn rất nhiều lần so với thuyền làm bằng gỗ đấy!".

À, thằng nhóc này đang lấy bố nó ra hòng làm tôi tin vào câu chuyện của nó đây! Tôi không thể bác đi lời của bố Carlton, và theo như tất cả những gì tôi biết thì cũng có thể thằng nhóc đúng. Thật khủng khiếp khi nghĩ đến một ngày nào đó, những con tàu bằng gỗ sẽ phải nhường bước trước những con tàu bằng sợi thủy tinh, lặng lẽ chịu một kết cục bi đát: mục nát trong các bãi rác công nghiệp.

"Cậu có thuyền lâu chưa?", tôi hỏi.

"Ba tuần trước."

"Con thuyền chạy tốt chứ hả?"

Sau một thoáng do dự, Carlton trả lời: "Tớ không biết, tớ chưa từng lái thử nó bao giờ".

"Cậu muốn nói rằng cậu có con thuyền bằng sợi thủy tinh của riêng mình đã ba tuần rồi mà chưa từng một lần thử lái nó ư?"

"Bố tớ bảo tớ cần một ai đó để đi cùng với tớ trên biển. Một ai đó có kinh nghiệm ấy."

Nghe Carlton bảo vậy, thật tình tôi chẳng có chút hứng thú nào khi nghĩ đến việc mình sẽ đi thuyền cùng nó. Nếu Carlton muốn tôi dạy nó cách điều khiển thuyền thì nó phải mở miệng nhờ vả tôi chứ. Tự dưng nghĩ đến đây, tôi bỗng thấy vui hẳn lên. Carlton sẽ phải tự mình cởi bỏ lớp vỏ ngụy tạo về những kiến thức hàng hải trước mặt tôi. Thằng nhóc sẽ không thể ra khỏi mũi đất này nếu không có sự giúp đỡ của tôi.

"Tớ nghĩ rằng, ờ... Cậu có thể đi với tớ được không?"

Carlton quả là một kẻ khó ưa, luôn luôn khó ưa. Bởi nó đã bắt tôi phải chờ một lúc lâu mới lên tiếng nhờ vả. Một phần do khá tò mò về chiếc thuyền bằng sợi thủy tinh của Carlton - tôi muốn tự mình kiểm nghiệm xem con thuyền sẽ hoạt động theo nguyên lý nào -

nhưng phần lớn là tôi muốn trả đũa thằng nhóc, tôi muốn có cơ hội sai bảo Carlton như cái cách mà nó đã huênh hoang với tôi - nên tôi gật đầu.

“Được rồi”. Tôi nói. “Nhưng không phải là hôm nay.”

“Thế bao giờ?”

“Mai nhé?”

“Được thôi. Mai tài xế của tớ sẽ đến đón cậu lúc 10 giờ.”

“Tài xế của tớ”? Thằng nhóc đang nói cái gì thế không biết. Tôi cười thầm nhưng cũng không tránh khỏi thắc mắc. Ý Carlton là gì nhỉ? Lẽ nào một thằng nhóc tí tuổi đầu như nó mà có cả xe hơi riêng ư? Cho đến khi chiếc Cadillac dài màu đen trờ tới trước cổng nhà tôi vào buổi sáng hôm sau thì tôi mới tin là Carlton không nói dóc.

Carlton ngồi ở băng ghế sau, nét mặt trông chẳng có vẻ gì là phấn khởi cả, vẫn như cái ngày tôi lái thuyền ra khơi và bỏ lại nó một mình trên cầu tàu. Cho đến khi chúng tôi đi dọc con đường lát đá xanh dẫn đến ngôi biệt thự Tudor hết sức ấn tượng trông ra vịnh, tôi vẫn chưa hết sững sờ trước khám phá mới của mình: nhà Carlton giàu có đến mức tôi không thể tưởng tượng nổi. Chốn này trông giống một lâu đài hơn là một ngôi nhà. Thực ra, tôi cũng đã từng vài lần đi ngang qua đây và luôn tự hỏi xem những ai đang sống trong tòa lâu đài này, nhưng có ngờ đâu chính là nhà của thằng nhóc hợm hĩnh Carlton.

Tài xế thả chúng tôi ở sân sau, nơi được bao quanh bằng con lạch nước mặn khá sâu được nạo vét cẩn thận. Thứ đầu tiên mà tôi nhìn thấy là chiếc du thuyền có ca bin. Con thuyền dài ít nhất mười hai mét, đang neo bên bờ vịnh, trên đó một thuyền trưởng mặc đồng phục đang đánh bóng những thứ đồ bằng đồng. Trong khoang thuyền chừng sáu, bảy người lớn đang tụ tập quanh cái bàn cười cười nói nói và chơi đánh bài.

“Đây là thuyền của cậu à?”, tôi hỏi Carlton, với ý là “Liệu con thuyền có phải của gia đình cậu không?”.

“Ồ, không”. Thằng nhóc trả lời. “Con thuyền đó là của bố tớ.”

“Vậy thuyền của cậu đâu?”

“Đằng kia”, Carlton chỉ về phía ngôi nhà thuyền.

Tuyệt thật, tôi nghĩ. Đối với tôi, việc đẩy một con thuyền vào nhà thuyền cũng thú vị như việc mặc áo len cho một chú chó vậy.

Chúng tôi đưa con thuyền ra khỏi nhà thuyền, buộc nó vào một cái giằng ở cuối bến, hướng vào cơn gió và ngắm nghía hồi lâu cái thân thuyền được đúc liền một mảnh. Con thuyền dài cỡ sáu mét, với những đường nét hài hòa đến kinh ngạc, và nó có tấm ván chống trôi dạt thay vì cái sống thuyền. Và thật khó để tôi có thể kết luận rằng con thuyền này khác với chiếc "Nữ hoàng" màu xanh của tôi khi đi biển như thế nào.

Tôi lôi lá buồm ra khỏi cái túi đựng và ném phịch xuống đất. Tôi bảo Carlton buộc chiếc buồm tam giác vào dây buộc buồm mũi khi tôi đang trượt lá buồm chính trên sào căng buồm và cột buồm. Khi đã hoàn thành việc của mình, tôi liếc về phía chiếc du thuyền và thấy một người đàn ông cao gầy đang trèo ra khỏi mạn tàu, thủng thẳng đi về phía chúng tôi. Ông ta đi ngang qua bãi cỏ được cắt tỉa cẩn thận, từng bước từng bước khoan thai như thể người đàn ông đó biết chính xác nơi mình cần đến nên không vội vàng làm gì.

Khi ông ta đến gần, tôi có thể nhìn rõ ông ta hơn. Ông mặc một chiếc áo lụa màu xanh với chiếc quần thủy thủ vải bông dày màu trắng. Mái tóc màu ghi được chải tỉ mỉ vắt xuống sau tai. Tôi cảm thấy da dẻ ông ta cũng mềm mại như cái áo đang mặc, nhưng hai mắt thì trũng sâu lại. Khi người đàn ông đó tiến dần đến bờ vịnh, Carlton bỗng trở nên mất tự nhiên.

"Đây là bố tớ", Carlton bối rối giới thiệu rồi lại chỉ về phía tôi: "Và đây là....". Nhưng quá lúng túng, nó không thể nhớ nổi tên tôi.

Bố Carlton ném cho tôi một cái nhếch mắt kiểu cách rồi bảo: "Carlton và chú rất vui vì cháu đã đồng ý dạy nó đi thuyền". Và không để tôi kịp đáp lời, ông ta đã quay lưng, dời gót trở lại chiếc du thuyền cũng vẫn với dáng vẻ khoan thai như trước đó. Từ nhỏ đến giờ tôi chưa gặp một người lớn nào nói chuyện với tôi theo cái cách như thế. Tôi đã bị trách móc, cảnh báo, từng được ca tụng, tán dương nhưng tôi chưa bao giờ nói chuyện với một người mà dường như với họ, tôi không đáng để bận tâm như vậy.

Tôi chợt thấy ngượng ngùng, nhưng không phải cho mình mà là cho Carlton. Khi quay lại, tôi thấy nó đang đánh vật với cái dây lèo của cánh buồm tam giác, cố gắng buộc nó vào đầu cánh buồm, hai gò má đỏ ửng lên. Công việc khá là đơn giản nhưng Carlton lại không làm được, có vẻ như thằng nhóc chưa hết bối rối. Những lời

của bố Carlton vẫn còn phảng phất bên tai, và ý đồ của ông ta thể hiện khá rõ. Rõ ràng ông ta muốn hạ nhục con trai mình trước bạn nó, và ông ta đã thành công mà không cần phải bỏ ra nhiều công sức.

Vài phút sau, tôi nghe thấy tiếng gầm gào của hai chiếc chân vịt từ chiếc du thuyền sang trọng phía bên kia. Trên boong, thuyền trưởng đang túm các mối dây buộc lại và khéo léo xoay thuyền quanh trục ngang ở trung tâm con lạch và thẳng hướng ra vịnh. Ông ta rồ máy, tạo ra một lằn nước khổng lồ, và tôi phải dùng hết sức để tránh không cho con thuyền của chúng tôi bị sóng nước xô vào cầu tàu. Khi con thuyền máy đi ngang qua, tôi thấy bố Carlton đang nằm trên cái nệm sang trọng trong khoang lái, mặt ngước lên nhìn trời.

Từ cuộc chạm trán bất chợt với ông bố, tôi đinh ninh rằng thế nào cậu con trai cũng bớt hống hách đi một chút, nhưng không phải vậy. Ngược lại, Carlton dường như càng lúc càng ngông cuồng hơn. Thằng nhóc yêu cầu được cầm cần lái và đổi hướng thuyền để được bung ra khỏi con lạch nhỏ bé, trong khi tôi điều khiển những lá buồm. Nhưng Carlton chẳng làm nên trò trống gì cả, cuối cùng nó đành phải chuyển bánh lái cho tôi khi chúng tôi đi theo đường zíc-zắc về phía vịnh. Tôi cố gắng dạy Carlton những kỹ năng lái thuyền cơ bản nhưng khả năng của nó thật hạn chế. Dường như nó không hiểu được mối liên hệ mật thiết giữa cơn gió và cánh buồm là như thế nào.

Tôi căng buồm về phía cái phao màu đỏ, cách đất liền nửa dặm và giao bánh lái lại cho Carlton. Thằng nhóc bẻ lái chệch hướng, lắc lắc cái cần lái về trước rồi lại ra đằng sau, làm cho cánh buồm chính căng quá mức. Sau khi đã làm mất tốc độ, nó hét to: "Chú ý, sắp đổi đường chạy. Xoay thuyền về hướng có gió!" mà chẳng vì lý do nào cả, rồi sau đó cố gắng cắt ngang cơn gió. Không có đà, con thuyền bị rơi vào "vòng xiềng xích" và trôi dạt về phía sau. Đứng trước tình cảnh đó, Carlton chẳng có vẻ gì là sợ hãi cả, nó lắc lắc cần lái một cách vô tội vạ để con thuyền có thể tiếp tục di chuyển.

Sau một vài lần như vậy, tôi bắt đầu mất kiên nhẫn: "Xoay hướng cho buồm chính chặt lại", tôi nói như ra lệnh, "làm cho con thuyền nghiêng đi và sau đó đổi chiều!". Carlton ngoan ngoãn nghe theo sự chỉ dẫn của tôi. Thằng nhóc xoay cánh buồm xa hết mức có thể, và khi thuyền bị nghiêng đi thì nó lập tức rập mạnh cái cần lái qua khoang. Con thuyền xuyên vào cơn gió, khựng lại đột ngột và đứng im ở đó như thể mười con ky bowling đang chờ quả bóng lăn đến.

“Hãy nới rộng cánh buồm! Nới rộng buồm ra!”, tôi hét to. Nhưng lời cảnh báo của tôi đã quá muộn. Cơn gió giật mạnh đập vào cánh buồm với một lực rất lớn, khiến con thuyền bị nghiêng và cánh buồm chạm mặt nước. Sau đó con thuyền cố hết sức vươn mình thẳng dậy, nhưng cánh buồm đã bị ướt và trở nên nặng trĩu lại kéo nó xuống, con thuyền tiếp tục bị nghiêng. Nước biển tràn vào khoang, vào buồng lái làm con thuyền hết lắc sang bên này lại ngả về bên kia, sống thuyền phơi ra và cột buồm bị chìm xuống nước.

Tôi trèo lên phía trên mũi thuyền, một nơi hoàn toàn khô ráo, nhưng Carlton thì đã bị rơi xuống nước. Nó cố bám vào cánh buồm chính, như thể đang bám vào phao cứu sinh vậy. Thằng nhóc thở hổn hển trước những con sóng đang chực chồm qua đầu mình.

“Cậu có biết bơi không? Biết bơi chứ hả?”, tôi hỏi to. Không, đó không hẳn là một câu hỏi mà như là một lời cầu xin thì đúng hơn.

“Không!”, Carlton trả lời.

“Trời đất ơi, thằng nhóc có thể sẽ chết chìm mất thôi!”, tôi thầm nghĩ.

Tôi quỳ trên mép thuyền, vẫy tay một cách điên cuồng, hy vọng có thể thu hút được sự chú ý của một con thuyền nào đó đi ngang qua. Và may mắn thay, tôi thấy một chiếc thuyền du lịch có cabin đang tiến về phía chúng tôi. Đó chính là chiếc du thuyền của bố Carlton.

Vài phút sau, chúng tôi đã được an toàn trên chiếc thuyền du lịch. Carlton cuộn mình trong chăn, run rẩy. Về phần mình, không hiểu bằng cách nào đó mà tôi lại có thể thoát được mà đến giày cũng không mảy may bị ướt.

Ông Olfield - bố của Carlton - đang dựa vào thành cabin, cái ống nhòm lủng lẳng trước ngực.

Tôi cho là ông ta đã chứng kiến toàn bộ ai nạn này từ xa.

“Được đấy!”, cuối cùng, ông ta cũng lên tiếng. “Bố không ngạc nhiên, thực sự không hề ngạc nhiên chút nào cả. Bố cho rằng bây giờ con run đến sắp chết vì lạnh rồi đấy nhỉ?”

“Không phải lỗi của con!”. Carlton gào lên và chỉ ngay về phía tôi: “Nó bảo con phải chỉnh hướng lại cánh buồm. Nếu nó không bảo con làm vậy thì chúng con đã không bị lật úp rồi”. Nhưng lúc ấy,

ông Oldfield đã phóng tầm mắt về một nơi xa xăm nào đó ngoài mặt nước, như thể ông ta không muốn mình bị quấy rầy thêm nữa.

Sau đợt đi thuyền đó, tôi và Carlton không đi chung với nhau lần nào nữa nhưng tôi thường xuyên thấy con thuyền bằng sợi thủy tinh của nó lênh đênh trên vịnh. Dường như thằng nhóc đã học được ở đâu đó cách lái thuyền mà không bị lật úp, và tôi cũng nhận thấy rằng bất cứ khi nào nó lái thuyền, chiếc du thuyền của bố nó thể nào cũng lượn lờ ở đâu đó xung quanh. Tôi nhớ tới hình ảnh ông Oldfield trên chiếc thuyền du lịch có cabin, trông chừng cậu con trai qua cái ống nhòm, chờ xem nó có làm gì sai trái không. Và tôi lại nghĩ về hình ảnh tương phản của Carlton, sở dĩ nó nỗ lực điều khiển con thuyền là vì muốn được nhận những lời tán dương của bố, chứ thực ra Carlton chưa bao giờ muốn học lái thuyền.

Thời gian trôi đi, lời nhận xét của ông Oldfield đã thành sự thật. Những thân thuyền bằng sợi thủy tinh ngày ngày vẫn tung hoành ngang dọc trên mặt biển như chứng tỏ sự dẻo dai của nó trong khi những thân thuyền bằng gỗ đã mục nát. Các con thuyền mới luôn có nhiều lợi thế, vì nó nhẹ hơn, khỏe hơn, dễ điều khiển hơn đồng thời cũng đa dạng hơn về hình dáng lẫn mẫu mã, có thể đáp ứng được thị hiếu và nhu cầu ngày càng kiểu cách của con người.

Chứng kiến sự phát triển vượt bậc của công nghệ đóng tàu thuyền, nhưng không hiểu sao những định kiến của tôi về con thuyền được chế tạo từ sợi thủy tinh vẫn còn. Và sau đó, phải mất một thời gian khá dài tôi mới lại đặt chân lên chiếc thuyền có thân bằng sợi thủy tinh lần thứ hai.

Ngày nọ, cậu bạn tôi mua một chiếc thuyền bằng sợi thủy tinh ở Connecticut, và nhờ tôi giúp anh ta lái thuyền đi quanh vịnh Đại Nam. Thật ngạc nhiên, anh ta điều khiển thuyền khéo hơn tôi tưởng; đây quả là một thủy thủ có tiềm năng. Chúng tôi đi ngang vịnh Block Island, qua khe Plum và trong khi chúng tôi đang đi quanh vùng nước phẳng lặng của vịnh Peconic, tôi kể cho anh ta nghe về Carlton Oldfield, và cái ngày mà chúng tôi bị lật úp trên con thuyền bằng sợi thủy tinh.

Và anh ta phì cười ngay khi câu chuyện chưa kết thúc, cứ như là tôi đang kể một câu chuyện tiếu lâm cho anh ta nghe vậy. Và khi kể lại câu chuyện này, tôi đã nhận ra chính xác điều gì làm tôi thấy khó chịu với Carlton sau ngần ấy thời gian. Tất nhiên đó không phải vì việc chiếc thuyền của Carlton được làm từ những vật liệu

nhân tạo. Lại càng không phải vì Carlton là một kẻ hống hách, một con người buồn tẻ luôn sống trong sự xa hoa, vương giả. Tất nhiên cũng không phải vì thằng nhóc là một "gã đi biển tay mơ" - một cái tên tồi tệ nhất mà hồi nhỏ tôi vẫn nghe các thủy thủ dùng khi muốn dè bỉu nhau.

Đó là vì Carlton luôn cố gắng phô bày sự oai phong của mình trước biển cả nhưng nó đã hoàn toàn thất bại. Carlton nghĩ đơn giản rằng nếu nó cầm bánh lái trên một con thuyền làm bằng vật liệu nhân tạo - sợi thủy tinh, thay vì bằng cây tuyết tùng hay cây sồi, thì nó có thể sẽ trở thành một thủy thủ tài năng. Nó không hiểu rằng, để có được sự khâm phục của người khác - thứ mà Carlton đang khao khát - nó phải thể hiện mình qua tài điều khiển thuyền chứ không phải việc nó có được chiếc thuyền "cáu cạnh" đến nhường nào.

Tuy nhiên, cũng phải thú nhận một điều rằng câu hỏi mà Carlton nêu ra, và tôi đã không trả lời được, đã ám ảnh tôi một thời gian dài sau đó. Một hôm, cũng khá lâu sau cái lần bị lật thuyền, tôi đến hỏi thầy giáo dạy Vật lý ở trường trung học. Thầy cũng từng là một thủy thủ. Tôi muốn hỏi xem thầy đã bao giờ nghe nói đến nguyên lý Bernoulli chưa. Ngay sau đó, tôi đã có câu trả lời rằng đó là một định luật nghiên cứu sự vận động của chất lưu - chất lưu di chuyển càng nhanh khi áp suất càng thấp. Ở phía đầu máy bay, không khí di chuyển nhanh hơn phía đuôi cánh, như thế mới có thể nâng máy bay lên. Và điều này cũng được áp dụng để giải thích với tàu thuyền. Không khí cuộn nhanh phía sau buồm chính, tạo ra lực đẩy giúp con thuyền tiến lên phía trước.

"Có một loại gió gọi là gió thực", thầy tiếp tục giảng giải cho tôi, "là loại gió mà chúng ta có thể cảm nhận được khi con thuyền đang neo hay ở bến đậu. Và cũng có loại gió gọi là gió biểu kiến, nó là sự kết hợp của cả hai loại gió trên: Loại gió thực và loại gió mà con thuyền tạo ra khi nó đang đi trên biển. Người thủy thủ nào có khả năng sẽ lái thuyền theo gió biểu kiến".

Đó là những kiến thức hết sức kỳ thú mà tôi chưa từng được biết đến trước đó. Vì thầy là một giáo viên giỏi, nên những gì thầy truyền lại tôi hoàn toàn có thể yên tâm học hỏi.

Không biết cuộc sống của Carlton có xảy ra bất trắc gì nữa không, nhưng tôi chưa bao giờ đặt niềm tin vào Carlton, với tôi, nó vẫn mãi là một đứa trẻ không bao giờ lớn lên, và trong đời mình, tôi đã gặp nhiều người như thế. Tôi dám chắc rằng Carlton sẽ không bao giờ dám thực hiện những việc mình muốn làm mà chỉ biết răm

rắp tuân theo sự điều khiển của ông bố - một ông bố lúc nào cũng theo dõi sát sao con mình như thể muốn khống chế sự tự do của nó.

Trong suốt cuộc đời mình, những tiếng nói mà Carlton luôn nghe theo có thể không phải chỉ của một mình ông bố, mà tôi tin rằng đó còn là của sếp, đồng nghiệp, thậm chí của vợ cậu ta nữa - những người luôn xem xét đánh giá cậu ta. Và trong đầu Carlton lúc nào cũng tồn tại suy nghĩ rằng những con người kia luôn chăm chắm bất kỳ hành động nào của mình. Thế là cậu ta nỗ lực hết mình chỉ để nhận lấy sự khâm phục từ mọi người. Cậu ta gò mình vào những khuôn mẫu được xem là chuẩn mực: sống cuộc sống vương giả, xa cách với hàng xóm láng giềng, đi lễ nhà thờ vào mỗi Chủ nhật, diện những bộ cánh sang trọng đắt tiền, lo cho con cái theo học ở những ngôi trường tốt nhất.

Tất nhiên Carlton cũng sẽ sắm một chiếc thuyền khác, nó có thể to hơn, đẹp hơn và chạy nhanh hơn con thuyền bị lật úp ngày nào. Nhưng tôi cho rằng, dù đã đủ lớn để có thể làm chủ cuộc đời mình nhưng Carlton không bao giờ có lấy một chút tự tin nào ở bản thân. Và khi cầm lái, thể nào cậu ta cũng sẽ gặp vấn đề khi đi cùng với cơn gió. Cậu ta luôn tìm kiếm, tìm kiếm không ngừng cảm giác an toàn khi đi theo chiều gió nhưng sẽ chẳng bao giờ có thể tìm được nơi nào thực sự cho cậu ta cái cảm giác như đang được ở nhà.

Tôi thực sự cảm thấy tiếc cho Carlton Oldfield, nếu như có dịp gặp lại cậu ta lần nữa, tôi sẽ nói với Carlton duy nhất một câu: “Hãy để cho bản thân mình tự do!”. Tôi biết rằng có những ông bố luôn để con trai mình tự do, và có những người mẹ luôn cho phép con gái mình làm theo những gì nó muốn. Nhưng tôi cũng biết rằng điều đó rất hiếm khi xảy ra, vì những bậc làm cha làm mẹ luôn luôn dõi theo con cái mình bằng tất cả sự kiên nhẫn, như thể họ có quyền điều khiển cuộc đời của con cái họ ngay từ lúc chúng ra đời. Và trách nhiệm ấy được di truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác mà không cần biết rằng bất kỳ ai được sinh ra trong cuộc đời này cũng đều có một khả năng tiềm ẩn, một sức mạnh bên trong để tự mình giải quyết được những khúc mắc trong cuộc sống.

16

HỌC HỎI NHỮng NGƯỜI ĐI TRƯỚC

Một ngày mùa hè, tôi ngồi trong chiếc lều của một người bạn. Cái lều trông ra Mũi Cod với những chiếc thuyền hai buồm nhỏ xíu nằm rải rác. Làn gió thổi đến từ hướng Bắc lúc mạnh lúc yếu. Tôi đang nhìn về phía con trai tôi, thằng bé còn trong độ tuổi vị thành niên, chưa từng lái thuyền trước đó, đang tập lái chiếc Sunfish bé tí ở giữa hồ. Cánh buồm của nó mới chỉ được kéo lên khoảng hai phần ba cột, khiến cái sào căng buồm treo thõng xuống, và cứ đong đưa qua đầu thằng bé mỗi khi nó xoay thuyền hay bẻ lái cắt góc một cách nguy hiểm.

Với cặp mắt tinh nghề, tôi chắc rằng thằng bé sẽ lái tốt hơn nếu nó chịu kéo cái buồm lên sát đỉnh cột, nhưng tôi cố kìm mình để không nói với nó điều đó. "Phải để nó tự học. Tự nó sẽ học lấy điều đó". Dù đã cố nhẩm đi nhẩm lại hàng chục lần câu nói này nhưng tôi vẫn thấy bồn chồn vì lo lắng. Và mắt tôi tuy vẫn chăm chăm vào những dòng chữ trong quyển sách trước mặt nhưng tâm trí thì lại cứ hướng về chiếc Sunfish đang loạng choạng trên mặt hồ.

Cánh buồm chệch hướng của thằng bé làm tôi cảm thấy lo lắng, đúng là một thiếu sót ngớ ngẩn. Tôi không muốn con trai mình đi thuyền theo cái cách như vậy. Không thể chịu đựng thêm được

nữa, tôi trèo xuống khỏi bậc thang bằng gỗ và chạy thật nhanh về phía hồ, lội ra chỗ nước ngập đến đầu gối. Tôi đứng giữa cụm hoa huệ tây, vẫy vẫy cánh tay, cố gắng thu hút sự chú ý của nó. Cuối cùng thì thằng bé cũng nhìn thấy tôi. Nó cho thuyền đi vào gần bờ, tiếp tục bẻ lái sai cách và lại bẻ lái cắt góc một cách thật nguy hiểm. May mắn thay, cơn gió lúc ấy chỉ thổi nhẹ và con trai tôi không gặp nguy hiểm gì.

Áng chừng khoảng cách vừa đủ để thằng bé có thể nghe được lời mình nói, tôi ra hiệu bằng tay như thể chính tôi đang kéo dây lèo của buồm chính và hét to: "Căng buồm cao lên nữa, con thuyền sẽ đi nhanh hơn đấy!".

"Thôi, bố!", nó cũng hét lên, "Bố hãy để con tự làm lấy đi nào. Con chỉ muốn thử chút xíu thôi mà". Và nó giật mạnh cần lái, tiếp tục bẻ lái cắt góc, xoay thuyền và hướng sang bờ bên kia trong khi cái sào căng buồm cứ lắc la lắc lư phía trên khoang thuyền trông thật đáng sợ.

Trước sự ương bướng của con trai, thái độ không hài lòng cộng với cảm giác bị tổn thương nhanh chóng bủa vây lấy tôi. Tôi thực sự thấy thất vọng về chính bản thân mình cũng như về con trai tôi. Tôi muốn truyền kinh nghiệm cho nó, và hơn thế nữa đó là một sự quan tâm, tôi muốn nó biết rằng đây là những điều mà tôi đã từng được học, nhưng thằng bé lại từ chối một cách thẳng thừng. Nó không thèm nghe những gì tôi nói, những bài học mà tôi đã chăm chỉ gom góp thời tuổi trẻ.

Tôi cầm cuốn sách lên và cố gắng đọc tiếp, nhưng không sao tập trung được. Tôi ôm cuốn sách trước ngực, ngả đầu ra sau và nhắm mắt lại. Tôi tưởng tượng thấy một quả cầu lửa đang hầm hập trên mi mắt mình. Và câu chuyện ngỡ đã bị chôn vùi đâu đó trong vùng ký ức đột nhiên tràn về:

"Hai cha con nọ gặp nhau bên bờ con sông chảy vào cõi vĩnh hằng. Trong khi đứa con mắng nhiếc và phỉ báng một ông lão già cả, người không chịu nhếch mép trả lời nó, thì người cha ngồi im lặng và thưởng ngoạn dòng sông đang cuồn cuộn chảy trước mặt. Con sông xa hơn sự hiểu biết, xa hơn cả trí tuệ, xa hơn niềm tự hào. Nó là dòng chảy xa hơn bản thân ta, luôn cố gắng để thanh minh, giải thích. Siddhartha giờ đây đã nhận ra những gì ông ta biết, ông ta đã đạt đến trạng thái mà không còn cảm thấy cần phải thanh minh điều gì với con trai".

Tôi tình cờ đọc được đoạn văn trên từ cuốn sách do Herman

Hesse(*) viết, đã từ rất lâu trước khi con trai tôi ra đời, và giờ đây những câu chữ ấy đột nhiên hiện rõ trong đầu tôi như một lời nhắn nhủ rằng, tôi phải xem lại cách xử sự của mình. “Tại sao tôi lại phải lội xuống nước và đứng đó, vẫy vẫy tay một cách ngốc nghếch? Tại sao tôi lại phải bảo với thằng bé rằng con thuyền sẽ đi tốt hơn nếu nó căng buồm lên đến đỉnh cột?”. Tôi cố gắng xua ý nghĩ ấy ra khỏi đầu, nhưng tôi không phải là Siddhartha, vì vậy hình ảnh của cánh buồm loạng choạng vẫn ám ảnh tôi trong suốt một buổi chiều dài dằng dặc.

(*) Herman Hesse (1877 - 1962): Nhà văn Đức, quốc tịch Thụy Sĩ. Chủ đề chính trong các tiểu thuyết thời kỳ đầu của ông là nỗi cô đơn của con người; động viên con người đi tìm sự yên bình và an ủi trong sự hòa nhập với thiên nhiên và một cuộc sống bác ái. Về sau, các tác phẩm của ông thiên về chủ đề xung đột, mâu thuẫn nội tâm của con người và đi tìm những giải pháp. Theo ông, nền văn minh kỹ thuật, cũng là nền văn hóa thuần túy trí tuệ, không thể đem lại một lời giải đáp thỏa mãn cho hành trình khám phá những bí ẩn tinh thần của con người.

Nhưng con trai tôi là một đứa nhạy cảm. Tối hôm đó, khi hai cha con cùng nhau ăn tối tại ngôi nhà câu cá, nó đã thận trọng đề cập đến chủ đề đi biển và nhờ tôi giải thích về sự khác nhau giữa việc đổi đường chạy và bẻ lái cắt góc. Qua cách nói của nó, tôi hiểu thằng bé đang cố gắng sửa lỗi và tìm cách làm vơi bớt sự tổn thương trong tôi. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm và ngẫm nghĩ tìm cách trả lời cho câu hỏi của nó. Tôi ví cái nĩa là con thuyền, và giả định một cơn gió đang thổi qua mặt bàn, từ phía nó về phía tôi, sau đó tôi hướng phần nĩa ngang cơn gió để thể hiện hình ảnh con thuyền đang đổi đường chạy và hướng cán nĩa vào cơn gió để thể hiện hình ảnh con thuyền đang đổi hướng cắt góc.

Con trai tôi thật thông minh, bằng việc đặt ra câu hỏi đó, ngay tức khắc, hai cha con đã tìm được tiếng nói chung. Nhưng tôi là một người không dễ lãng quên nhanh chóng những thương tổn mà ai đó đã gây ra cho mình, đặc biệt là những người tôi yêu thương. Sau bữa cơm tối đó, khi ngồi một mình trên khoang thuyền trên mặt hồ tối sẫm, tôi lại bị hình ảnh của cánh buồm loạng choạng đè nặng lên tâm trí. Và tôi quyết định sẽ có một cuộc nói chuyện thẳng thắn với con trai, nhưng chỉ là cuộc nói chuyện trong tưởng tượng. Tôi sẽ nói với nó một cách nhẹ nhàng, sẽ nói những gì tôi muốn nó nghe, và truyền lại gia tài cả đời mình cho con.

“Con trai ạ, đầu tiên, con nên học cách cảm nhận sự thay đổi thất thường của một cơn gió. Và phải luôn tự hỏi cơn gió đến từ đâu và

hiện tại nó đang thổi theo hướng nào. Nên nhớ rằng cơn gió không bao giờ thổi theo quy luật, vì vậy đừng tốn công vô ích nghiên cứu xem nó đã từng thổi như thế nào để tìm thấy thói quen của nó. Hãy xác định đâu là mạn khuất gió trên hồ, vì đó là một nơi an toàn, tĩnh lặng và cũng là nơi cơn gió bắt đầu. Chú ý quan sát những ngọn cây bọc xung quanh mặt hồ, những chiếc lá lay động, để ý kỹ những gợn sóng lăn tăn trên mặt nước, theo dõi chuyển động của những con thuyền khác, chúng sẽ cho con biết cơn gió bắt nguồn từ đâu và biến mất ở chỗ nào trong khi nó vẫn cứ thổi từ bờ biển này đến bờ biển khác.

Con phải đảm bảo rằng những lá buồm luôn được tự do, không bị vướng vào nhau hay bị siết chặt, như vậy con thuyền sẽ không bắt đầu chuyến hải trình bằng việc quay mòng mòng quanh chỗ buộc neo khi con kéo buồm lên. Hãy kéo buồm lên, kéo cao trên thân cột buồm cho đến khi buồm căng ra, để mặc nó nhảy nhót thỏa thích trong cơn gió. Sau đó hạ tấm ván chống trôi dạt xuống, kiểm tra bánh lái xem nó có chắc chắn không, cuối cùng quay lại, ngắm nhìn con thuyền cho đến khi hình ảnh của nó in sâu trong tâm trí, đến nỗi ngay cả những khi đang nhắm mắt con vẫn có thể nhìn thấy con thuyền thật rõ ràng.

Luôn nghĩ đến việc con thuyền sẽ đi như thế nào trên biển, nó ngụp lặn và băng mình về phía trước ra sao. Để tâm lắng nghe âm thanh của cơn gió rì rào, cót két trong những mối nối, âm thanh soàm soạp nhẹ nhàng của sóng nước vỗ vào thân thuyền. Nắm chắc cần lái để cảm nhận sức nặng của bánh lái trong tay, như thế con sẽ dễ điều khiển cần lái hơn.

Nhớ đổi hướng thuyền, bẻ lái cắt góc, nhanh chóng di chuyển khi nhận thấy con thuyền có dấu hiệu nghiêng đi. Kiên nhẫn chờ cho đến khi con nhận thấy mình không thể tách rời con thuyền, như thể nó là một phần của chính con vậy. Khi con, chiếc thuyền và cơn gió đã hòa thành một thực thể duy nhất thì cũng là lúc con đã sẵn sàng để lái thuyền."

Có thể gọi đây là một bài thuyết giáo dù bản thân nó còn khá nhiều thiếu sót. Và ở một khía cạnh nào đó nó đề cập đến những mâu thuẫn thường xảy ra giữa bố mẹ và con cái. Tôi cho rằng nếu rơi vào tình huống tương tự, con trai tôi sẽ hành động như cha nó: bồn chồn lo lắng trên ghế, nhắm mắt lại và thầm hy vọng bài thuyết giáo sẽ không quá dài. Nó cần một người khác dạy nó lái thuyền, và tôi cay đắng nhận ra rằng tôi càng muốn dạy nó bao nhiêu thì lại càng không thể trở thành thầy của nó.

Tôi ngồi trên khoang thuyền khá lâu, ngắm những đụn cát nhạt nhòa chung quanh đang dần hòa làm một với bầu trời. Tôi biết rõ về cái hồ này, nếu không muốn nói là hiểu rõ đến tận chân tơ kẽ tóc. Nó được hình thành khi những dòng sông băng cuối cùng chảy qua, cách nay khoảng mười nghìn năm. Khi băng hà rút đi, nó để lại một lớp băng khổng lồ. Núi băng này tan ra từ từvà tạo ra một áp lực có tính đối xứng lên mặt đất. Do đó, theo thời gian, những dòng chảy từ mặt đất sẽ lấp đầy chỗ trũng, tạo thành một hồ nước trong xanh cách bờ biển một cây số rưỡi.

Mặt trăng tròn vành vạch nhô lên từ phía sau và dịu dàng rải những tia sáng lung linh khắp mặt hồ. Và tôi lại nghĩ đến hình ảnh chiếc Sunfish với cánh buồm chuệnh choạng, tôi hình dung con trai mình đang kéo dây leo xuống để kéo buồm lên tận đỉnh cột buồm. Rồi tôi lại thấy con thuyền lướt đi trên mặt nước, trong cơn gió thổi vô định. Ở đó, con trai tôi tự nó điều khiển thuyền mà không cần tôi phải hướng dẫn. Trong một khoảnh khắc, tôi chợt nghĩ tốt hơn cả là tôi không nên can thiệp vào cuộc sống của nó nữa, nên để nó tự do, như vậy nó mới có thể tìm được người để học hỏi, như cha nó ngày xưa.

Lúc nhỏ, tôi đã từng cho rằng cái chết của bố mẹ là một bi kịch khủng khiếp nhất trong đời mình. Nhưng khi lớn hơn một chút, tôi bắt đầu nhìn nhận sự mất mát đó theo một hướng khác, tích cực hơn. Khi không còn những người thân yêu bên cạnh, không có chỗ dựa tinh thần, tôi buộc phải tự mình vận động, tự biết mở rộng mọi giới hạn của bản thân trong việc học hỏi từ những người quen biết, từ cuộc sống xung quanh, từ xã hội.

Tôi đã chọn thuyền trưởng Harrison Watts, người đưa tôi vào thế giới thủy thủ bằng một chiếc xuồng nhỏ và dạy tôi cách cưỡi cũng như làm chủ những cơn gió. Tôi đã chọn chú Ed Doubrava, người chỉ tôi cách đi ngang qua bãi nước nông và phẳng bằng những con đường tắt. Và chính chú cũng là người đã tặng tôi con thuyền buồm đầu tiên, chiếc "Chiến Hạm Đỏ". Tôi đã chọn chú Simmy Baker, người hướng dẫn tôi làm thế nào để bện được một sợi dây thừng chắc chắn, và thuyết phục tôi nên hạ cái tấm ván chống trôi dạt xuống khi đi biển.

Những người ấy, tất cả đều là thầy của tôi, và tôi đã chọn họ chứ không phải họ chọn tôi. Họ không áp đặt bất cứ điều gì lên tôi bằng cách đưa ra những lời khuyên vu vơ. Nếu tình cờ nhìn thấy một chú lính mới muốn tập đi thuyền đang lúng túng trong cơn gió, họ sẽ không chạy lại gần để bảo ban, chỉ trỏ là cần phải xoay buồm như thế nào cho đúng hướng gió hay cần phải bẻ lái cắt góc

theo một góc bao nhiêu độ. Nhưng khi chú lính mới đó mon men đến gần để xin lời khuyên thì họ cũng sẽ không quay lưng lại.

Trầm tĩnh? Có lẽ là như vậy. Đó là tính cách mà tôi nhận thấy nơi những người sống bên bờ vịnh khi tôi còn nhỏ. Đồng thời, đó cũng là những người có lối suy nghĩ khá thoáng, họ sẵn sàng truyền sự hiểu biết cho bất kỳ thủy thủ nào muốn học hỏi.

Khi tôi thức dậy, cơn gió buổi sớm đang uể oải đi ngang cửa sổ phòng tôi và phía Đông, vầng dương dần xuất hiện. Tôi bước xuống những bậc thang bằng gỗ và lội ra chỗ chiếc Sunfish. Tôi kéo buồm lên cao hết mức có thể. Tôi đặt tay vào bánh lái, hạ tấm ván chống trôi dạt xuống và vẫn để thuyền đứng im tại chỗ, lắng nghe tiếng lá buồm rung phần phật trong gió. Khi đã thực sự sẵn sàng, tôi leo lên thuyền và căng buồm, cho thuyền đi qua mặt hồ cách bờ khoảng một cây số rưỡi rồi vòng lại.

Tôi trở về với cơn gió theo sau, và khi thuyền chạm phải vùng nước nông, tôi nhanh chóng kéo tấm ván lên. Sau đó tôi cho thuyền lên cạn, lướt nhẹ nhàng trên mặt cát. Khi sắp sửa hạ buồm xuống, tôi thấy con trai đã ngồi ở khúc gỗ gần đó. Nó đang chăm chú quan sát tôi.

Tôi hỏi: “Con có muốn đi thuyền không?”.

Nó trả lời: “Sao lại không ạ?”.

Thằng bé đẩy chiếc Sunfish về phía chỗ đậu và để mũi thuyền sẵn sàng hướng vào cơn gió. Một cách chậm rãi, từ tốn, nó dùng tay kéo buồm lên cao hết mức có thể. Rồi nó đứng yên, ngắm con thuyền một lúc, sau đó đẩy thuyền ra xa khỏi bờ một chút và bước lên thuyền. Lúc này, cánh buồm đã ăn đủ gió, nên lướt đi thật uyển chuyển trên mặt hồ xanh trong. Tôi đi về phía chiếc lều và nhâm nhi cà phê, nhưng vẫn không quên để mắt trông chừng thằng bé. Và tôi thật sự ngạc nhiên bởi khả năng tiếp thu của thằng bé khá nhanh, nó làm lại y hệt những thao tác tôi vừa thực hiện trước đó vài phút.

Sở dĩ tôi kể lại câu chuyện này với các bạn bởi tôi muốn chia sẻ với các bạn một điều rằng, cuối cùng thì tôi cũng hiểu ra được ý nghĩa và sự cần thiết của việc mỗi người nên có một người thầy trong đời. Đó là người mà không bao giờ chỉ trích và tìm cách gây ấn tượng với chúng ta bằng sự hiểu biết của họ. Chúng ta cũng không cần những người thầy lúc nào cũng lăm le cái roi trong tay với bộ mặt hung tợn bắt ta phải nhớ cái này, học thuộc lòng cái kia...

Những gì chúng ta cần đó là một người có thể dạy chúng ta cách cảm nhận cuộc sống, cách tiếp cận với các quy luật bản chất của tự nhiên cũng như đời sống con người.

Cuộc sống là một quá trình học hỏi không ngừng. Tôi thực sự không biết điều đó cho đến cái ngày đầu tiên căng buồm ra khơi. Và bây giờ tôi đã thông suốt. Thường ngày, chúng ta luôn vỗ ngực tự hào rằng mình thông minh, tài giỏi. Chúng ta tự lừa dối mình bằng cách cho rằng chúng ta biết tất cả. Nhưng thực tế không phải vậy, chẳng ai sinh ra là đã có thể biết hết mọi thứ nếu không trải qua một quá trình học hỏi bền bỉ, kiên trì, thậm chí có người phải bỏ ra cả đời chỉ để học. Chúng ta nên học tập những người đó, tự mình trút bỏ bộ cánh sĩ diện hão cũng như sự hợm hĩnh của bản thân. Khi một người thầy bước vào cuộc đời chúng ta thì đó cũng là lúc chúng ta được đón nhận một vinh dự thiêng liêng nhất trong đời.

Và để mở rộng sự hiểu biết của bản thân, chúng ta thường tìm đến những người có tầm nhìn sâu rộng và học hỏi ở họ. Đó có thể là những người thầy trong các lớp học, cũng có thể là những người thợ trong các nhà máy... Và không ngoại lệ, đó có thể là những người mà chúng ta chưa từng được gặp, thậm chí mãi mãi không thể gặp, bởi họ thuộc về một thế hệ khác, mặc dù chúng ta biết khá tường tận về họ qua những công trình họ để lại cho hậu thế.

Nếu muốn viết văn, chúng ta cần một người thầy có thể truyền cho ta sự cảm thụ văn chương sâu sắc với một chất giọng nhẹ nhàng, truyền cảm. Lúc còn trẻ, tôi đã chọn cho mình những bậc thầy về văn chương như Henry Thoreau, Willa Cather, và Leo Tolstoy. Nếu thích hội họa, chúng ta nên tìm đến người cho ta những cảm nhận tinh tế về hình khối cũng như màu sắc qua những tuyệt tác của họ. Nếu yêu âm nhạc và ao ước được trở thành nhạc sĩ, hãy tìm đến những người mà các sáng tác của họ có thể đánh thức tâm hồn ta qua những giai điệu mượt mà, sâu lắng. Và nếu muốn đi thuyền, tốt hơn hết nên chọn một người thầy có thể cảm nhận được ngay cả những thay đổi nhỏ nhất của cơn gió, biển cả và cánh buồm chỉ bằng những đầu ngón tay cầm lái.

Từ lần đó, con trai tôi không lái thuyền lần nào nữa, bởi nó có những việc khác để làm, những nơi khác để đi, và quan trọng hơn hết là nó không có sự thôi thúc được lái thuyền trong cơn gió như tôi thuở thiếu thời. Nó trở thành một nhà thiết kế đồ gỗ mỹ nghệ tài giỏi và là một tay câu cá cừ khôi. Và vì muốn cố gắng trong nghề nghiệp của mình, thằng bé đã tự tìm cho mình những người thầy, những người đã truyền cho nó những kinh nghiệm và cả

tâm huyết nghề nghiệp của họ. Hiểu được điều ấy, tôi đã lặng lẽ bước chân ra khỏi con đường mà con trai đã chọn, đó là "món quà" duy nhất mà tôi có thể tặng cho con.

17
NIỀM VUI PHÍA TRƯỚC

Tôi đã lái con thuyền màu xanh trong suốt những năm học phổ thông, những năm lên đại học, và cả những năm đầu khi tôi lập gia đình, mà chẳng bao giờ nó bị nước tràn qua khoang. Vào một buổi sáng, sau khi cơn mưa nặng hạt dứt hẳn, tôi kiểm tra lại con thuyền và phát hiện rằng nó nằm thấp hơn so với mớn nước. Tôi bước lên thuyền và dùng tay nếm thử những giọt nước ở đáy thuyền. Nước có vị mằn mặn. Và khi bơm nước ra khỏi thuyền, tôi tự nhủ mình cần phải kiểm tra con thuyền cẩn thận hơn, nhưng rồi tôi cũng quên béng mất chuyện này vì thực sự không có nhiều thời gian.

Tôi bước vào những năm 20 tuổi thật sung sức, trở thành phóng viên của một tờ báo, và làm cái công việc mà cứ đến hạn là phải nộp bài. Rồi đứa con đầu lòng ra đời. Tiếp đến là việc bám sát những tên giết người đâm thuê chém mướn man rợ hay những vụ loạn đả chính trị để lấy tư liệu cho bài viết, rồi những cuộc cãi vã thường xuyên với vợ đã chiếm hết tâm trí tôi, khiến hình ảnh oai phong của con thuyền ngày nào dần rỉ sét và chìm sâu ở một miền ký ức nào đó trong tôi.

Tôi vẫn thường tự nhắc mình để tâm đến con thuyền, "kiểm tra lại xem con thuyền có vấn đề gì không". Nhưng ngay khi những từ ngữ ấy vang lên trong đầu tôi thì y như rằng, lại có một việc gì đó

rất quan trọng xen vào.

Một buổi chiều, khi đang ngồi bên máy chữ, tôi nhận được một cú điện thoại mà tôi đang thấp thỏm trông chờ. Tôi lập tức lao về nhà và đưa vợ vào bệnh viện. Rồi lại tức tốc phóng đến tòa soạn để hoàn thành nốt bài viết đang dang dở, và rồi lại vội vã trở lại bệnh viện. Còn thằng bé, theo nhận xét của cá nhân tôi, nó chẳng có vẻ gì gọi là muốn chào đời sớm cả. Trong khi vợ tôi thì đau bụng dữ dội, đau từng cơn, đột ngột đau rồi đột ngột dừng, cứ đau suốt cả hai ngày như thế.

Sau 48 giờ đồng hồ bắt mẹ chịu đựng những cơn đau dai dẳng, cuối cùng, cậu nhóc lì lợm của chúng tôi cũng đã chịu ré lên tiếng khóc đầu tiên lúc 2 giờ sáng. Mệt lả người, tôi lê bước về nhà, ngủ thiếp đi lúc nào không hay, và bật dậy khi nghe điện thoại đổ chuông không ngớt. Tôi vội vàng vồ lấy ống nghe, hy vọng sẽ nghe thấy tiếng bác sĩ hay tiếng của vợ tôi, nhưng lại không phải họ. Đó là người chủ bến cảng, ông ta thông báo với tôi bằng một giọng có vẻ tiếc nuối.

“Tôi rất tiếc khi phải nói với anh điều này”, ông ta bảo, “con thuyền của anh bị chìm mất rồi”.

“Cái gì cơ?”

“Chìm!.. Con thuyền của anh đã chìm rồi. Nó chìm xuống tận đáy. Chỉ còn mỗi cái cột buồm là còn nhô lên khỏi mặt nước thôi.”

Tôi cuống lên, vội vàng mặc quần áo và lái xe đến chỗ con kênh. Đứng lặng trên bờ vịnh, tôi lắng nghe ông chủ bến cảng mô tả lại rõ ràng từng chi tiết cảnh con thuyền bị chìm như thế nào. Giờ đây, nó hoàn toàn chìm nghỉm trong nước, chỉ còn lại cái cột buồm bằng gỗ trồi lên trên mặt nước và nghiêng về phía mặt trời. Bất giác tôi cảm thấy một nỗi ân hận trào dâng như thể mình vừa phạm phải tội tày đình.

Trên đường đến bệnh viện, tôi dừng lại ở xưởng đóng tàu và cố gắng giải thích cho ông Muncey hiểu chuyện gì đã xảy ra.

“Vợ con vừa sinh tối qua,” tôi nói, “nhưng con thuyền đã bị chìm mất rồi”.

“Chúc mừng con, và cả chia buồn nữa”. Ông trả lời ngắn gọn, vắn tắt nhưng đã tóm lược được hết hoàn cảnh của tôi lúc ấy.

Suốt một thời gian dài, tôi luôn nghĩ rằng việc chiếc thuyền của

tôi bị chìm và việc con trai tôi ra đời, xảy ra gần như cùng lúc, chỉ là một sự tình cờ. Nhưng bây giờ tôi không còn nghĩ như vậy nữa. Tôi đặt ra cho mình câu hỏi tại sao, khi hai sự kiện quan trọng của cuộc đời tôi, dường như chẳng liên can gì đến nhau, lại xảy ra cùng một lúc. Có thể chúng đối nghịch nhau, vì vậy cái này sinh ra thì cái kia phải mất đi. Có thể như thế lắm chứ. Nhưng vào lúc ấy, thành thật mà nói rằng, tôi chú ý nhiều đến việc chiếc thuyền bị chìm hơn là cậu con trai mới chào đời của mình.

Ông Muncey vớt con thuyền lên, kéo nó về xưởng đóng tàu và lật úp lại phơi trên đường. Ở các mép nối thành tàu, chỗ mà cái thân tàu bằng gỗ được nối với sống tàu, nước bắt đầu rỉ ra. Chú Oscar Boehme dỡ tấm ván đã mục nát ra và làm lại một cái mới hệt như vậy. Một tuần sau, con thuyền đã có thể hạ thủy và con trai tôi cũng được đưa về nhà. Còn tôi thì nhận được hai cái hóa đơn khổng lồ: một cái từ bệnh viện còn cái kia đến từ xưởng đóng tàu.

Lúc tôi còn nhỏ, dượng thường giúp tôi chi trả mọi chi phí bảo dưỡng con thuyền, nhưng giờ đây, gánh nặng ấy đã đè trên vai tôi. Phí neo tàu, phí bảo dưỡng trong mùa đông, phí đại tu, phí sửa chữa... Tôi phải gánh tất cả các khoản tiền đó. Chi phí cho cuộc sống của tôi cũng ngày càng tăng lên, thậm chí cả cái tổ ấm bé nhỏ của tôi cũng tăng thêm nhân khẩu: thêm một bé trai, một bé gái, và một bé gái nữa. Đã đến lúc tôi nghĩ mình nên tìm một ngôi nhà lớn hơn, cần có nguồn thu nhập khá hơn để cuộc sống của gia đình tôi được thoải mái phần nào.

Con thuyền màu xanh đã được hồi sinh nên tôi hạ thủy nó bất cứ khi nào có thể - nhưng cũng không thường xuyên lắm. Thường những lúc đó, tôi tạm gác gia đình sang một bên để cùng nó đi biển. Nếu ở vị trí của một kế toán viên, hẳn tôi sẽ phải tính toán thêm cả chi phí mỗi lần đi biển như thế. Nhưng tôi không phải là nhân viên kế toán, vì thế tôi lướt qua tất cả những chi phí đó. Duy chỉ có quyển séc là ngày một dày thêm, nó là một "kế toán viên" trung thành.

Trong một lần giong thuyền trên vịnh, tôi chú ý thấy cánh buồm chính của mình đã bị sờn dọc mép. Và một ngày, nó bị cơn gió to xé tan thành nhiều mảnh. Tôi mang nó đến chỗ người thợ may buồm để sửa, nhưng anh ta bảo rằng có cố công sửa cũng vô ích. Anh ta cho tôi lời khuyên là nên mua hẳn một bộ buồm mới thì hơn. Tôi biết anh ta hoàn toàn đúng, nhưng tôi cũng biết rằng mình chẳng có đủ 700 đô la trong tài khoản, vì vậy tôi phải vay ngân hàng. Bộ buồm mới đã được căng lên, thật khéo léo và vừa vặn làm sao, nó giúp con thuyền đi xuôi chiều gió tốt hơn. Nhưng

điều đó chẳng làm tôi thấy vui lên chút nào, vì cứ mỗi lần giương buồm lên thì tôi lại nhớ đến khoản lãi hàng tháng phải trả cho ngân hàng để tậu bộ buồm mới, mà khoản nợ đó lại thường xuyên bị quá hạn.

Hai vợ chồng tôi đã bàn bạc khá nhiều lần về việc bán con thuyền, nhưng không hiểu sao mỗi khi đề cập tới chủ đề ấy tôi luôn đi đến quyết định: "Anh sẽ giữ lại con thuyền, cho dù có thế nào đi nữa". "Rồi một ngày nào đó, bọn trẻ sẽ đủ lớn để lái thuyền, và chúng sẽ rất vui nếu được lái con thuyền của chúng ta. Rồi em sẽ thấy cho mà xem". Tôi ra sức bảo vệ lập trường của mình.

Sau khi sinh đứa con thứ hai, tôi tìm được một chỗ trong ban biên tập của một tạp chí ở Manhattan, gia nhập hàng ngũ những người ngày ngày leo lên chuyến tàu tốc hành mỗi sáng để đi làm và đáp chuyến tàu tối lúc 6 giờ 7 phút để về nhà. Một ngày làm việc mười hai tiếng, kể cả việc đáp tàu đi và về khiến tôi cảm thấy kiệt sức. Tuy vậy, vào những dịp cuối tuần, tôi vẫn muốn cho bọn trẻ đi thuyền, nhưng nghĩ đến việc phải nhồi chúng vào cái khoang lái nhỏ xíu, tôi lại thôi. Và như vậy, việc lái thuyền cứ thưa thớt dần.

Khi ngồi trong chiếc xe lửa tốc hành, tôi ngắm mũi đất Trường Đảo qua cửa sổ. Quang cảnh bên ngoài liên tục vút qua tôi với tốc độ nhanh đến chóng mặt. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, dân di cư đã dọn đến đây và mua lại các khu nông trại. Họ đốn rừng trồng ngô, khoai tây. Sau đó lần lượt các cây sồi, cây thông mọc lên, trải dài hàng cây số và trên nhiều héc-ta diện tích đất. Phần vì công việc kinh doanh dần có lợi nhuận, phần vì đất đai trù phú, mênh mông, những người này bắt đầu nghĩ đến việc chia nhỏ nó ra và thành lập nhiều trụ sở làm ăn trên vùng đất này.

Islip, thị trấn tôi đang sống và khởi nghiệp báo chí của mình, nơi có mật độ dân số tăng khá nhanh, mới từ 15.000 người đã lên đến tận 150.000 người chỉ trong một vài năm. Vì hệ thống cống rãnh của thị trấn không phát triển kịp, những hầm cầu hay thùng chứa nước bị nhiễm khuẩn lại rò rỉ đổ vào các dòng sông và con lạch chảy về vịnh.

Thật tội nghiệp những đứa con của tôi, chúng không có cơ hội lội trên bãi nước nông, dẫm lên đá đỏ hay những con sò như tôi đã từng chơi đùa khi ở tuổi chúng.

Tôi luôn tự nhủ với mình rằng tôi có thể rời khỏi chỗ này bất cứ lúc nào và đi đến nơi nào tôi muốn. Qua nhiều chuyến đi dài và buồn tẻ trên những chuyến tàu tốc hành, tôi đã cảm nhận một

cách sâu sắc sự mất mát ấy. Thế giới hoang dã như tôi đã biết từ thuở nhỏ giờ không còn nữa, và tôi hoàn toàn bất lực trước sự thay đổi đó. Nhưng chuyển đi nơi khác cũng đồng nghĩa với việc tôi sẽ phải bán con thuyền yêu quý của mình, một quyết định thực sự khó khăn mà tôi chưa sẵn sàng để thực hiện.

Khi chúng ta sở hữu một vật nào đó được xem như thước đo giá trị của chúng ta, là một phần không thể thiếu của cuộc đời chúng ta, và nếu xét trên một khía cạnh khác, thì đó lại là sự gắn bó khá chung thủy giữa hai cá thể, ngay cả sau khi nó không còn những công dụng như ban đầu, thì thật khó để có thể đành lòng dứt bỏ.

Tôi đã gắn bó với con thuyền của mình từ tuổi thiếu niên, và con thuyền đã trở thành một phần của bản thân tôi. Tuy thời gian và hoàn cảnh đã biến nó từ một tài sản đáng giá thành gánh nặng đối với tôi nhưng tôi vẫn không muốn rời xa nó. Tôi còn có một mối lo ngại mơ hồ rằng, một ngày nào đó tôi sẽ đánh mất bản chất của mình, con người thủy thủ trong tôi sẽ không còn, nếu như con thuyền không còn thuộc về tôi nữa.

Dần dần tôi nhận ra rằng giá trị của một con thuyền không nằm trong cái thân thuyền bằng gỗ, trong cái sống thuyền bằng chì hay trong bộ vải buồm, mà đó là những bài học nó đã dạy tôi từ khi tôi còn là một đứa trẻ, thậm chí đến lúc tôi đã trưởng thành. Và những bài học ấy sẽ vẫn khắc ghi trong tôi ngay cả khi con thuyền không còn nữa. “Hãy bình tâm đón nhận, vì cái gì đến rồi sẽ phải đến”, Soren..

Kierkegaard đã nói như vậy. Tôi biết và tỏ ra thích thú với câu châm ngôn trên do người bạn của tôi, một nhà tâm lý trị liệu, đã nguệch ngoạc trên một tờ đơn thuốc, cứ như thể bảo tôi mang cái đơn ấy ra hiệu thuốc và mua câu châm ngôn đó về vậy. Tôi không phủ nhận đó là một lời khuyên đúng đắn, nhưng trước khi tôi có thể “bình tâm đón nhận”, tôi sẽ phải từ bỏ những thứ tôi đã từng gắn bó trong quá khứ, và thật khó có thể làm được như vậy. Điều đó giống như là việc phải trải qua một nỗi đau mà không một liều thuốc nào có thể xoa dịu được.

Tôi bắt đầu đi du lịch khắp đất nước, vì xem xét các dự án xây dựng là một phần trong công việc của tôi. Tôi viết về những con đường cao tốc qua các bang, một tòa nhà chọc trời mọc lên ở hồ Huron, một quai đập ngang qua sông Catawba, một đường hầm nhân tạo qua vũng lầy Chesapeake. Một hôm, tổng biên tập điều tôi tới lấy tư liệu ở vùng giáp biên giới Canada, nơi các nhà thầu đang tiến hành xây dựng các hầm phóng tên lửa dưới hồ

Champlain.

Tôi đứng trên miệng một cái hầm, rộng hơn 30 mét và nhìn chăm chú vào cái lỗ hổng khổng lồ trên bề mặt Trái Đất. Nơi đáy hố, tôi có thể nhìn thấy những công nhân đang xúc vụn đá - tàn tích sau vụ nổ dynamite để phá hố - bằng xẻng rồi đổ vào một cái thùng to gắn ở trục cần cẩu. Khi cái thùng đầy, nó được gắn vào một cái trục đang treo lơ lửng trông giống như một chú chim thời tiền sử trên miệng hầm, được kéo lên và đổ các thứ bên trong thùng vào một cái xe tải đã chờ sẵn ở ngay bên cạnh.

Ở đây, tôi được nghe kể về cái chết của một công nhân cách đó vài tuần, do một tảng đá văng ra khỏi cái thùng bị chất quá đầy và rơi vào gáy của anh ta. Tôi nghĩ về người đàn ông vô danh bất hạnh ấy và cái chết trớ trêu của anh ta. Anh ta ở đây, nơi sẽ tạo ra một vị trí bí mật cho tên lửa đạn đạo với đầu nổ có thể hủy diệt sự sống trên Trái Đất. Còn chính anh ta thì lại bị giết bởi một tảng đá rơi xuống từ cái thùng ngay phía trên đầu.

Người quản lý dự án đưa cho tôi một cái mũ bảo hộ và hỏi xem tôi có muốn thử ngồi trên cái thùng đó mà di chuyển xuống hầm để có thể quan sát kỹ hơn không. Tôi đã từ chối không một chút ngại ngần. Tôi quyết định ở lại trên mặt đất, an toàn, bình yên. Và ngay sau khi đã hoàn tất việc thu thập những thông tin cần thiết, ngay lập tức tôi ra ngay sân bay và trở về nhà.

Đó là một hành trình ngắn ngủi, và máy bay không bay quá cao trên bầu trời. Tôi bay xuống phía thung lũng Hudson, theo hành trình của con sông cổ kính. Và khi con sông vượt qua vách đá bazan cheo leo phía trên West Point, tôi thấy rùng mình sởn gai óc trước sự hiểm nguy mà tôi đang đối mặt. Tôi nhận ra mình đang sống trong một thế giới thật điên rồ, một thế giới thật mong manh, một thế giới mà tai họa có thể đâm sầm xuống đầu tôi bất cứ lúc nào. Chỉ cần nghĩ đến đó thôi cũng đã khiến tôi cảm thấy bất an, nhưng nó đã cho tôi câu trả lời cuối cùng về quyết định bán con thuyền.

Vừa về đến nhà, tôi đưa ra một tuyên bố hùng hồn: “Bố sẽ bán con thuyền!” Tôi nói, và đanh giọng lại để tạo thêm sự uy quyền cho lời nói của mình. Và tôi âm thầm chờ đợi sự kêu gào phản đối, đặc biệt là từ phía bọn trẻ. Nhưng chỉ có duy nhất một phản hồi lạc đề từ phía con gái lớn của tôi. Nó hỏi xem tôi đã sẵn sàng đọc truyện cho chúng chưa, vì hôm nay đã đến lượt con bé chọn sách để tôi đọc cho chúng nghe.

Cuối tuần, tôi đến xưởng đóng tàu và nói với ông Muncey rằng tôi muốn bán con thuyền. Và ngay thứ Bảy sau đó, một người đàn ông đã đến gõ cửa nhà tôi hỏi mua. Ông ta đưa ra một cái giá khá rẻ so với giá trị của con thuyền, nhưng tôi không cò kè thêm bớt đồng nào nữa. Tôi muốn đẩy con thuyền đi càng nhanh càng tốt. Chiều hôm sau, theo thói quen tôi lái xe đến chỗ neo thuyền, nhưng con thuyền đã không còn nằm ở vị trí quen thuộc đó nữa.

Năm đó, chúng tôi bán nhà và chuyển về Rip Van Winkle, một ngọn đồi nằm ở phía Bắc. Nơi đây, những làn gió luôn bị bao bọc trong đất liền, và vào mùa hè, hương mật ong ngọt ngào tràn ngập không gian. Tôi vẫn nhớ như in những ngọn gió buổi sớm bỗng đâu nổi lên từ bờ biển trong miền ký ức, nhưng tôi chưa bao giờ hối tiếc vì đã chuyển nhà. Việc di chuyển đến Manhattan mỗi ngày đã trở nên dễ dàng hơn. Sau đó, tôi cũng từ bỏ công việc ở Manhattan để chuyển sang nghề viết tự do. Càng về sau này, tôi càng nhận ra rằng việc mình chuyển đến đây là một quyết định sáng suốt. Giờ đây, tôi dành phần lớn thời gian vào Readers Digest và IBM, và cả hai công ty này đều có trụ sở quốc tế ở không xa nơi tôi đang sống.

Và như vậy, chính sự chia tay với con thuyền buồm màu xanh một thời gắn bó đã dạy cho tôi một bài học có giá trị nhất trong tất cả những bài học mà tôi đã học được từ nó. Tôi đã sống một chu kỳ của cuộc sống, học tập từ con thuyền và chăm sóc nó. Khi đã học và chăm sóc cho con thuyền rồi, thì tôi sẽ phải để cho con thuyền của quá khứ trôi vào dĩ vãng. Như thế tôi mới có thể tiếp tục một chu kỳ mới trong cuộc đời mình.

18
BIỂN RỘNG TRONG MIỀN KÝ ỨC

Mỗi sáng thức dậy, tôi đều ý thức được rằng mình đang ở một nơi cách xa nơi tôi bắt đầu học lái thuyền gần 5.000 km. Và thỉnh thoảng tôi lại nghe thấy những tiếng nói từ thuở ấu thơ vang vọng bên tai. Tiếng nói ấy vang lên kéo tôi ra khỏi những giấc mơ. Lúc ấy, tôi chừng sáu tuổi, đang một mình dò dẫm trên con đường từ căn hộ của gia đình tôi, căn hộ nhìn ra bờ sông Hudson, đến chỗ ngôi nhà gạch của chúng tôi ở gần vịnh Sheepshead, nơi mà da thịt tôi cảm nhận được sự dịu mát của những làn gió biển đầu tiên tràn vào bờ.

Nhà tôi có một chiếc xe Cadillac du lịch màu xanh. Tôi còn nhớ mãi cái khoảnh khắc cha đang lái xe, và mẹ thì ngồi cạnh bên. Chúng tôi "bay" qua cầu Manhattan, xuyên qua công viên Prospect đến đại lộ Ocean. Khi ấy tôi ngồi ở băng ghế sau, bị bồ hóng và phấn hoa bay đầy mắt, đầy mũi, và chen cả vào hai lỗ tai. Rồi đột nhiên, ba người chúng tôi dường như được ai đó nâng bổng lên cao, và đặt vào một thế giới khác, bỏ lại bầu không khí ô nhiễm, bụi bặm phía sau lưng khi cha tôi quẹo đột ngột hướng về phía biển, nơi có những chiếc thuyền dập dềnh ở chỗ bỏ neo và cơn gió thổi nhẹ nhàng mát mẻ.

Từ bờTây Manhattan đến đỉnh phía Nam của Brooklyn chỉ cách nhau một quãng đường ngắn, nhưng tôi có cảm giác như nó

thuộc về hai thế giới hoàn toàn khác nhau, đến nỗi một cậu nhóc ở độ tuổi như tôi cũng bắt đầu có sự so sánh giữa cái ngột ngạt, tù túng và ồn ào không ngớt của thành phố với vùng biển mùa hè tràn ngập những âm thanh ngọt ngào, những âm thanh từ dàn nhạc bờ biển hòa quyện cùng tiếng gió ngoài khơi xa thổi vào đất liền. Trong dàn nhạc ấy, Shep Fields, Ben Bernie, Ted Lewis và benny Goodman đang say sưa thả hồn vào những chiếc kèn clarinet và những chiếc trombone luyến láy, còn tôi thì ngồi trên vai cha ngắm tất cả họ, những bậc thầy của âm nhạc.

Khi bố mẹ qua đời, tôi dọn về sống cùng ông bà trong một căn nhà bên bờ biển thuộc phố Irwin, ven bờ Manhattan. Và ở Brooklyn, bên bờ đại Tây Dương, lần đầu tiên tôi nhận thức được sự đổi chiều của cơn gió phương Nam và những quang cảnh đặc trưng của biển cả. Sau hai năm gắn bó với phố biển Irwin, tôi lại chuyển đến một ngôi nhà khác, cũng ở bên bờ biển, nhưng về phía Đông, ngôi nhà của dì và dượng bởi lúc này ông bà tôi đã quá yếu nên không thể chăm sóc tôi được nữa. Và ở nơi đây, một lần nữa tôi lại cảm nhận được cơn gió phương Nam. Cơn gió thổi như một khúc ca du mục, như những cơn gió tôi đã từng được biết trước đây.

Những kỷ niệm thời niên thiếu ngỡ đã ngủ quên trong ký ức bỗng ùa về sống động làm choáng ngợp tâm hồn tôi. Tôi ngồi đây và hồi tưởng lại quá khứ, hồi tưởng lại những khoảnh khắc đáng nhớ trong cuộc đời mình, những thứ đã giúp tôi ý thức được mình là ai. Trong tôi, quá khứ và hiện tại luôn đan xen lẫn lộn, thật khó có thể tìm ra ranh giới giữa chúng.

Tôi luôn nhớ về những khoảnh khắc êm đẹp mà mình đã trải qua cùng cha mẹ, ông bà và dì dượng. Tôi nhớ đến con thuyền màu xanh lướt đi nhẹ nhàng trong cơn gió: nhớ đến thuyền trưởng Harrison Watts, chú Simmy Baker, chú Ed Doubrava, chú Oscar Boehme, và cả những người bạn đã cùng tôi lái thuyền... Tôi nhớ vịnh Đại Nam, Hỏa Đảo... nhớ tất cả... và những hình ảnh đó vẫn luôn nguyên vẹn trong tâm trí tôi, ngay cả khi tôi đang sống ở một bờ biển khác, cách đó năm nghìn cây số.

Trong cuộc sống, chúng ta luôn đi tìm sự khác nhau giữa tiểu thuyết và đời thường, giữa giả định và thực tế. Tôi luôn nghĩ về nơi mà mình đã gặp những người để lại dấu ấn rất riêng trong ký ức của tôi và những người có ảnh hưởng mạnh mẽ đến cuộc sống cá nhân tôi. Tôi gặp họ trong trường học, nơi công sở, một số ở xưởng đóng tàu và những người khác trong những trang sách mà tôi đã đọc qua như David Copperfield, Anna Karenina, Odysseus, Joseph K., Emma Bovary và Sancho Panza. Tuy là những nhân vật

tiểu thuyết nhưng đối với tôi họ rất thật, rất sống động như cha mẹ, ông bà, dì dượng hay bất kỳ ai khác trong quá khứ của tôi vậy, kể cả những người kiếm kế sinh nhai dọc vịnh Đại Nam.

Nhưng với những người có đầu óc thực tế, trong họ luôn tồn tại sự rạch ròi giữa tiểu thuyết và đời thường "David Copperfield và Anna Karenina không bao giờ tồn tại. Họ chỉ là những nhân vật trong tiểu thuyết. Họ hoàn toàn là sự tưởng tượng", những người này đã nói như vậy.

Và tôi cho là họ đã không thực sự hiểu những gì mình đang nói. Khi ngồi một mình trong phòng hoặc những lúc thả bộ trên bờ biển, tôi điểm lại những người từng hiện diện trong ký ức của mình, những người tôi hằng yêu quý và luôn muốn được ở bên. Trong số họ, có người còn sống, có người đã qua đời, và một số người là những tiểu thuyết gia tài năng, và tất cả họ đều rất thực đối với tôi.

Một buổi chiều mùa thu, tôi nhận được cuộc điện thoại từ người bạn cũ, anh ta thông báo rằng mình đã đến Coast Highway và đến cả Santa Cruz, cách nơi tôi đang sống một giờ đồng hồ chạy xe. Anh ta mời tôi đi ăn trưa và tôi sẵn sàng đồng ý. Khi lái xe đi về hướng Nam, trên con đường mà bên trái là vách núi cheo leo và bên phải là bờ biển rì rào sóng vỗ, tôi thấy như mình đang trên đường tìm về kỷ niệm và càng lúc càng tiến gần đến nó.

Anh ta là người đầu tiên mà tôi kết bạn khi chuyển đến Vịnh Biển, và chúng tôi thường lái thuyền cùng nhau. Sau khi tốt nghiệp đại học, anh ta tìm được một công việc ở Los Angeles, và sống luôn ở đó. Từ dạo ấy, tuy không còn gặp lại nhau nữa nhưng chúng tôi vẫn đều đặn gửi thiệp cho nhau trong những dịp Giáng sinh. Chúng tôi đã cùng lớn lên ở một nơi, cùng một thời đại, và có cùng những người bạn tâm giao thời tuổi trẻ. Ra trường, mỗi người đi mỗi ngả, và tôi có niềm tin rằng những gì mà tôi và anh ta chia sẻ cùng nhau trong quá khứ chính là sợi dây kết nối làm cho tình bạn "mới" giữa chúng tôi bắt đầu, ở nơi mà nó đã từng kết thúc.

Chúng tôi chọn một cái bàn ngoài trời, trên cái boong rộng nhìn ra Thái Bình Dương, phía trên có che một cái ô màu vàng. Một cơn gió mát lành thổi tới mang theo hương vị của biển cả. Không gian xung quanh khá lý tưởng cho những cuộc hội ngộ, nhưng tâm trạng hình như không được phù hợp lắm. Ngay khi câu chuyện mở đầu, tôi cảm giác như thể có một bức tường ngăn cách giữa hai chúng tôi. Mà tất cả bắt đầu từ sự e dè nơi anh ta.

Tôi nhắc những chuyện quá khứ, kể về cuộc sống hiện tại của mình như thế nào, thậm chí tâm sự với anh ta những mất mát mà thời thơ ấu mình đã trải qua. Nhưng anh ta cứ thừ người ra, tỏ thái độ ngạc nhiên khi thấy tôi vẫn còn "vật lộn" với những câu chuyện thuộc về quá khứ. Và tôi nói với anh ta rằng, tôi không "vật lộn" với quá khứ, mà là tôi đang "chiêm nghiệm" nó.

"Ước muốn quên đi quá khứ," tôi nói với anh ta, "đó chính là tự tay giết chết con người thật của mình".

Có vẻ như tôi đã nói đúng tâm trạng của anh ta, vì thấy anh ngồi im một lúc lâu, như thể đang cố nhớ lại quá khứ, và sau đó anh nói một cách nhẹ nhàng nhưng rõ từng tiếng một.

"Tôi cảm thấy như mình bị lừa dối."

Tôi hơi sửng sốt trước cách dùng từ của anh ta, và trong một lúc tôi cảm thấy thật bối rối. Khi tôi hỏi ý anh ta là gì, thì anh ta đã lắc đầu không trả lời. Thoạt đầu tôi cứ đinh ninh rằng anh ta muốn ám chỉ đến những tài sản thừa kế của mình, rằng anh ta đã không được hưởng nhiều tiền như anh ta mong muốn, vì cha anh ta đã phung phí tài sản của gia đình quá nhiều trước khi ông qua đời. Nhưng sau đó, tôi lại cho rằng đó có thể là một chuyện khác, một chuyện gì đó làm anh ta cảm thấy không được hài lòng, như thể một tên nghiện rượu chưa uống đủ đô.

Cuối cùng anh ta cũng chịu thổ lộ, rằng anh ta không có ký ức về thời thơ ấu của mình ở vịnh Biển, và những gì mà anh ta còn nhớ lại là những quá khứ thương đau nên khó kể ra. Rồi anh ta khéo léo chuyển đề tài, vì vậy tôi không có cách gì hiểu được nguyên nhân những nỗi đau trong quá khứ của anh. Sau đó chúng tôi chia tay. Về nhà, tôi cứ nghĩ mãi đến cuộc trò chuyện giữa hai chúng tôi, và nhận ra rằng anh ta dùng từ rất chính xác. Rõ ràng anh ta đã bị lừa dối. Nhưng không phải là một ai khác đã lừa dối anh ta, mà chính anh ta đã lừa dối bản thân mình bởi anh ta kiên quyết chối bỏ quá khứ. Anh ta đã tìm cách xóa sạch những ký ức tuổi thơ của mình nên đã không còn nhớ bất cứ điều gì, thậm chí là mùi vị của cơn gió mỗi buổi sớm mai đi ngang qua vịnh và thổi vào bờ biển.

Tự dưng tôi cảm thấy chán ngán và đâm ra bực bội với chính mình. Cuộc hội ngộ sau ngần ấy năm xa cách đã không đem lại kết quả như tôi mong đợi. Tôi cảm thấy hụt hẫng trước sự thay đổi này. Và tôi hiểu rằng sự thân thiết giữa chúng tôi giờ chỉ còn là một khoảng không trống rỗng trước mắt, mãi mãi tôi sẽ không

thể có lại tình bạn ấy trong cuộc sống được nữa. Cũng như anh ta, tôi cảm thấy như mình đang bị lừa dối.

Mặt trời xuống dần trên bầu trời phía Tây, tôi chợt nảy ra ý định tìm hiểu xem mặt trời sẽ biến mất sau màn sương mù như thế nào, và tôi lại tiếp tục đi. Dường như giữa cuộc đời thực và văn chương có một mối dây liên kết vô hình nào đó. Trong tâm trạng như thế tự dưng tôi nghĩ về những dòng thơ của Robert Frost, nhan đề: "Người khách tháng mười một của tôi":

"Nỗi buồn của tôi - khi tôi cảm nhận những ngày mưa mùa thu ảm đạm - vẫn đẹp như mọi ngày. Nỗi buồn phảng phất trên những cành cây khẳng khiu và lướt thướt qua con đường đẫm hơi sương trên bờ cỏ ướt."

"Nỗi buồn của tôi, khi tôi cảm nhận...", bài thơ nhắc tôi nhớ về những người tôi đã quen, những chốn tôi đã đến. Đó là con thuyền màu xanh vẫn đang hướng về phía cơn gió, và cả những người bạn, người thầy cùng tôi đi thuyền. Một cách hối hả, tôi kéo tất cả về mình từ những miền ký ức không phẳng lặng.

Tôi nghĩ phần lớn chúng ta đều sợ rằng nếu mình không thể quên đi những ký ức đau buồn trong quá khứ thì mãi mãi sẽ chẳng bao giờ tìm được hạnh phúc trong suốt quãng đời còn lại. Chúng ta cố bám víu vào đó để biện minh cho những đau khổ, bất hạnh của mình trong cuộc sống. Chúng ta xem đó như một cái phao cứu sinh giúp chúng ta thoát khỏi những bão tố của cuộc đời, nhưng thực chất điều đó đã gián tiếp ném chúng ta vào bể khổ trầm luân, bằng cách đánh cắp ký ức của chúng ta.

Một tuần, một tháng, rồi một năm trôi đi. Tôi không nghe thấy tin tức gì về anh bạn ấy nữa. Và một buổi sáng, trong cơn gió thường thổi vào từ Thái Bình Dương theo hướng Tây Bắc, cơn gió quen thuộc vẫn thổi như mọi ngày, tôi nhớ lại chiếc xe du lịch màu xanh của cha tôi và cái lần cả gia đình chúng tôi cùng đi biển..

Không chần chừ, tôi lái xe đến câu lạc bộ du thuyền và thuê một con thuyền. Tôi bẻ lái đưa thuyền vào cơn gió, vòng qua chân cầu Golden Gate, khuấy tung mặt biển, tạo nên những cơn sóng bạc đầu.

Tôi căng buồm đi quanh đảo Angle, vượt qua Tiburon và Sausalito, thẳng hướng về phía Berkely trong làn gió nhẹ đuổi theo sau. Sau đó, tôi đi về phía cảng, ngắm pháo đài Alcatraz bên mạn phải phía dưới cánh buồm, tháp Coit và thành phố về đêm

lấp lánh dọc ngọn đồi. Tôi đưa mắt nhìn xung quanh, xem bờ vịnh này đã đổi thay như thế nào so với hồi tôi lái con thuyền màu xanh đã rất lâu trước đây. Tuy giờ đây tôi đã chuyển đến sống ở một nơi khác, nhưng dù thế nào đi nữa tôi vẫn giữ lại con người thật của mình - Con-người-của-chính-tôi - để nó không bao giờ thuộc về quá khứ. Cuộc đời tôi sẽ mãi gắn bó với con thuyền, khi còn là một cậu bé, cho đến lúc trưởng thành, và giờ đây tôi vẫn đang căng buồm trên biển.